

Asia
AP
95
V6
1877
11
1955

XU TỰ DO



Ph Paul 54

NHÀ IN LÊ-V. TÂN. SAIGON. 53290

Quý

TRANH XUÂN CỦA HỌA SỸ PHẠM-TANG

NHÀ THUỐC LA-THANH

17-17 Bis, Rue Boresse — SAIGON

LA THANH NGHE — Dược sư

Địa chỉ Điện Tín :
LATHANH — SAIGON

Điện thoại : 22.329

DƯỢC PHẨM — BẢO CHÈ — DỒ PHỤ TÙNG

Đại-lý ở VIỆT-NAM, LÀO và CAO-MÈN của các viện :

Lederle Laboratories Division — New-York (AUREOMYCINE)
William Alfred Lewis — New-York (ÔNG CHÍCH "IDEAL")
Philips Roxane — Amsterdam (HEPAR RA FORTE)

Đại-lý ở VIỆT-NAM của viện :

Merck, Sharp & Dohme International — (PENICILLINE
New-York và DUO-STREP)

TIẾP ĐÃI TRỌNG HẬU

GIAO HÀNG MAU LẺ

Mục Lục

	Trang		Trang
Xuân Tự Do	1	Thầy Đợi lấy vợ	Nguyễn ngọc Tú 15
Hương về Tương Lai	2	Tết trên sông nước	Hoàng Lan 16
Con Chim trốn tuyết	Hồ hữu Tường 3	30 Tết, tết lại 30	Lê văn Siêu 17
Cung Đàn tưởng niệm (thơ)	Đinh Hùng 4	Một hội Đại-biêu	Hoa Lê 18
Khúc Hát lên non (thơ)	Đinh Hùng 4	Tổng cự Nghênh tân	Thượng Sĩ 19
Thủ Bút	Vũ Hoàng Chương 4	Lá thư về Bắc	Nhuệ Hồng 20
Thần tháp Rùa	Vũ khắc Khoan 5	Xuân Cần Lao	Thạch Kê 22
Cỏ Hàng xen chợ Bàu	Mặc Thu 7	Ngó lại con đường Văn Nghệ Việt Nam	Viên Phong 23
Xuân bất tận	Tam Lang 8	Ông già đánh được con cá lớn nhất thế giới	Bùi xuân Bào 24
Vở kịch hay nhất	Vi huyền Đắc 9	Nữ Sinh (thơ)	Mặc Đỗ 27
Bức tranh con Lợn Tết	Phạm Tăng 10	Phóng Bút — Dịch thơ Đường	Phan Phong Linh 27
Tết ép Xuân gương	Triều Dầu 11	Nhận xét về phim Việt Nam trong năm qua	Hải Đăng 29
Người dân ông và quả trứng	Mặc Đỗ 12	Tình số một năm thể thao	Vân Hòa 34
Tráng Sĩ một đi	Vũ Hoàng Chương 13	Sân khấu Cải lương Bắc Việt trong năm qua có gì lạ ?	Lê Văn 35
Gang thép đợi chờ (thơ)	Mặc Thu 14		
Hương về quê cũ	Vô đức Diên 14		

Tranh Bìa : « Bồng con về quê mẹ » và minh họa của Họa sĩ Phạm Tăng

Tranh Khôi Hài

Ngân Hà

XUÂN TỰ-DO

Giờ này, liễu ven hồ Hoàn-Kiểm đang đợi gió Đông để lên tơ.

Nhưng mảnh tơ liễu quá lơ thơ chưa buông kín nỗi tâm-tư của người đất Bắc trăm mối vô nhầu.

Xuân có sang mà hoa không tươi...

Hoa ngoài trời không tươi mà hoa trong lòng người thật đã héo đi từ khi là nụ. Nỗi uất-hận của người miền Bắc hiện quần-quai dưới một chế-độ mà điều-kiện tồn-tại là sự thủ-tiêu hoàn-toàn nhân-tính con người — nỗi uất-hận đó làm chén rượu mừng xuân của người Việt miền Nam có nâng lên cũng không cạn nỗi.

Trong chén rượu có bóng một áng mây Tần.

Lại nữa, giữa hai khoảnh-khắc le-lói ánh xuân, lòng chén còn vẩn lên những vệt mây thành.

Có người muốn gục đầu xuống bàn rượu mà ngùi-ngùi thăm nhủ : *Mộng lớn ai tỉnh trước ? Bình sinh ta biết ta, rồi mặc cho số-mệnh mờ-mờ nhân-ảnh...* của mình leo-đèo trong một cuộc dạ-hành trên con đường muôn ngã.

Nhưng, khi tỉnh rượu, lúc tàn canh, lại giật mình... mà nhận thấy sống giữa chu kỳ lịch sử này, chẳng làm sao giải quyết số-mệnh riêng mình ngoài vận-mệnh của toàn thể.

Vả lại, tại ngay chu kỳ trước, Gia-Cát-Lượng dầu đã dứt cơn Đại-mộng, mà vẫn động lòng trước thể cờ Tam-Quốc, Ôn-Như hầu tụy bàn-hoàn cảm thấy quyền họa-phúc trời giành mất cả, mà cũng đã cố gắng... kêu một tiếng cho dài kéo cầm.

Cho nên không thể thờ-ơ với những chuyển-văn xã hội.

Cho nên phải lăn vào cuộc sống có máu, chất sấm của óc và mô-hôi.

Có người cách ta vài chục năm về trước, một hôm dừng chèo Hạm-mạn, nâng bầu hồ trường mà chẳng biết rót về đâu.

Nỗi băn-khoăn của người ngày nay cũng tương-tự nỗi băn-khoăn của thế-hệ trước, khác một điều là những băn-khoăn hiện-tại phải được đặt trên một bình-diện rộng lớn hơn nhiều, bởi phức-tạp hơn, bởi vô cùng hiểm nghèo.

Thế-hệ trước thu gọn băn-khoăn của mình trong hai chữ Độc-Lập. Thế-hệ ngày nay còn phải chiều-rọi băn-khoăn lên thêm một chiều nữa : Tự-Do. Thế-hệ trước chỉ cần nhắm vào người dân Việt. Thế-hệ của lũ chúng ta còn nhắm tới ý-nghĩa của Con Người.

Xuân năm Mùi vì thế được mệnh danh là XUÂN TỰ-DO.

NHÓM CHỦ-TRƯỞNG «TỰ-DO»

HƯỚNG VỀ TƯƠNG LAI

NĂM nay chúng tôi thấy không thể ngừng lại để làm một cuộc tĩnh sồ cuối năm như thường lệ. Thời cuộc nước nhà đương diễn tiến với một nhịp độ bất thường. Cả một dĩ vãng lâm lữ, tri chậm vừa qua đã đem lại kết quả hiện tại. Kiểm điểm lại để mà than vãn không bằng nắm chặt tay lại, cần rằng hướng về tương lai, quyết tâm soay đổi thế cuộc. Lấy cái vui ngày mai làm men say mà khuấy động hiện tại.

HIỆN TẠI

Mùa Xuân năm nay tạm là một mùa Xuân hòa bình sau bao nhiêu năm khói lửa. Nhưng đối với bao nhiêu triệu đồng bào miền Bắc hoặc ở lại dưới gông cùm cộng sản hoặc đã vào Nam để tìm tự do, mùa Xuân năm nay là một mùa Xuân đau xót. Ngày đầu năm thấp nhen hương gọi hồn tổ tiên về không phải để chung hưởng không khí đầm ấm ngày xuân mà để kể lể nỗi xa lìa làng mạc, phần mộ cha ông. Bóng dáng lũy tre xanh chắc hẳn chưa bao giờ gọi cảm bằng ngày Tết năm nay của đồng bào miền Bắc. Lại còn bao nhiêu cảnh chia ly kẻ Bắc người Nam, bao nhiêu ngăn rào vì hoàn cảnh, vì lý tưởng. Có những người vợ búi riu con thơ vào Nam, ngánh lên phương Bắc mặt mũi dầu có thấy bóng dáng người chồng còn lơ đãng trên những ngã đường lý tưởng. Có những người mẹ lặn lội từ miền Nam ra Bắc những mong gặp lại đứa con si mê, nhưng trả lại chỉ nhận được mấy lời nhắn gửi nhạt nhẽo, phủ nhận cả những gì thâm thiết nhất của một đời người.

Chúng ta đang đứng trong một hiện tại tao loạn, tâm hồn không biết bầu vùi vào đâu để tìm một chút ấm cúng như tiếng pháo năm nào ở bên sau lũy tre xanh. Tâm trạng một anh dân công đập đá tại Quảng-Yên hay tâm trạng một đồng bào di cư ngơ ngác dưới mái dừa miền Nam ngày mừng một Tết thật không khác chi nhau. Cái bờ ngõ vì hoàn cảnh ray rứt với tất cả mọi người. Tinh thần dân tộc vụt thể hiện trong một nỗi nhớ bằng khuâng. Trong cái nhớ một ngày Tết cũ sự thật có cái nhớ những hình thái thuần túy của con người Việt nghìn năm. Ngày đầu Xuân năm nay chúng ta có diễn lên cũng chỉ vì cảm thù cái hiện tại loạn với những tình cảm loạn.

ĐI TÌM CÁI TA THUẦN-TÚY

Miền Nam phi nhiêu không đem lại yên tĩnh cho đồng bào miền Bắc, cũng như sự chung vui Tết năm nay với bao nhiêu bạn mới miền Bắc chỉ gây thêm thắc mắc



cho đồng bào miền Nam. Chúng ta thấy thiếu một nhịp điệu quen thuộc nghìn đời của mỗi người Việt nhân ngày Tết đến. Nếu còn tiếng súng chúng ta mê mãi đau đớn theo tiếng súng và quên sự yên hưởng không khí ngày Xuân. Tiếng súng đã dứt, chúng ta lại càng vô cùng xao xuyến trong một hoàn cảnh bình yên dang dở. Không một người nào trong chúng ta lại có thể bằng lòng với hiện tại. Không một người nào trong chúng ta lại không muốn kể lại một tình trạng lòng chồng như tình trạng hiện thời. Chúng ta thêm khát cái ta thuần túy đương sôi lên trong tâm nào mà không sao tìm thấy ở chung quanh. Ngày mừng một Tết năm nay ở miền Bắc liệu có ai tìm thấy thi vị của những màu sắc, những tiếng động vô cùng là Tết của ngày năm ngoài. Ngày mừng một Tết năm nay ở miền Trung, ở miền Nam đó ai cất tiếng chúc mừng năm mới mà khỏi ghen ngạo...

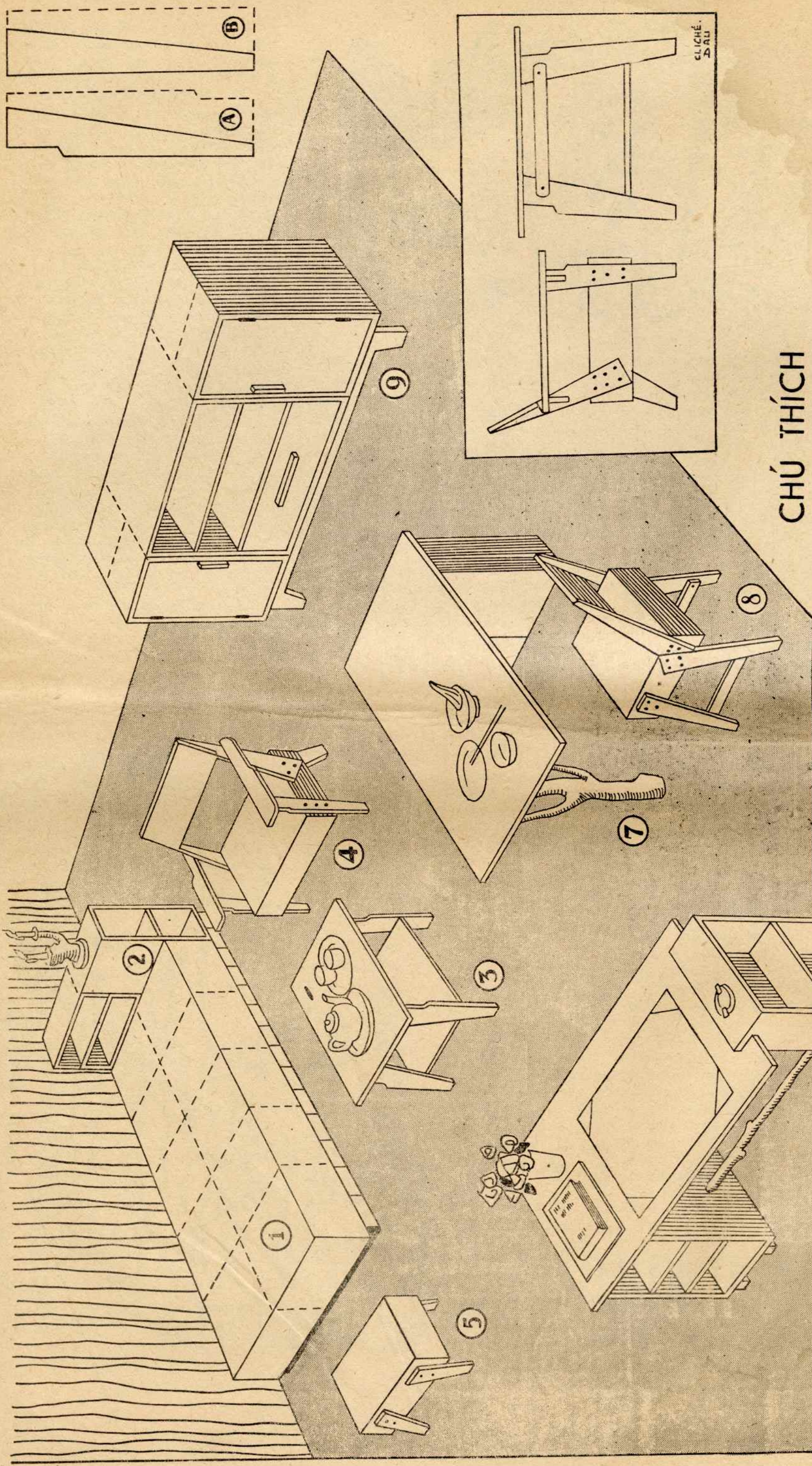
HƯỚNG VỀ TƯƠNG-LAI

Nhất định sang năm chúng ta sẽ có một cái Tết khác. Một cái Tết dân tộc như ông cha chúng ta mỗi năm vẫn hưởng. Chúng ta quyết xô đẩy cho nghiêng ngửa hết thảy những hình thức ngoại lai đương tràn ngập trong cái Tết năm nay. Ngày ba mươi Tết sang năm chúng ta sẽ kê lại ban thờ tổ tiên ở chính giữa ngôi nhà ba gian. Chúng ta sẽ lại có chậu cúc, có cảnh đào, có hương thủy tiên... Đèn Ngọc Sơn sẽ tấp nập những tà áo màu. Đèn Quan Thánh sẽ âm vang những tiếng khấn khứa cầu tài, cầu lộc trong đám mũ khôi hương...

Quyết tâm như vậy để nhận định thấy rằng tựa lưng ra biển chúng ta chỉ còn một con đường: con đường quyết tiến lên miền Bắc, đem lại nền thống nhất trên lãnh thổ cũng như trong tâm hồn chúng ta. Quyết tâm lao mình vào cuộc đấu tranh giành lấy tự do để thể hiện tinh thần dân tộc. Đồng bào Trung, Nam, Bắc cùng một ý chí cùng hẹn nhau một ngày Tết thống nhất sang năm. Đó là lời cầu chúc mà chúng ta trao gửi năm nay.

Tự-Do

VÀI KIỂU BÀN GHẾ RẺ TIỀN



CHÚ THÍCH

1. — DIVAN : dùng 10 thùng sữa ghép lại. Nếu muốn cao thì kê thêm một lượt gạch ở dưới vừa là chân cho thêm đẹp.
2. — TỦ KỆ : 2 thùng ghép lại. Đóng thêm đợt ngang bằng gỗ lấy ở thùng khác.
3. — BÀN NƯỚC : Mặt bàn nên ghép bằng gỗ ở 1 thùng lớn cho được rộng.
4. — GHẾ BÀNH : 1 thùng dùng làm đáy ngồi. Tay, chân và chỗ dựa lấy ở 1 thùng khác.
5. — POUPE : (xem kiểu)
6. — BÀN GIẤY : Mặt bàn ghép bằng gỗ lấy ở 1 thùng lớn.
7. — BÀN ĂN : Chân bàn nên dùng 1 đoạn cây có chạc cho đẹp.
8. — GHẾ DỰA : (xem kiểu vẽ)
9. — TỦ BUFFET : 2 đầu ghép bằng 4 cái thùng. Đột ngang và ô kéo ở giữa lấy ở 1 thùng lớn.
- A và B : Cách cắt chân ghế đỡ tốn gỗ.

VĂN-THANH
ĐĂNG-LINH
VO-DUC-DIEM
để thân tặng các bạn chưa quên.

HỒ HỮU TƯỜNG

NGÀY xưa, trên đất cực đông của châu Á này, có một người nhân, đức, hiền, lành, tên là Lạc. Bởi hình tướng người xấu xí, mặt lộ lộ như mặt rồng, nên tục gọi người là Lạc Long-quân.

Thuở ấy, loài người còn dã-man, chỉ bắt ốc, dăm cá, săn thú, chọi chim mà ăn thịt sống. Còn Lạc Long-quân, mỗi lượt thấy một con vật bị giết, thì trong bầy thế nào cũng có con buồn, buồn, thảm, thảm, biếng ăn, biếng chơi, nên lấy làm thương hại. Bèn tự hẹn không giết vật để ăn thịt sống; và bắt chước loài khỉ, tìm những trái ngon mà ăn. Thiên-hạ cho chàng là quái-vật, vì chẳng ăn thịt như kẻ khác, lại chỉ ăn quả mà thôi. Bấy giờ danh tiếng ấy đồn khắp ra. Thiên-hạ không gọi chàng là Lạc Long-quân nữa; và mượn ý chàng chỉ là kẻ ăn quả, nên gọi chàng là chàng Lạc-Việt, tức là « chàng Lạc ăn trái cây ».

Người này đồn, người kia nghe, chẳng bao lâu, cả vùng châu Á, thiên-hạ đều nghe nói tới người kỳ quái này. Và một nàng công-chúa, con gái vua Đê-Lai, tên là Âu-Cơ, nghe đồn, cũng đến xem ra sao. Một tình-duyên khởi đầu giữa nàng công-chúa Âu-Cơ và chàng ăn quả; rồi, vừa con sinh ra, vừa những con trẻ khác lần hồi nhiễm theo cái thú ăn quả thay cho ăn thịt, một bộ-lạc mới gây dựng nên, đông vầy, vui vẻ, đếm không xiết, nên người ta gọi là Bách-Việt, để trở lại cả những người ăn quả này.

Thế thường, đề tâm hại kẻ khác, thì, dù kẻ khác ấy là thú, họ cũng hại lại mình, đề tự-vệ. Nên khi bắt ốc, dăm cá, thì những người ăn thịt sống kia luôn luôn bị rắn, sấu, thường luồng cắn. Và khi săn thú, chọi chim, thì họ bị hùm, beo, lang, tượng hãm hại. Không có một cuộc săn bắn nào chẳng phải trả giá bằng những xác chết. Mà thịt để

dành ăn, năm ba bữa hóa hơi thôi, ăn vào sinh bệnh, nhào, lặn, rên, siết, không tay phù-thủy nào chữa khỏi.

Rồi họ nhìn lại bọn người trong bộ-lạc Bách-Việt, thấy ai nấy sồn sồn, hái quả ăn mà nỏ đùa với khỉ vượn, không chiến-dấu với ác-thú mà sinh oán, chác thù. Rồi họ ghen, họ ghét, họ oán, họ thù, khi những phù-thủy của họ bảo rằng người Bách-Việt chắc chắn là đồng-minh với Thần thú, Thần muông, nên chi muông, thú mới không hãm hại họ vậy.

Thế rồi tất cả người ăn thịt kia tổ-chức một cuộc chiến tranh vĩ-dại để tiêu-diệt bộ-lạc Bách-Việt của tất cả người ăn quả này. Do đó mà lần thứ nhứt, xảy ra trên lịch-sử một cuộc chiến-tranh lý-tưởng. Một bên lấy những bản-năng ghen, ghét, oán, thù do bọn phù-thủy nuôi nấng trong lòng ngu muội của đám đông mà làm động-cơ; bên ấy là bên những người ăn thịt. Một bên lấy tình thương yêu vô hạn-dịnh đối với người, đối với vật, lấy sự vui vẻ với thiên-nhiên làm lẽ sống; bên ấy là bên những người ăn quả.

Và không cần nói, ai cũng đoán biết rằng bên người ăn thịt đã đông hơn, lại quen chiến-dấu với ác-thú, thêm có vũ-khí mà còn đánh thỉnh linh, đã thắng trận dễ dàng. Và đám người kia, thấy cầm thú chết đã động lòng, làm sao mà cự lại cho nổi? Thế nên con đường sống của họ là con đường chạy chết. Bên thắng trận hành-diện và khinh khi, cho đối-phương mình chỉ là bọn « chó chạy cong đuôi ». Bởi vậy, từ ấy, họ lấy ý đó mà dùng chữ (mà phân-tích ra có chữ tàu, tức là chạy, và chữ tuất, tức là chó) để ghi tên cho dân Bách-Việt thua trận nọ.

Bọn người ăn quả chạy đến đâu cũng bị đám người ăn thịt vây bắt giết. Họ phải băng rừng, leo núi, mà chạy mãi.

Một ngày nọ, trong đoàn chỉ còn vãn vãn một trăm người sống sót theo cặp vợ chồng Lạc Long-quân và bà Âu-cơ, lại bị lừa vào một đám rừng ít trái mà nước lại độc, nên ai nấy uể oải, cảm thấy mình sắp chết. Bà Âu-Cơ yếu đuối hơn tất cả. Nhìn lũ con, vừa con đẻ, vừa con nuôi, mà như là con nuôi, bà rơi lụy: con thì dựa mền bà vì tình máu mủ, dựa kinh bà vì tình yêu đương nhân-loại, bà không lòng nào rời chúng nó, một mai Tử-thần đến đón bà.

Lần thứ nhứt, từ khi có chồng đến bấy giờ, bà mới thấy đau khổ. Bà nhắm mắt lại, để không nhìn thấy cả phần nửa dân con của bà mệt mỏi vì đói, vì bệnh, mà còn thêm đau lòng vì mẹ khổ tâm...

Bỗng nhiên, bà thấy hiện ra trước mắt bà một bà Tiên, cỡi hạc bay liệng từ đám tường-vân mà hạ xuống, giữa tiếng nhạc trời tung-bừng. Bà Tiên hỏi:

— Con làm gì mà khổ-tâm rung lên tận chín tầng trời, ngán hạc này bay qua không phùng?

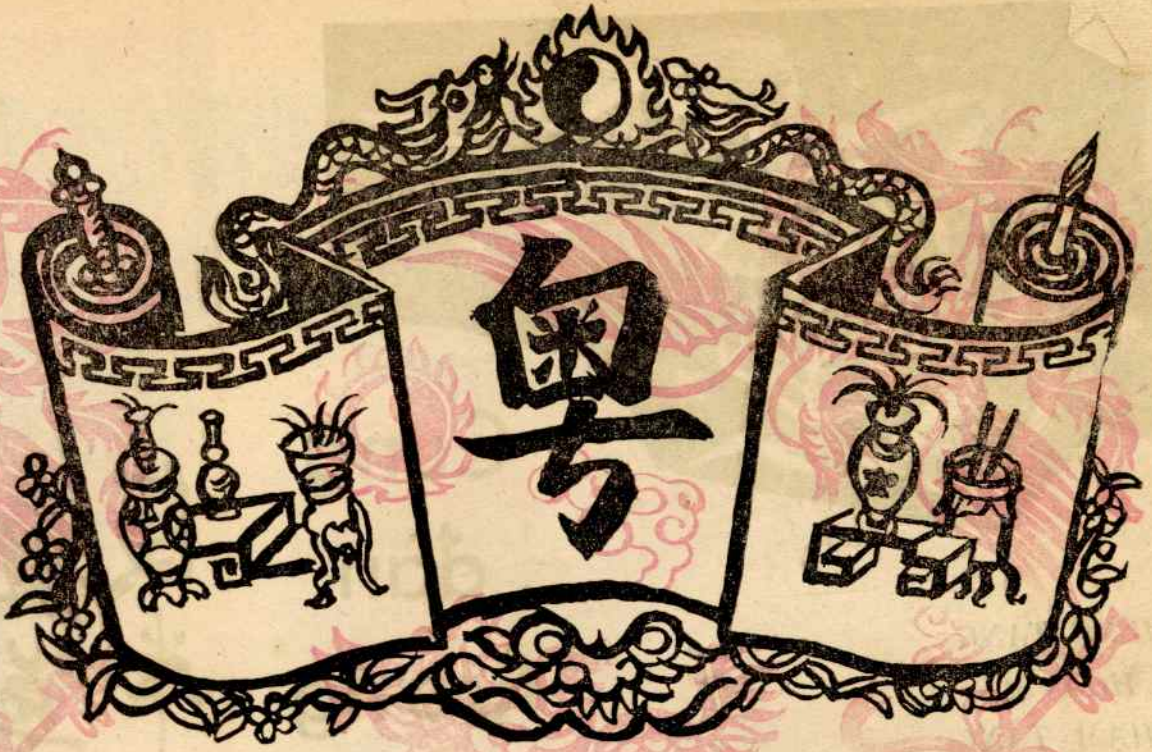
Âu-Cơ đáp:

— Bộ-lạc Bách-Việt của vợ chồng con đây chỉ muốn đem điều Thiên làm động-cơ cho sự sống, lấy tình Yêu làm lẽ sống, lấy sự Hòa-nhịp với thiên-nhiên làm mục-dịch sống. Thế mà trời chẳng chiều lòng. Bộ-Lạc chúng tôi bại trận trước sự tấn-công của sự Ác, của lòng ghen ghét, của tính tàn-phá. Đến đôi thua, chạy lạc vào đám rừng này, bởi nhìn ăn, mang bệnh, nên mệt mỏi, đi không nổi. Lòng tôi khổ vì mình thì ít, khổ cho con khá nhiều, khổ sao nhân-loại mẹ mãi với Ác-thần, thì khổ ấy đâu có bờ, có bến được?

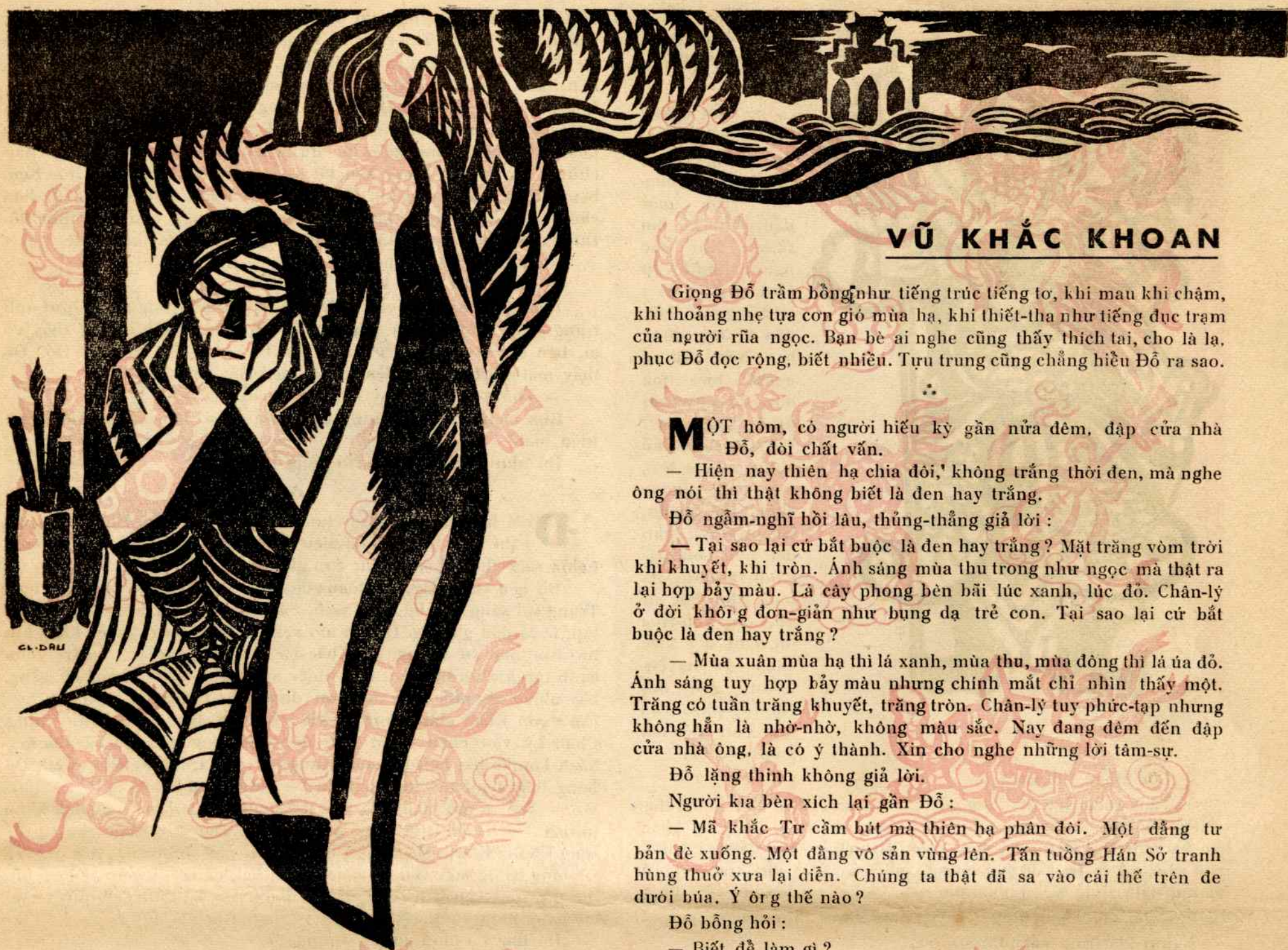
Bà Tiên suy nghĩ một chập rồi đáp:

— Đẹp để thay lòng Yêu vô hạn-dịnh ấy: Mà cũng khá tiếc thay cho lòng Yêu ấy không gặp Thời. Nay mới khởi đầu Hạ-Nguồn, nguồn của Đen-Tối, của Tội-Lỗi, của Ác-Tinh. Thì làm sao mà mấy giọt nước của Tình-Yêu kia đủ tưới tắt trận lửa hắc hùng mới bốc lên? Nhưng để cho lòng Lành bị nạn như thế này, lòng ta cũng không nở. Vậy ta giúp cho con và năm mươi đứa con của bộ-lạc được theo ta mà về t.ên. Lập tức ta hóa phép ngay. Người và năm mươi đứa con được thoát xác và muốn hóa thành gì, thì tùy ý.

(Xem tiếp trang 33)



CON CHIM TRƠN TUYẾT



VŨ KHẮC KHOAN

Giọng Đỗ trầm bổng như tiếng trúc tiếng tơ, khi mau khi chậm, khi thoảng nhẹ tựa cơn gió mùa hạ, khi thiết tha như tiếng đục trạm của người rửa ngọc. Bận bè ai nghe cũng thấy thích tai, cho là lạ, phục Đỗ đọc rộng, biết nhiều. Tự trung cũng chẳng hiểu Đỗ ra sao.

MỘT hôm, có người hiếu kỳ gần nửa đêm, đập cửa nhà Đỗ, đòi chất vấn.

— Hiện nay thiên hạ chia đôi, không trắng thời đen, mà nghe ông nói thì thật không biết là đen hay trắng.

Đỗ ngâm-nghĩ hồi lâu, thủng-thắng giả lời :

— Tại sao lại cứ bắt buộc là đen hay trắng ? Mặt trăng vòm trời khi khuyết, khi tròn. Ánh sáng mùa thu trong như ngọc mà thật ra lại hợp bảy màu. Lá cây phong bên bãi lúc xanh, lúc đỏ. Chân-lý ở đời không đơn-giản như bụng dạ trẻ con. Tại sao lại cứ bắt buộc là đen hay trắng ?

— Mùa xuân mùa hạ thì lá xanh, mùa thu, mùa đông thì lá úa đỏ. Ánh sáng tuy hợp bảy màu nhưng chính mắt chỉ nhìn thấy một. Trăng có tuần trăng khuyết, trăng tròn. Chân-lý tuy phức-tạp nhưng không hẳn là nhờ-nhờ, không màu sắc. Nay đang đêm đến đập cửa nhà ông, là có ý thành. Xin cho nghe những lời tâm-sự.

Đỗ lặng thinh không giả lời.

Người kia bèn xích lại gần Đỗ :

— Mã khắc Tư cầm bút mà thiên hạ phân đôi. Một đảng tư bản đè xuống. Một đảng vô sản vùng lên. Tấn tuồng Hán Sở tranh hùng thuở xưa lại diễn. Chúng ta thật đã sa vào cái thế trên đe dưới búa. Ý ông thế nào ?

Đỗ hồng hời :

— Biết đề làm gì ?

— Khôn cũng chết, dại cũng chết. Vậy biết đề sống.

— Cầu xin ư ?

— Ai mà không thích sống ? Quan-Công chịu đau giờ tay cho Hoa Đà cắt thịt cũng là thích sống. Tần-Thủy-Hoàng dựng Vạn-lý Trường-thành mà lúc gần chết cũng còn tìm thuốc trường-sinh. Tim sống mà bỏ chết, đó là thương tình của con người.

— Vậy đầu hàng đi.

— Hán hay Sở ?

— Tư bản đè xuống mà hòa theo là tư cách tiểu nhân. Vô sản vùng lên rồi lại việc gì nữa tự do.

— Vậy cứ khoan tay sao ?

Đỗ chưa kịp giả lời, người kia đã nói tiếp :

— Tôi thường nghe mỗi khi thời-thế chuyển xoay là có thuyết lạ ra đời. Xưa thì Tô-Tần bàn kế Hợp-tung, Mạnh-Tử luận « Dân vi quý ». Gần đây có người Đảng-Thực mưu việc duy-nhất tư tưởng Đông Tây, Hồ-hữu-Trưởng bản khoản muốn vượt Mắc-xít. Ông vẫn được tiếng là người nói giỏi, tất phải có ý định. Xin cho nghe.

Đỗ cúi đầu. Người kia không chịu mà rằng :

— Hay định học lối vô-vi của Lão Tử, không làm đề khô thất bại, không tu đề khô phân ly ?

Đỗ bèn thở dài mà rằng :

— Vô-vi làm sao được ? Ở cái bình-diện nhân-sinh tương-đối này thì làm sao mà thể-hiện được cái nghĩa tuyệt-đối của một chữ Vô ? Vô đấy mà cũng là Hữu đấy. Hữu đấy mà lại là Vô. Khó lắm thay !...

— Không vô-vi tất phải làm, vậy làm gì ?

Đỗ hồng đôi giọng :

— Ông đã đọc sách Luận ngữ chưa ?

NĂM loạn đầu hậu bán thế kỷ thứ hai mươi dương-lịch, có người trẻ tuổi họ Đỗ bán ruộng bỏ vùng quê lên Kê Chợ trọ học.

Đỗ vốn thuộc lớp trung-nông, thường sống bằng lợi tức ít mầu hương hỏa cha mẹ mất sớm để lại.

Vì quen nếp sống thanh đạm, gia dĩ lại sống một mình nên ít lo sinh kế, hàng ngày thường hay đọc sách, da dẻ trắng trẻo xanh xao, mình gầy vóc hạc. Lại luôn luôn mục kích sự tàn bạo của đám phú nông mà tâm-sự ủ-ê lộ ra ở đôi mày hay nhàu, miệng có cười, cũng héo-hắt không vui. Tính vốn ít nói, trong chốn giao-du lại cố-tình giữ trọn cái nghĩa nước nhất của người nước Lỗ, cho nên lắm khi cả ngày không lên tiếng một câu, hàng tháng biếng bước chân ra khỏi cổng. Họa hoằn thao-thao bất-tuyệt, là lúc đối diện một người hiểu biết. Những lúc đó Đỗ thường ngửa mặt lên trời mà than thời thế hoặc tác sắc đập bàn luận-dàm quốc-sự đến bỏ cả cơm. Tuổi đã lớn nhưng Đỗ vẫn sống một mình, không nghĩ tới việc vợ con. Con gái trong vùng có treu ghẹo ngó tình thì đỏ mặt ngóanh đi. Người trong họ đôi khi gọi việc trăm năm mối lái, thì sốc áo, nghiêm nét mặt mà không tiếp chuyện.

LÊN đến Kê Chợ, Đỗ ngồi dạy học ở phường hàng Bạc, tam yên sinh kế để có thể tiếp tục học hành. Đất Kê Chợ, nhà cửa như bát úp, người đi lại ngoài đường đông hơn mắc cửi, mà Đỗ vẫn giữ nguyên tính cũ, ngày một buổi đến trường nghe giảng văn rồi về thẳng nhà, đóng cửa đọc sách lạ. Bận cùng trường thấy lẻ loi, thỉnh thoảng rủ đi đánh cầu hay nhảy múa, Đỗ đều một mực từ chối. Nhưng trong câu chuyện, nếu có ai dă động đến thời cuộc, so sánh lý thuyết nọ với lý thuyết kia, là lập tức sấm-nấm bước vào vòng thảo-luận, nói hàng giờ không biết mỏi. Hoặc nêu thuyết nhà Phật mà bác bỏ định-đề tôn-giáo Cơ-Đốc. Hoặc đề-cao tư tưởng của văn sỹ Pascal mà đánh đổ lý-luận vô-thần. Hoặc chủ trương giai-cấp đấu tranh mà công kích những mưu-mô Tư-bản. Hoặc lập-luận tự-do cá-nhân để chống với độc-tài đoàn-thể. Có ai rút-rè nói đến giá-trị tự-tại của nghệ-thuật ắt Đỗ phải lớn tiếng thích-nghĩa nhân-sinh. Nhưng nếu có người muốn hạ văn-chương xuống ngang hàng một « đồ thực dụng » thời Đỗ lại chép miệng thở dài nhắc đến quan-niệm nghệ-thuật của Kant.

THẦN THÁP RỪA



— Đọc rồi,
— Tất biết
chuyện Tăng
Điềm!

— Xin nghe!
— Nhân Tử-
Lộ, Tăng-Điềm,
Nhiêm-Cầu, Công-
Tôn Hoa ngồi
hầu, Phu-Tử hỏi
rằng: Khi các
ngươi bình-cư
thường nói:
« Chẳng ai biết
đến ta mà dùng
ta ». Nếu như có
người biết mà
dùng thì các ngươi
định làm sao?
Tử-Lộ ước có
nghìn cỗ xe lớn,
ở vào thế yếu mà
chống thế mạnh.
Nhiêm-Cầu bàn
đến một chương-
trình kinh-tế ba
năm cho dân no
đủ. Công-Tôn-Hoa
thì nghĩ đến việc
« mặc áo huyền-
đoan, đội mũ
chương-phủ » vào
nhà Tôn-Miêu mà
giúp việc Lê.

— Còn Điềm thì sao?

— Tăng-Điềm lúc ấy đang gầy cái đàn sắt, tiếng đàn thông-thả
và hòa-nhã, bỏ đàn xuống, đứng dậy mà thưa rằng: Chi tôi khác
hắn ba anh kia. Đến cuối mùa xuân, áo mùa xuân đã may xong,
năm sáu người trạc độ hai mươi tuổi, sáu bảy đứa trẻ con, rủ
nhau đi tắm sông Nghi, hóng gió nền Vũ-vu, rồi hát mà về. Phu-
Tử thở dài mà than rằng: « Ta cũng thích như Điềm vậy »!

Người kia tròn mắt nhìn Đỗ:

— Tôi vẫn chưa hiểu.
— Có gì mà không hiểu?
— Vậy ý ông có thể thôi ư?
— Hãy tạm hiểu là như vậy.

Rồi Đỗ lắng lặng sắp đồ pha trà, căn-vận thế nào cũng không
nói. Một lúc sau, nhớ tới lệnh giới-nghiêm, người kia bỏ ra về.
Hôm sau kể lại chuyện, cũng chẳng ai hiểu Đỗ dụng ý những gì.

CUỘC sống nơi Kẻ Chợ vốn dặt dỏ, số người tị-loan càng
ngày càng đông, việc mưu-sinh trở nên chật-vật. Thiên-hạ
mãi kiếm gạo, dần-dà không còn ai bán tăn tới Đỗ. Thần hoặc,
có nhắc đến, cũng cho là viễn-vong, vu-khoát.

Nhưng từ cái đêm nhắc tới lời Phu-Tử, Đỗ lại thêm phần thắc
mắc. Đỗ nghĩ rằng cả bốn môn-dồ Phu-Tử đều có lý. Vì sở thích
Tăng-Điềm chẳng qua chỉ là cái dịch chung của thiên hạ, mà muốn
tới được đó, tất phải hoàn-thành cái cách Nhiêm-Cầu, mưu việc
Tử-lộ và tề chỉnh cho thiên hạ một thứ lễ nghi như ý Công-Tôn-
Hoa. Bốn ước-vọng, tựu-trung là cả một quốc-sách có trình-tự rõ
ràng. Đỗ thân-phục cổ-nhân nhưng cũng thăm trách cổ-nhân chỉ
bày cái dịch mà chẳng vẽ ra phương-tiện. Thật tình ai mà chả
thích mặc áo mùa xuân và tắm mát sông Nghi? Nhưng trong cơn
đại-loan này, tìm đâu ra được một Tử-Lộ, một Nhiêm-Cầu và nhất
là một Công-Tôn-Hoa?...

Tiếng guốc ngoại-ô lần tới hạp chợ sáng Bắc-Qua, đã nhiều
lần làm Đỗ giật mình thấy mình bó gối thâu đêm bên ấm trà tàn
bã. Càng suy nghĩ, càng thấy tối. Đỗ ngày một héo mòn. Người chủ
trợ ái ngại, muốn lựa lời khuyên giải mà cũng chẳng biết nói gì.

NGÀY nguyên-tiên năm Mão, có mở chợ Hoa. Thiên hạ tam
quên lo nghĩ, mặc áo mới, đồ ra đường, nam, phụ, lão, ấu,
lũ lượt kéo tới ven hồ Hoàn Kiếm. Muốn thêm vui, viên thị trưởng
họ Thâm ra lệnh kéo lưới bắt Rùa ở hồ lên để người Kẻ Chợ có dịp
nhìn tận mắt con vật trong truyền giát kiếm cứu quốc của vua Lê.
Người hiếu kỳ xem Rùa có tới hàng vạn. Không khí tung bừng, đây
đó treo hoa kết. Người chủ trợ thấy Đỗ vẫn âm thầm một
mình trên gác trọ, bèn thúc dục ra phố. Bắt đầu còn từ chối, sau

nề lời, Đỗ miễn cưỡng vuốt tóc, khoác áo ra đường. Khi tới nơi,
trời đã ngả chiều. Thiên hạ ra về gần hết. Người chơi hội chỉ còn
lác đác. Vì lâu không ra chỗ thoáng, Đỗ thấy tinh-thần sáng-khoái,
bèn bước vào một tửu-quán, chọn chỗ khuất gọi rượu ngắm hồ.
Lúc bấy giờ, gió đông thổi lộng, sóng hồ bập bênh, trăng rằm lên
ngôi, sương mỏng hương xuống ướt cả cỏ non. Đối cảnh mà cảm
khái, mềm môi, uống mãi, lúc đứng lên mới biết đã say. Đỗ chấp
chững ven hồ mà bước. Một lát sau thấy mình dừng lại trước Rùa,
bèn dương mắt mà ngắm. Rùa to bằng cái nia, đầu cổ sần-sùi, bốn
chân bị trói. Đỗ đứng lặng nhìn Rùa. Rùa cũng vươn cổ nhìn Đỗ.
Dưới ánh trăng nguyên-tiên, Đỗ chợt thấy mắt Rùa như mờ lệ.

Nhân còn say, Đỗ hỏi:

— Cũng biết thủy lệ ư?

Rùa gật đầu, vươn cổ ra phía hồ. Nước hồ trong xanh dưới ánh
trăng xanh. Đáy hồ rêu cũng xanh. Đỗ nhìn quanh không thấy có
ai, bèn sẵn tay áo cởi trói cho Rùa. Rùa dụi đầu vào tay Đỗ, Đỗ
thấy mát dọi lòng tay. Bèn vỗ vào mai Rùa mà rằng:

— Thôi đi đi, từ nay nên cần thận.

Rùa choãi mình xuống nước. Mai Rùa lấp-loáng phụt chốc
biến mất.

Đỗ nhìn theo hồi lâu rồi cũng trở về.

DÊM hôm đó, Đỗ chán-chọc, không nhắm mắt. Định đọc sách,
thì tâm thần phiêu-diêu bất định, chữ múa trước mắt,
nghĩa sách thoáng xuôi như cơn gió mùa xuân.

Đỗ bèn vùng dậy, mở toang cửa sổ. Trăng tỏa đầy gác học.
Trăng soi sáng bốn bề ngập sách. Sách ở bàn, ở tủ, từng tròng, từng
tập, ở cả đầu giường. Quyền mở xem vội vài trang, quyền khép kín
im lìm một xó tường. Mã-Khắc-Tư ôm-ấp Lão-Tử. Sartre nằm
cạnh tập kinh Tân-Uớc. Bao nhiêu suy nghĩ, bao nhiêu cố gắng,
bấy nhiêu cây mọc cắm dọc con đường tư tưởng tự nẻo xa xôi,
rắn vườn Eden chưa từng bỏ sát cho đến bây giờ... Tựu trung,
Chân Lý vẫn chấp chôn như đom đóm lập lờ giữa bãi tha ma.
Sách lặng lẽ lên bụi. Bụi sách lung lay ánh trăng nguyên tiêu. Đỗ
bỗng thấy ngột thở mà quay đi. Và dụi dụi nghĩ rằng:

— Thế ra mỗi người là một thế sống tùy thời mà biến hóa khôn
lường. Thế Chiến Quốc, Thế Xuân Thu... Thế sống Mạnh Tử và thế
sống Khổng Khuru. Mà nào ai đã khuyên nhủ được ai? Hỡi ơi! Ta
vỡ lòng trong mớ bụi dĩ vãng, nhón lên cùng tập giấy mùn, nhìn
thế cục xoay vần bằng con mắt cổ nhân. Nay lại định giải quyết hiện
tại bằng phương quá khứ! Còn vô ngực trách ai nữa?

Đỗ thở dài nhìn xuống đường.

« Đường xanh bóng irăng... »

Đường rộng rãi, thành thang mà vắng ngắt.

Đỗ cảm thấy hoang mang như người lên đường mất bạn đồng
hành. Tự cố, tự do nhưng lại thăm nghĩ:

— Thế ra ta chỉ một mình?

TẠI sao lại một mình, còn em?

Đỗ bàng hoàng quay lại, neho mắt không tin. Vì đúng
là có một người đứng trước mặt Đỗ: một người thiếu phụ, thướt
tha, mặt trắng, mắt trong, da mịn, tóc mun chảy như suối xuống
vai, áo màu rêu mát lạnh.

— Nàng là ai?

Câu hỏi tắt ngấm trong hơi thở ẩm dan. Hai vòng tay thom
ngát đã vòng quanh cổ Đỗ. Trăng sáng, môi ướt mọng chín mùi,
gió xuân lọt cần gác học. Đỗ dọn người mà mê đi.

(Xem tiếp qua trang 31)



CÔ HÀNG XÉN CHỢ BẦU

MẶC-THU



Quan quan thư cửu
Tại hà chi châu
Yêu điệu thực nữ
Quần tử hảo cầu

Nét bút viết, nửa theo lối Vũ-kiểm nửa theo lối Nga-Quần vừa tung-hoành khoáng-dạt vừa tươi-tắn dòn-hậu, khiến Hiền thầm kinh phục và cũng e-thẹn về dụng-ý kín đáo của khách.

Hiền càng e-thẹn khi biết khách đã công-phu dò biết Hiền là con gái cu Đờ. Một đôi lần Hiền đã thấy khách lỏng buông tay khẩu ngang qua ngõ nhà Hiền và có lần khách đã đánh bạo hỏi thăm Hiền đến sức khỏe Cu Đờ.

Hiền là cái bóng vang duy-nhất trong vùng, còn sót lại của một thời khoa-cử cũ với một mở chữ nho Cu Đờ truyền dạy

cho Hiền từ lúc còn đề tóc trái đào. Tuy biết nho học đã xuy, học để không hành, Cu Đờ cũng cứ muốn mỗi khi rượu sớm trà trưa có cô con gái khép nép ngồi nghe Cu giảng dạy cho một đôi câu thơ đặc vận.

Nhờ vậy khách mới được Hiền dành riêng cho một cảm-tình.

— Thế nào cô Hiền, chợ Tết năm nay hẳn đắt hàng?

Hiền bối-rối, mỉm cười khẽ đáp một tiếng « dạ » thật ngoan.

Khách quên lệ ngồi xuống chiếc ghế tre trong hàng nước ngay bên cạnh lều Hiền gọi bát nước chè tươi.

Chợ vẫn dần, lều tèo còn lại ít người mua bán muộn.

Hiền thông-thả sắp lại gánh hàng, cố đánh bạo ngập-ngừng hỏi khách :

— Ông khách hôm nay không mua gì cho em à?

— Có chứ! — Khách cười, giang tay chỉ vào gánh hàng Hiền đang sắp dọn — tôi muốn mua cả gánh hàng còn lại của cô!



Đây là một giấc mơ đẹp của cái tuổi vàng đôn hậu nào xưa, thuật qua tâm tư xao xuyến một con người đang sống trong cái ám ảnh hãi hùng của chiến tranh. Và câu chuyện sau đây, diễm ảo như một thiên tình sử, nhưng cũng thực như tất cả mọi sự thực tàn khốc của cuộc đời. Là vì, giấc mơ tuy đẹp, nhưng cũng chỉ mong manh như một cánh hoa đào sắp rơi vào trong cơn gió lộng.

Ngôi bút xã hội sắc bén của Mặc-Thu, ở đây, trong một giây phút cảm thông chân thành với cái Đẹp Xưa thuần phác, đã hồn nhiên đi vào thế giới của Thơ và của Mộng, để rồi lại lạnh lùng quay về thực tại. Hướng về một dĩ vãng chỉ còn là ảo ảnh, tác giả đã dừng bước niềm hoài ngay trước cái điều tàn bi đát của chính nỗi lòng mình. Hai trạng thái tâm tư biến chuyển. Hai bức tranh tương phản tình cờ: Một bức mộc bản cổ sơ với những nét vờn hiền dịu, và một bức tranh hiện thực phũ phàng, đột ngột trưng lên những sắc màu u ám.

Qua một kỹ thuật trình bày dụng ý thi vị hóa cái « Thực » và sau đó lại nhìn thấu suốt vào thực thể thô bạo của cái « Thơ »; qua một lối hành văn lễ nhị đặc biệt, kín đáo mà bộc lộ, ngập ngừng mà kêu gọi, bạn đọc sẽ tìm thấy ở « Cô Hàng Xén Chợ Bầu » cái bàng khuâng trầm lắng của một tâm sự nửa chiều khép mở, thứ tâm sự u ám của con người thời-đại lạc giữa bao nhiêu tai họa bất kỳ. Con người điển hình của một thời ly loạn.

ĐÌNH-HÙNG

Hiền đỏ hồng đôi má chớp mắt nhanh nhìn khách qua hàng mĩ dài tươi mát như lùm tre.

Hôm ấy cô hàng Xén gánh hàng về muộn, trên đường về xóm La vắng ngắt có người khách văn-nhân thông-thả dắt ngựa đi bên.

Câu chuyện thù-tạc chuyển dần sang câu chuyện thanh-khi.

Cô hàng Xén được biết khách là một học-trò nghèo vùng xuôi chưa lập gia-đình, lên đây không phải để theo việc nghiên-bút mà để làm trọn nghiệp đạo-cung từ buổi thành Thăng-Long chìm trong ngọn lửa chiến-chính.

Khách cũng biết thêm: cô hàng Xén xinh đẹp của chợ Bầu đã hứa hôn cùng con trai một nhà điền-hộ trong vùng từ vụ mất mùa năm Dậu. Một năm vừa lụt-lội, hạn-hán vừa loạn-lạc do cuộc chinh-biến quân đội Nhật gây nên.

Gia-đình cu Đờ chịu ân giúp đỡ của nhà điền-hộ nọ từ đấy và chỉ còn đợi sang xuân là cho làm lễ vu-quy.

Gã kia hiện là một du-kích của làng Bầu, đêm đêm thường cùng một vài kẻ đồng-đội đi gài mìn trên khắp mọi nẻo đường trong vùng.

Tuy vậy cô hàng Xén chợ Bầu cũng đã nhận của khách hai bài thơ viết sẵn, nắn-nót trên mảnh giấy hoa-tiên và nguyện sẽ giữ mãi sau lần yếm đào không bao giờ rời khỏi.

(Xem tiếp trang 25)

PHIỀN chợ này là phiên chợ Tết cuối cùng nên từ sớm tới xế chiều Hiền bán luôn tay không biết mệt.

Cô hàng Xén xinh vào bậc nhất chợ Bầu quanh năm vẫn có tiếng đông khách, lựa là phiên chợ cuối năm.

Không hẳn vì đôi má lúm đồng tiền, đôi mắt bồ-câu đen láy hay đôi môi cắn chỉ của cô đã làm bao nhiêu lòng trai trong vùng say như điệu đờ, mà còn vì cách chịu đựng khéo-léo, lễ độ của cô với những khách hàng ưa tìm câu tròng ghẹo nhân lúc đông hàng qua bán tay thon-thon thắp bút nuột-nà như sắp nặn của cô.

Dẫu khách còn niên-thiếu hay đã đứng tuổi đều có thể hy-vọng mong-manh qua những lời ý-nhị của cô hàng.

Hiền có hương-sắc đậm-thắm của thứ hoa nhài, nhưng lại cũng có cả hương-sắc thanh-dam của giống hoa lan trang nhã.

Buổi chợ hôm nay, cô hàng chừng quá bận, đã quên nghe những lời trao duyên của khách.

Hiền thẳng-thốt, nhiều lúc quên cả lấy tiền hàng. Mỗi lần như vậy đôi má Hiền lại đỏ hồng e-thẹn, trông như khách hàng đã đọc được tâm-sự riêng của mình.

Cho đến khi từ phía cổng chợ, bóng một con ngựa thoảng hiện dưới lùm tre non xanh mát, đôi tay Hiền bỗng trở nên luống-cuống. Lòng Hiền xôn-xang một cách dịu nhẹ khác thường.

— Ông khách quen! Hiền nghĩ thầm và không dám nghĩ thêm.

Khách là một thư-sinh ăn vận sơ sài trong bộ quần áo vải nâu và chiếc nón lá, nhưng vẫn có giáng-diệu hào-hoa phong-nhã. Đã từ mười phiên chợ nay, khách nghiêm-nhiên là một khách hàng quen của Hiền.

Tháp bút, thép giấy, hay nghiên mực luôn luôn là những món hàng khách ưa dùng.

Khách nói năng ung-dung và lễ-độ. Tuy muốn thác cớ mua bán để được nói chuyện với Hiền nhưng không hề có câu nào xàm-xỡ.

Hiền quyết đoán khách là một văn-nhân vì có lần khách đã thử bút trên trang giấy bạch-diệp bốn giòong chữ:



XUÂN BẮT TẬN

Đêm nay đã là đêm 29 tháng chạp Âm-lịch.

Ngoài trời, gió Bắc-phương thổi về, giá lạnh, trời Tân-đô cũng như thấp xuống để cùng nhân-thế giao-hoan.

Hết thầy mọi nhà, đêm nay đèn giông hương thấp, và hết thầy nhân-dân sớm mai đất-dầu nhau đầy đường chật phố để mừng đón Xuân sang.

Lòng người hồi-hộp vui mừng như trút bỏ hẳn được bao mối ưu-phiền còn lắng lại cuối đêm Trừ-Tịch.

Ngày mai đây, cũng chen lấn vào muôn ngàn lớp sóng nhân-dân đang sôi-nổi như sóng Đại-dương, sẽ có một số đồng-bào, vì quá ngậm ngùi mà nói chẳng nên lời, cười không ra tiếng.

Những đồng-bào ấy chính là chúng ta, những người dân phương Bắc đã từ bốn năm tháng trời nay, rời bỏ ao sâu đồng rộng, rời bỏ đồi chè nương sắn, phó thân cho cơn gió thảm xô-cuốn xuống phương Nam đất-nước để sống trong lo-âu, trong cô quạnh, bơ-vơ như những chiếc lá lìa ngàn...

Những người dân lãnh của Đất-Nước, những người con yêu của Tổ-Quốc ấy, đã vì nạn qua-phản lãnh-thổ, phải đến đây nương gối lòng đau, nương gối mệnh sống vào tình tương-thân tương-ái của đồng-bào Nam-Việt để nuôi lại trí Quật-Cường.

Ngay tại Thủ-đô này, hàng ngày tôi đã được tiếp-xúc với đồng-bào Bắc-Việt tha-

TAM - LANG

huong, và trong những câu chuyện hàn-huyên, tôi đã được rõ tâm-trạng đau-khổ căm-hờn của những bạn ly-hương vì quốc-nạn.

Đã có những bạn chau mày kể lại cho nhau nghe cái thảm-cảnh hai lần phải tản-cư trên bước đường lang-thang vô-định.

Thương-tiếc cơ-nghiệp một đời người mới gây dựng được bằng công mồ-hôi nước mắt,

có những gia-dình đã nhất định liều chết cố vượt trùng-dương trên những ghe thuyền mỏng-mảnh, quay đầu nhìn lại qua hai hàng nước mắt túp nhà lợp da dưới mây lữ tre xanh.

Lánh bỏ nơi chôn rau cắt rốn để đi tìm Tự-do và Sinh-kế, nhiều đồng-bào vô-tội đã can-dảm chống-chọi lại bao cơn bão-táp ngoài trời và cả trong lòng.

Rồi sắc-sor tiêu-tụy trong những làng mạc cũng sắc-sor tiêu-tụy ở phương Nam sau nạn Cộng-sản lan tràn, những người dân chất phác của Bắc-phương đã bị héo-hắt ủa-tàn trong gian-lao, trong bệnh-hoạn.

Kể câu chuyện cũ vừa qua, mấy người bạn trẻ áo nâu đã nghiêng răng nuốt nỗi căm-hờn uất-phân.

Trong khi ấy thì vài ba ông già đồng ruộng vẫn ngồi lặng lẽ ngắm chiều nhìn lên bức tường ghép ván, có lẽ lòng đang thẩn-thức nhớ túp lều tranh phòng-khoảng dưới một trời xuân yên-tĩnh đầy hương hoa ngát, nhớ đàn trâu lành cây-bừa trên một khoảng nương sương chiều tỏa lạnh, nhớ giồng súi trong, nhớ bờ lau trắng, nhớ bao nhiêu màu sắc, bao nhiêu vang bóng của bao nhiêu thế-hệ qua đi từng mùa Xuân đến, mà cuộc sống âm-thầm hiu-quạnh giữa cụm chuối hàng cau, gió chiều xào-xạc, quanh chân sim bóng đá hoang-vu bí-mật đã bắt rễ trong tâm-hồn người dân đồng ruộng cũng như đồng rừng Bắc-Việt như những lớp rêu cô-kính bám chặt vào tường vôi vách đá trùng-trùng điệp-diệp, bất chấp cả gió mưa giông-tổ phũ-phàng.

Vậy mà chiến-sự đã tàn phá cả rừng xanh núi đỏ, cuộc phân chia đất nước đã đảo lộn cả cuộc đời phẳng lặng của thôn-dân, cuộc đời cao rộng của sơn-nhân.

Từ đồng-bằng lên mạn-ngược, từ mạn-ngược xuống đồng-bằng, tay búa, tay liềm, Từ-thần đã vùng-vẫy hoành-hành khiến bao lớp người quần nâu áo vải, lớp người khăn trắng áo chàm đã tan-tác điêu-linh, người thì bơ-vơ như chim chích lia ngàn, kẻ thì ngo-ngác như hươu ngàn lạc ruộng.

Đoàn người lìa rừng bỏ ruộng từ bốn tháng giờ nay đang sống giữa những cánh đồng cỏ ủa đất cằn với một khối óc hoang-mang, với một con tim hồi-hộp.

(Xem tiếp trang 31)



TÁO A. — Trời ơi! các báo họ đang cười lộn về lối quần áo này, bác diễn hay sao mà dám diện về thiên-định?
TÁO B. — Khờ làm bác ạ! lão chủ nhà tôi thích mặc « Cao-Bồi » nên năm nay nó cũng tôi thế, không nhận thì bác bảo lấy gì mà mặc để về châu Thượng-Đế.
TÁO A. — ...



Trong phòng khách của nhà văn Trọng-Bình. Bốn người bạn của ông đang ngồi nói chuyện với nhau, đợi chủ nhân còn ở nhà trong chưa ra.

KỶ-BẢO. — Này! Hai anh ngẫu-nhiên đến, hay cũng nhận được thiệp của Trọng-Bình đấy?

TÀN-QUAN. — Tôi nhận được thiệp gửi bưu-điện...

UẦN-CHƯƠNG. — Tôi cũng vậy...

A-TUYỀN. — Còn tôi, nhà tôi gặp chị ấy hôm qua, chị ấy nhắn...

KỶ-BẢO. — Gớm! không biết có cái gì mà có vẻ nghiêm-trọng thế nhỉ?

TÀN-QUAN. — Ừ, quái nhỉ... hay là...

UẦN-CHƯƠNG. — Việc gì mà phải đoán... đề anh ấy ra đây rồi ta hỏi... vội gì... mời các anh hãy soi nước đi đã (tay vờ chén nước, nhấp) chè thơm quá... chỉ đến cái anh Trọng-Bình này là được uống chè ngon...

A-TUYỀN. — Còn phải nói... một tay vẫn tự-phụ là sành chè mà lại...

Trọng-Bình, tay cầm một tập giấy, ở nhà trong ra, miệng tươi cười.

TRỌNG-BÌNH. — Lâu lắm mới lại được họp mặt, nhớ các anh quá!... (đi lại, bắt tay từng người một, một cách thân-mật, niềm-nở)

KỶ-BẢO. — Các anh có nghe không, ấy là anh Trọng-Bình anh ấy nhớ chúng mình mà bần-bật từng ấy lâu...

TÀN-QUAN. — ...Không tho-từ... không một nhời nhắn-nhe... anh tẻ thật!...

A-TUYỀN. — Mấy hôm đầu, nhà tôi đi tìm chị ấy khắp nơi, chẳng ai biết gì hết...

UẦN-CHƯƠNG. — ...Thì cái đời nguyên-trong của chúng ta, họ cắt cánh tung bay đến một phương-trời xa lạ nào đó của họ mà lại...

TRỌNG-BÌNH. — Thôi xin các anh, các anh cứ quan-trọng-hóa và thi-vị-hóa làm gì cái việc rất thường, rất dân-dị, là: ở tỉnh mãi nó bực-bội, vợ chồng chúng tôi đem nhau về quê...

KỶ-BẢO. — Nhưng về quê dăm bữa, nửa tháng, chứ ai lại bần-bật ngần ấy lâu?...!

TRỌNG-BÌNH. — Không phải về quê nghỉ mát... chúng tôi về quê với một cơ rất chính-dáng...

KỶ-BẢO. — Có gì nào?... Liệu có cho chúng tôi biết được không? Hay...

TRỌNG-BÌNH. — Anh làm gì mà nóng-nảy thế... Thì đây (tay đề lên tập giấy cầm ra lúc nãy) cái cơ ấy đây... hôm nay đem trình các anh đây...

UẦN-CHƯƠNG. — A! Bần-thảo mời!... Có thể chứ, ai lại bao nhiêu nay, anh chẳng có bài vở, chuyện dài, chuyện ngắn gì cho báo của chúng ta cả...

TRỌNG-BÌNH. — Sở dĩ tôi muốn giấu các anh là vì tôi muốn đòi lỗi viết... mà cái việc thay đổi này cũng là do lời khuyên của các anh...



A-TUYỀN, vỗ tay, đứng dậy. — Tôi đoán ra rồi, anh viết kịch, phải không? (nhìn về phía tập bản-thảo) Địch thì rồi... chẳng lẽ ngần ấy lâu mà chỉ có một tập bản-thảo mỏng dính thế kia...

TRỌNG-BÌNH. — Anh A-Tuyền đoán đúng... thừa các anh, đây là vở kịch đầu tiên của tôi...

TÂN-QUAN. — ... mà cái việc thử-tài này nhất định đắc-thắng... anh để công tôi ngần ấy lâu kia mà...

TRỌNG-BÌNH. — Không, các anh ạ, các anh hẳn biết tính tôi, tôi làm việc gì cũng cần-trọng... về quê, trước khi cầm bút viết, tôi đọc ngày, đọc đêm, không biết bao nhiêu là kịch, kịch cũ, kịch mới, kịch âu, kịch á, kịch việt... đọc, rồi nghiền-ngẫm, suy-nghĩ, chán-chê, mê-mỏi, rồi mới dám viết.

UẦN-CHƯƠNG. — Nhất định phải được đúng như lời anh Tân-Quan vừa nói, một cuộc thử-tài là một cuộc đắc-thắng... và lại, sự im hơi, lặng tiếng của anh chính là một dấu hiệu thành-công... các anh có nhớ không: « Ba năm không bay; bay, phải lên tới bích-lạc!... Ba năm không kêu; kêu, phải làm cho người đời kinh-hoảng! »

TRỌNG-BÌNH, vừa cười, vừa xua tay. — Anh Uần-Chương, tôi xin anh, xin cả các anh, các anh hãy nút cái « lọ » « tam hóa » của các anh lại cho tôi nhờ... phải, lúc này các anh ấy đã quan-trọng-hóa và thi-vị-hóa cái cuộc về quê của vợ chồng tôi, bây giờ đến lượt anh, anh lại mở nút cái « lọ » thần-thánh-hóa ra... thừa các anh, các anh nhớ cho rằng viết là cái công việc thông-thường, dĩ-nhiên của con nhà văn... về phần tôi, tôi đòi viết mà viết kịch, điều trước hết là do một sự thúc-dẩy của nội-tâm, điều nữa là do các anh, các anh cứ luôn luôn khuyên tôi thử viết kịch... tôi viết kịch, chỉ có thể, và có thể thôi...

KỶ-BẢO, nói với Trọng-Bình. — Xin anh cho biết tên vở kịch của anh...

TRỌNG-BÌNH, cười. — Tên ấy à, chưa có tên, các anh ạ... tôi tìm ra đến ba, bốn cái tên, nhưng không biết lấy cái nào, mà quả tình, chưa vừa ý hẳn cái nào cả... Để tôi đọc cho các anh nghe, rồi các anh hoặc chọn-lựa, hoặc tìm hộ tôi một cái tên...

UẦN-CHƯƠNG. — Vâng... thế, xin hãy cho nghe.

TRỌNG-BÌNH, cười, đắc-ý. — Thì đây, anh làm gì mà nóng thế?... Nhưng, trước hết, xin các anh chú-ý cho mấy điểm này... Vở kịch của tôi đã được viết theo cái phương-thức: khai, thừa, chuyển, hợp... nên tất cả có bốn đoạn, đoạn thứ nhất là đoạn khai, nghĩa là mở đầu cho câu chuyện, đoạn thứ hai, thừa cái việc, cái ý ấy mà dàn ra, đoạn thứ ba là đoạn chuyển cái việc cái ý ấy xuống, để rồi ở đoạn tư, kết thúc lại.

UẦN-CHƯƠNG, vừa cười, vừa nói. — Vâng, vâng, vâng, muốn khai, muốn thừa, muốn chuyển, muốn hợp gì thì hợp, nhưng, chắc các anh cũng đồng ý, thế-cách, phương-thức nào cũng được hết... miễn là đừng có rơi vào cái thử phương-thức « com nẹp-nát » làm cho người nghe, người đọc chán-ngán, là được.

TRỌNG-BÌNH. — Vâng, tôi xin đọc... Sau khi top một ngụm nước chè, Trọng-Bình đọc. Hết đoạn thứ nhất. Cả thính-lọa vô tay, hoan-nghehnh.

UẦN-CHƯƠNG. — Được! Được lắm... nhờ văn rất thoát!

TÂN-QUAN. — Được là thế nào? Hay ấy chứ lại! Văn đối-thoại như vậy là uyển-chuyển lắm. Tôi xin bái-phục, mới vở kịch đầu mà đối-thoại của anh rất lưu-loát, rất « sống ».

KỶ-BẢO. — Thì xưa nay, chúng mình chẳng văn bảo là Trọng-Bình rất có khiếu về đối-thoại là gì, các truyện dài, truyện ngắn của anh ấy, chẳng đầy đầy những đối-thoại là đối-thoại, là gì.

A-TUYỀN. — Mà, cũng vì thế mà anh em mình mới thúc anh ấy viết kịch, thôi...

UẦN-CHƯƠNG. — Tôi thốt ra mấy tiếng « được », là vì khoái-ý mà buột miệng nói ra... chứ, cho dầu một tay lão-thành cũng viết đến thế thôi... Tôi cũng vẫn nói với các anh rằng viết kịch khó hơn viết tản-văn là gì... Cứ nghe cái đoạn đầu này chúng ta cũng đã thấy anh Trọng-Bình có khiếu về



văn đối-thoại lắm rồi, thế là chúng mình yên-tâm về cái nghệ-thuật biểu-diễn của anh, chỉ còn cách bố-cục và sự chuyển-động ở trên sân-khấu... vậy xin anh cho nghe nốt...

Trọng-Bình lại đọc, đọc hết cả vở kịch. Tất cả vỗ tay hoan-hô một cách nhiệt-liệt.

TÂN-QUAN, đứng dậy, nắm lấy tay Trọng-Bình và lắc lia-lịa. — Hay lắm! Hay lắm!... anh đã thành-công... câu chuyện thu-xếp rất khéo, kết-thúc rất tự-nhiên!... Nhưng, xin anh cho phép tôi góp một cái ý-kiến nhỏ... Theo thiển-ý của tôi, cái đoạn hai, cái đoạn mà anh gọi là « thừa » ấy mà, thừa để rồi chuyển, nó thừa thật, thừa theo nghĩa nôm, chứ không phải thừa là nối tiếp... Giá anh bỏ quách nó đi thì hơn, anh ạ... này nhá, khai, rồi chuyển, và hợp, có gọn-gàng bao nhiêu... không cần « thừa » thung gì cả, câu chuyện cũng đủ rõ-ràng lắm rồi... anh nghe tôi, bỏ đoạn hai đi... (quay sang phía các người kia) các anh có đồng-ý với tôi không?... Bỏ đi là phải chứ, nhỉ?

Các người đồng-thanh khen phải. Trọng-Bình thử người ra suy-nghĩ.

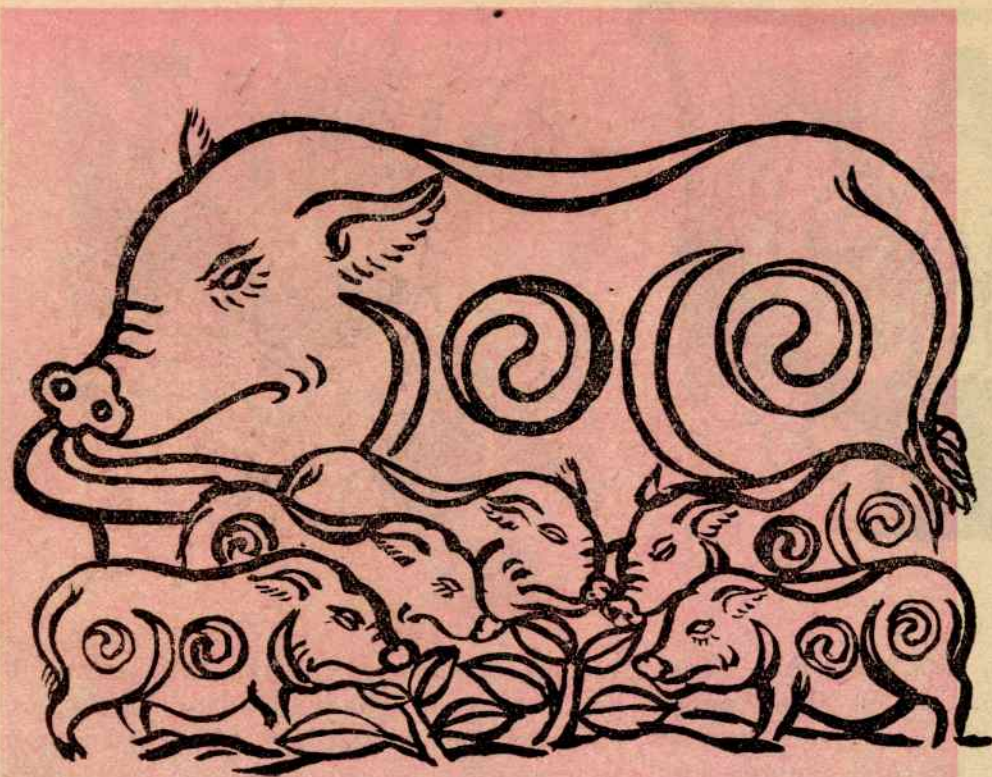
TRỌNG-BÌNH, sau mấy phút yên lặng. — Vâng, nếu tất cả, các anh đồng-ý, tôi xin nghe theo... Đây mới là ý-kiến của anh Tân-Quan... thế còn các anh... các anh cứ thẳng-thắn phê-bình, đừng sợ tôi phạt-ý... các anh đã biết tôi, bao giờ tôi cũng giữ một cái thái-độ rất phục-thiện, kia mà...

UẦN-CHƯƠNG. — Mà chính đây là cái lượng nó làm cho anh một ngày, một tiến... Quả thật, nếu không biết tính anh, không khi nào chúng tôi dám sỗ-sàng hỏi anh cắt đoạn này, bỏ đoạn kia... đối với anh em mình, một tác-phẩm là một đứa con tinh-thần, một khi nó đã thoát-thai, cho dầu nó thọt-cẳng, khoèo tay, vậy mũi, cụt tai, hay sao đi nữa, không khi nào chúng mình đành tâm để cho ai mổ sẻ nó... chúng tôi biết lắm chứ, nhưng cái vở kịch này là vở đầu tay của anh, nhất định nó phải may sớ, nó phải hoàn-toàn, để cho tất cả anh em cũng được dự phần vinh-quang với anh... anh Trọng-Bình à.

TRỌNG-BÌNH. — Anh nói rất đúng... Bây giờ « châu » nó đã ra đời, các bác cố bóp cái đầu, nắn cái mũi, kéo cái lưng cho nó giùm tôi để cho nó thực bành-trai để nó ra xung-mạo ánh đèn và chào đời... Thế ý anh thì ra sao, anh Uần-Chương? Theo anh Tân-Quan, anh đã cùng tất cả anh em đồng-ý bỏ đoạn hai... nhưng còn riêng anh, anh có ý-kiến gì, anh cứ nói...

UẦN-CHƯƠNG, suy-nghĩ, ngập-ngừng một lát rồi mới chịu đáp. — Khó quá!... anh Trọng-Bình à, theo ý tôi, tôi không muốn có cái đoạn ba, tức là cái đoạn « chuyển » của anh... Này nhá, ta đi thẳng ngay vào việc rồi ta kết-luận, có phải mau-lẹ biết bao!...

(Xem tiếp trang 30)



CON CHIM XANH CỦA NGHỆ-THUẬT HAY BỨC TRANH CON LỢN TẾT

PHẠM-TĂNG

NGÀY xưa... có một họa-sỹ, tay bị bệnh tê liệt. Người họa-sỹ muốn vẽ cũng không sao cất nhắc nổi bàn tay. Anh ta rầu rĩ buồn thảm vì không có thuốc thang nào chữa khỏi bệnh. Một bà tiên động lòng, hiện xuống bảo: « Nếu con tìm thấy con Chim Xanh thì mới chữa nổi bệnh! ». Anh ta vội vàng nghe lời, bỏ quê hương ra đi tìm Chim. Anh ta đi thực nhiều nơi xa xôi. Vượt sông Dương-tử, qua bến Hoàng-Hà, lên núi Phú-sĩ, băng qua Kim-tự-Tháp tới những miền băng tuyết của Thế-giới Tây-phương. Qua bao nhiêu lâu dài vàng son của Nghệ-Thuật, rút cục cũng không tìm thấy con Chim Xanh.

Anh ta buồn bã giở về xứ cũ. Một ngày kia, tóc bạc lưng cong, anh ta đeo bàn tay liệt về tới quê hương. Qua một phiên chợ tất niên anh ta ngấm ngùi đứng trước gian hàng tranh Tết. Bỗng anh ta kinh ngạc xiết bao: trên mái lá, ẩn sau bức tranh con lợn Tết, anh ta thoáng nhìn thấy bóng con Chim Xanh của Nghệ-thuật. Anh ta run run, lo sợ, tưởng chừng như một ảo ảnh. Một sức mạnh thiêng liêng làm cho anh ta từ từ cất nổi bàn tay tê liệt. Nhưng oan nghiệt thay, vừa với tay được tới bức tranh Tết, thì vì cố gắng và cảm động quá sức anh ta ngã gục xuống và chết trên những tờ tranh rực rỡ màu Xuân... (1)

XUÂN năm nay, có một kẻ cảm thương người nghệ-sĩ chết vì lý-tưởng, thuật lại câu chuyện con Chim Xanh của Nghệ-Thuật, và thử mượn lời người trước giới thiệu với bạn đọc bức tranh « Con Lợn Tết ».

ĐẶC biệt nhất trong tập tranh Mộc Bản in trong dịp Tết Nguyên-Đán là bức tranh Con Lợn. Tuy là một sáng tác phẩm bình dân, bức tranh con Lợn đã phổ diễn được một cách đặc sắc cái sắc thái của Dân-tộc, cả về phương diện hình thức lẫn nội dung.

Về phương diện hình thức, giá trị của tác-phẩm hội họa căn cứ vào đường nét, hình thể, màu sắc và bố cục.

Kỹ thuật sáng tác là kỹ thuật bình dân, tác dụng là để phổ biến, cho nên ở bức tranh « Con Lợn » không có thứ kỹ thuật cầu kỳ như ở các họa phẩm mà người họa sỹ chỉ sáng tác một tác phẩm duy nhất.

Những Đường nét khắc trên bản gỗ thực thà và chân phương nhưng rất mềm mại và uyển chuyển. Nét to và đậm bọc quanh từng mảng màu, tựa như những nét bực của Gauguin, thực mạnh mẽ và đoan trực. Những chi tiết phụ của các lợn kiểu mẫu được dẫn dụ hóa hoặc xóa bỏ làm cho ta lĩnh hội trực tiếp được những điểm cốt yếu và đồng thời lại làm cho toàn thể đường nét thêm vững vàng.

Nhìn toàn diện, những nét tuy đều đặn nhưng được xếp đặt chỗ mau chỗ thưa, thay đổi làm cho con mắt người xem khi thì chú ý nhận xét tỷ mỹ (phần dưới bức tranh) khi thì được nghỉ ngơi để quan sát toàn thể (phần trên bức tranh).

Nếu ta đã xem những bản khắc của thời Trung Cổ Tây Phương, hoặc những bản khắc của các họa sỹ đương kim mô phỏng theo lối Nghệ-Thuật cổ (art primitif) với dụng ý diễn tả lối

Tết ly-hương năm nay của người dân Bắc-Việt không còn được tô thắm những màu xuân rực-rỡ qua những bức tranh Tết cổ-diễn mà mỗi độ hoa đào nở đã làm sống lại trong chúng ta nguồn vui chất phác, hồn-nhiên của thuở Thanh-Bình.

Mười năm chiến-dấu của Dân-Tộc đã khơi dậy mãnh liệt ý thức Độc-Lập trong mỗi người chúng ta trên mọi lĩnh-vực kinh-lễ, chính-trị, xã-hội và Văn-Hóa.

Trong sự đòi hỏi một NỀN NGHỆ-THUẬT HỘI-HOẠ ĐỘC-LẬP của DÂN-TỘC, chúng ta đã thất-vọng. Ít hay nhiều những nghệ-sĩ của ta đã chịu ảnh-hưởng xấu-xa những nền nghệ-thuật ngoại-lai. Tuyệt nhiên cái cá-tính dân-tộc chưa thấy được biểu-hiệu rõ-rệt trên các tác-phẩm mà chúng ta thường được thưởng-thức.

Trong khi thiết-tha chờ đón một MÙA XUÂN của NỀN NGHỆ-THUẬT TUONG-LAI, chúng ta hãy nghe PHẠM-TĂNG, một họa-sĩ bán-khoản trong 10 năm vì sự đòi hỏi nói trên, trình bày cái HƯỚNG ĐI của NGÀNH HỌA VIỆT-NAM mà anh mới thấy hé lên trong BẾ TẮC ĐEN ĐẮC.

MẶC THU

nhìn dân dị hồn nhiên và mộc mạc của những tâm hồn, cở sơ, thì có thể so sánh và thấy rằng lối diễn đạt về đường nét của bức tranh Con Lợn thực là dung dị, đầy đủ và không có vẻ giả tạo của những tâm hồn vẫn dục muốn vay mượn sự trong sạch hồn nhiên.

Về phương diện Hình Thể, thì ở bức tranh Con Lợn, kỹ thuật chọn lựa và phân hoá thực khéo léo. Nếu ai đã từng học vẽ, thì một khi muốn hình dung một con lợn nái và một lũ lợn con bú mẹ, hẳn cũng phải lúng túng trong sự chọn lựa hình thể, để làm thế nào cho người xem tranh được vui mắt trước cái hình thù thô xấu của con lợn mẹ và đám ba lợn con mà hình dáng thực sự của chúng cũng không lấy gì làm xinh xắn.

Nhìn vào bức tranh Tết, hình con Lợn Mẹ đã được biến thể, ngự một cách ngay ngắn giữa bức tranh.

Hình tròn xoay ở trung tâm con Lợn Mẹ và những hình thể có tính cách trang trí trên lưng cũng như ở hai bên có dụng ý làm phân hóa hình thể chính của Lợn Mẹ cho đỡ nặng nề. Đoàn con châu đầu vào nhau, mặc dầu hình thể và đề tài trang trí có giống mẹ, nhưng xếp đặt ngược đi ngược lại, xen lẫn những mầm xanh của nhánh lá non làm cho con mắt người xem đỡ trông trải, đồng thời lại đề cao giá trị của phần chủ bức tranh, tức là con Lợn Mẹ.

Phần Màu Sắc của bức tranh là một điểm làm cho ta thích thú nhất trong phạm vi hình thức.

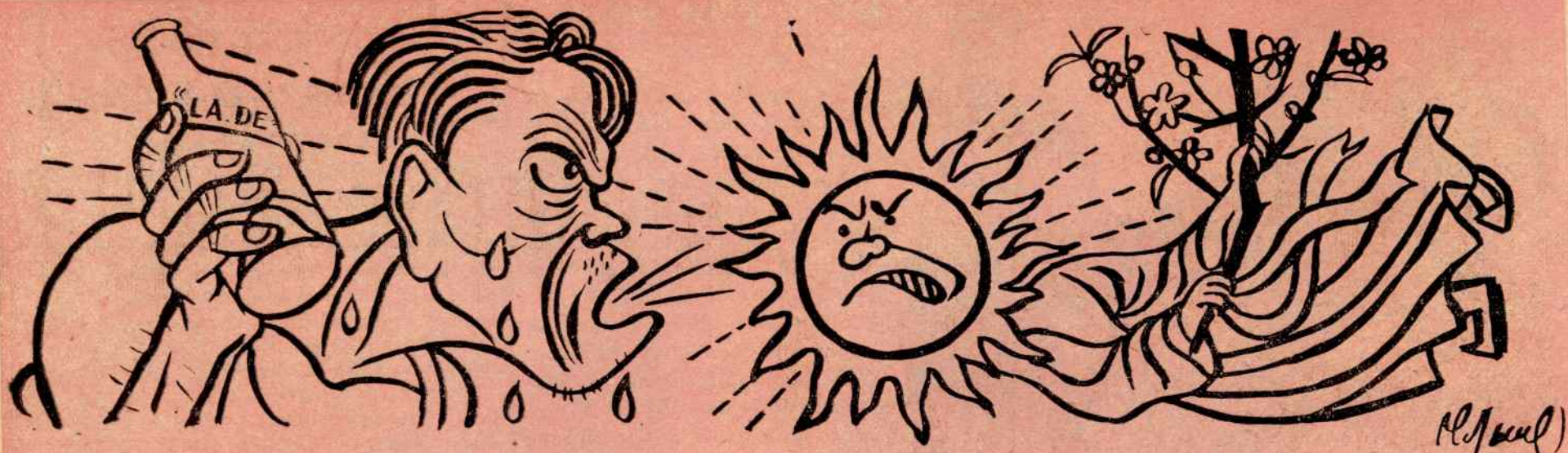
Với những màu phẩm ngũ sắc nguyên chất, màu lam hoặc màu tím, màu đỏ hoa hiên, màu xanh hoa lý, màu đỏ cánh xen, màu vàng hoa hòe, màu xanh lục, tô thành từng mảng rực rỡ chói lọi làm cho ta có cảm tưởng là đứng trước một bức tranh rực rỡ nhất của những họa phái mới bên Tây Phương.

Tuy nhiên, cái rực rỡ của màu sắc tranh Tết không có tác dụng ước định như cách dùng màu nguyên chất của các họa-phái mới bên Tây Phương muốn cực tả những trạng thái tinh thần cuồng loạn, ray rứt, đau khổ của con người bị đẩy dụa trong một xã hội máy móc và nô dịch vật chất.

Cái ý nghĩa của sự dùng màu sắc nguyên chất của ta thực khác hẳn. Tranh Tết của ta là loại tranh sáng tác do những nghệ-sĩ bình dân và dành cho lớp người bình dân thưởng thức. Chẳng phải do cái kỹ thuật thô sơ và tính chất phổ biến của loại tranh Tết mà sự dùng màu sắc không cần pha trộn cầu kỳ. Chính thực là sự dùng màu sắc nguyên chất có dụng ý đặc biệt.

(Xem tiếp trang 26)

(1) Ý chuyện của Maeterlinck.



Là một di dân mà lại di dân ở giữa cái xứ sở của phở tiêu này, Đại đã rất thờ ơ đối với cái Tết sắp tới. Còn sự hưởng thụ những ngày kể tiếp mà người ta cứ mệnh danh là những ngày xuân thì anh đã mỉm cười coi như là một thứ gì khôi hài. Và tự nhiên đã tức, anh lại thấy tức thêm.

Trái lại, vợ anh thì lại sửa soạn tết, lo sao cho được chu đáo. Về cái gì gọi là đạo giáo, người dân bà quả đã bỏ xa đàn ông. Nhưng đến khi vợ anh nhờ anh kê mấy cái rương để đặt bàn thờ thì anh phân đối: Ở cùng với bài làm gì. Ông bà ông vài mình tìm đầu đến cái đất Véc (Eyriaud des Vergnes) này để mà phối hưởng. Và lại, tôi chắc các cu « ở lại ». Vì tại C. S. duy vật mà các cu, những linh hồn thì lẽ dĩ nhiên: duy tâm. Tất nhiên chúng sẽ không « tổ tiết » gì các cu đâu. Mấy lại bây giờ thì không kịp nữa rồi. Vì nếu có vào tới đây, là những linh hồn, các cu dùng sao được tắc xi, xích lô máy hay xích lô đạp. Cho nên theo ý tôi đáng lẽ trước nửa tháng — và bây giờ thì muộn rồi, đáng tiếc — trước nửa tháng phải đốt xuống cho các cu một bản đồ thành Sài-gòn Chợ-lớn 1954. Để các cu học thuộc, nhắm đi nhắm lại những tên tây. Vì những tên đường (phố) ở đây toàn mang những tên tây, đọc lên phải theo đặc động tây, phiên âm. — theo người bản xứ — thì thành ra « bồi » trăm phần trăm. Thi dụ nếu có gặp một linh hồn bản-xứ để hỏi thăm đường mà các cu cứ đọc nguyên âm Pel lơ ranh (Pellerin) Tuyếc (Ture) Ê ri ó dê Véc (Eyriaud des Vergnes) thì chẳng « ma » nào biết cả. Phải kêu một cách rất « bồi » là: Pel lơ ra, Tuyết và Véc cộc lốc thế là thừa đủ và thừa đủ hiểu!

Vợ anh chỉ có thể chấp thuận khi anh đùa rồn với ái tình giữa chị và anh thôi. Chứ đùa rồn với những linh hồn, thì thực « quá xá » chị không thể « sai » được. Cho nên chị đã ngắt ngay câu truyện phở phượng, mà rằng:

— Thôi, mình không sốt sắng với Tết, thì em cũng phải chịu, nhưng còn các con đó. Mình phải giữ đủ lễ nghi đồ Tết để cho chúng nó theo. Vậy Minh ở nhà chịu khó thu dọn nhà cửa, đặt bàn thờ đường hoàng. Để em đi chợ sắm đồ gói đồ bánh và mua ít thứ lặt vặt làm cơm cúng tổ tiên và tiên chủ, thổ công chứ. Minh ở nhà nhé.

Đại vội ngăn lại:

— Ô kìa! Sao mình quá nặng tình với tết thế. Hãy nán lại nghe đây! Tôi đã nói hết lời đầu.

Chiều chồng, chị Đại liền ngồi lại trên divan và tủm tỉm cười:

— Có gì mình nói chóng chóng lên. Năm hết tết đến ai chẳng vội. Mấy lại tôi đi chợ rồi còn phải sắp sửa cơm nước các con đi học về kéo muộn chứ.

Vậy thì Đại nói tiếp, khoan thai:

— Còn vấn đề thời tiết nữa. Thời tiết ảnh hưởng mặt thiết tới tinh thần, tới đời sống con người. Riêng tôi thì tôi cho rằng thời tiết liên quan ghê gớm tới hạnh phúc con người. Và người ta chỉ có thể sung sướng không phải trên những con số tiền khổng lồ muôn, ức triệu mà chỉ loanh quanh, giản dị và tự nhiên, giữa những nấc 15 và 25 độ Hàn thử biểu. Thế mà, đây mình xem, ở đây người ta ăn tết giữa mồ hôi và oi bức. Tết cổ điển, tết theo đúng nguyên lý của nó, nói tóm lại Tết Bắc-Việt, Tết Hà-nội đâu có nóng chấy mỡ như thế. Ở đây, nhằm tiết xuân đâm ẩm, hoa đào đua thắm, cúc tỏa hương. Trên cành yểu điệu, những cánh mận trắng điểm màu trinh bạch cho trần gian. Và gió đông hây hây, khi giới trong mát. Chim hót, trẻ con cười. Người lớn thấy mình thêm một tuổi mà lại trẻ ra! Rồi thì trên bàn thờ khói hương nghi ngút phảng phất như có « mặt » ông vải từ những phần mộ gần gũi trở về ăn tết cùng con cháu. Cả một xã hội người sống cùng người chết cùng cảm thông trong một ý xuân bao la, để cùng mưu xây dựng một tương lai tươi sáng...

Chứng đã sốt ruột vì bài diễn văn tưởng không bao giờ chấm dứt đó, chị Đại liền đứng dậy cương quyết ra đi trong khi đức ông chồng vẫn còn thao thao bất tuyệt. Ra ngoài rồi chị còn nghe rõ những tiếng:

— Tết đi cư, nóng bức, 35, 40 độ — xa lạ — vô nghĩa...

TẾT ÉP XUÂN GU'Ọ'NG

Vợ đi rồi, Đại ngồi một mình băng khuâng về những ý niệm thổ công thần chủ mà vợ anh vừa nêu lên, suy nghĩ và mỉm cười:

— Ô! Thổ công đất Véc này thì nhất định cũng như mọi thổ công đồng nghiệp phải đội mũ cánh chuồn và đi hia. Thế mà ông lại trọng nhậm một đất mang tên một thực dân Pháp, Eyriaud des Vergnes! Còn tiền chủ thì ai có thể là tiên chủ, khi ngôi nhà này mới được cất lên do tiền Mỹ quốc viện trợ, mái lợp bằng fibro ciment! Muốn truy nguyên tất phải tìm tới bố Lanh-côn và tay sướng xuất vẫn là thằng Pôn thẳng Sác.

∴

TRIỀU-ĐẦU

Thế rồi, cái gì phải đến đã đến.

Mồng một tết, giữa một thời tiết nóng bức, tết Ất Mùi đã được cử hành trong gia đình Đại di cư, với đủ thịt mỡ dưa hành cổ truyền, với đủ lễ thời phước tạp.

Trên bàn thờ hay là trên mặt hai chiếc rương ghép lại, mấy nén hương lấp lánh giữa hai ngọn nến bật bật. Một mâm cơm cúng thịnh soạn đặt chính giữa đủ cả đồ sào nấu, bên cạnh một quả dưa đỏ vĩ đại. Mấy đứa con Đại hau háu nhìn lên. Sau khi lễ lấy lễ để thừa cung kính, chúng chờ mâm cỗ bùng xuống để thưởng thức. Thực vui như Tết! Chị Đại chạy lên chạy xuống, nhắc chồng xem cỗ cúng còn thiếu thứ gì không. Đại lại bông lơn:

— Chỉ còn thiếu có độc một món phở tiêu có giá hay không giá tùy ý, ớt rất nhiều ớt cay thôi.

Chị Đại nguyệt chồng:

— Mình thì chỉ được cái... thôi. Mồng một tết, ta nên giữ gìn lời nói, không lại dòng cả năm.

Đại bông trở nên trầm mặc và thần thờ buông:

— Dòng! dòng! Di cư thì còn dòng nữa cho mà xem. Dòng thường trực. Kiêng cũng vô ích.

Rồi anh gọi thằng con lớn đi tìm cái mớ chai « la de ».

Mâm cỗ đã hạ xuống chiếu. Vợ chồng con cái ngồi quây quần xung quanh. Lúc ấy vào khoảng giữa trưa nóng bức. Đàn ruồi, theo thường lệ, đã bay hồi hả đầy đó và sà ngay vào những món ăn.

Đại lấy flytox bom nhưng vô hiệu trước số quá đông đảo của chúng. Để rồi thành thói quen, Đại ăn cơm cùng với ruồi, không thấy ghê sợ như ngày còn ở Hàn-ôi. Ở một căn nhà không điện nước — mặc dầu giây đèn đã mắc sẵn và ống nước đã đầy đủ.

Mặt Đại đã đỏ lên phần vì « la de », phần vì oi bức, phần vì thấy giây đèn, bóng điện và ống nước đã sẵn sàng mà « cơ quan hữu trách » vẫn chưa cho « hơi » điện và bắt nước vào.

Chị Đại thấy vậy liền lấy quạt, quạt cho chồng.

Đại ngồi lặng yên ra chiều suy nghĩ.

Chị Đại liền mời:

— Mình soi đi chứ. Đây miếng này ngon. Và một tay quạt, một tay chị gấp đặt vào bát chồng miếng thịt gà non trắng dính gọn với làn da vàng.

Đại vẫn ngồi, yên lặng, mắt đăm đăm nhìn vào mâm.

(Xem tiếp trang 25)



MẶC-ĐỒ

Anh Tụ được sung sướng từ tuổi nhỏ; được học hành để thấy thi vị của cuộc đời ngoài những ruộng sâu, trâu nái thường lệ. Chị Mạn, vợ anh, cũng vô vẻ dăm ba chữ thánh hiền để thành một người vợ không được đảm đang, sỗ vác theo nghĩa thông thường ở thôn quê. Gia đình nhà ông Chánh bắt đầu suy sụp từ ngày người nông dân Việt bước vào cuộc phiêu lưu đầy máu lửa. Học lực của anh Tụ và dăm ba chữ thánh hiền của chị Mạn càng thêm vào đó để đầy trọn vẹn gia sản của gia đình nhà ông Chánh qua tay người khác, sau cái chết thê thảm của ông Chánh ngày khởi nghĩa.

Tuy nhiên vợ chồng anh Tụ, mặc dầu bao nhiêu đổi thay, vẫn còn giữ vẹn sự chung thủy đối với nhau và đầy đủ lễ

nghĩa trước cuộc đời bỗng dưng xáo trộn. Bây giờ vợ chồng anh ở nhờ trên đất cũ, sống lần hồi, tần tảo từng ngày, trong khi tiếng súng vắng vắng gần, xa.

Hai mươi tháng Chạp rồi mà vốn liếng gia sản vốn vẹn có một thúng gạo và một cặp gà đương tơ. Con trống vừa độ lớn, ông xã ủy đã nhiều lần dăm hỏi, rắp tâm để mừng hai Tết sửa một lễ sồi ra cúng ở đình. Hai vợ chồng anh Tụ bàn ra tán vào mãi. Sau cùng quyết định bán con trống cho ông xã ủy. Với tám chục bạc giỏi lắm được vài nôi gạo đủ ăn cho đến ra Giêng. Con mái chị Mạn cũng tính sẽ đem bán nốt để trang trải mấy món nợ vặt. Chị còn tiếc rẻ vì nó đang đẻ lứa đầu. Mỡ trứng con sơ nhỏ xiu kỳ cóp được vừa đủ một chục, ông eo mãi mới bán được mười hai đồng hôm phiên chợ.

Năm hết Tết đến, nhiều hôm hai vợ chồng buồn hiu mà nhìn nhau. Cả hai cùng bán khoán không lẽ mừng một Tết không có gì để cúng vái tổ tiên. Có lúc chị Mạn cùng kể nói phân:

— Minh cũng khéo bày vẽ. Không có thì nên nhang bát nước cũng xong chứ sao? Tổ tiên cũng chả trách chúng mình nghèo! Với lại nghèo có phải tại chúng mình đâu.

Anh Tụ dành năm lấy ý của vợ:

— Minh nói cũng phải, túng quá đến ý ra đây chứ sao. Cũng may là chả còn họ hàng chú bác nào ở đây nữa.

Tuy đồng ý như vậy nhưng cả hai vẫn không hết bán khoán. Rốt cuộc thì phiên chợ hăm ba Tết cũng phải đem bán nốt con gà mái để trả nợ. Sạch nợ, hai vợ chồng anh Tụ lại nhìn nhau, tay trắng và vẫn nặng bán khoán vì Tết.

Riêng anh Tụ, đôi lúc ngó vợ anh lại tủm tỉm cười, nhớ tới quả trứng hôm trước và ý định của anh sẽ làm. Những lúc đó chị Mạn lại âu yếm mắng anh:

— Minh chỉ được cái vô tâm. Cảnh khổ như thế này mà còn cười được, còn ngồi mà mơ mộng hão.

Hạnh-Phúc! Chúng ta ai chẳng đã bán khoán vì hạnh-phúc. Nhưng đến khi phải định quan-niệm thì mỗi người đều quan-niệm Hạnh-Phúc một cách khác nhau.

Màu sắc, hình-thù « nó » như thế nào, « nó » đến và đi ra sao ít ai có thể đoán biết. Có điều chắc-chắn là « nó » ĐẸP nhưng lại cũng rất MONG MANH.

Trong thiên truyện ngắn dưới đây MẶC-ĐỒ sẽ cho ta thấy, qua ngòi bút phong-phú và sức cảm thông tế-nhị của anh, hình bóng một hạnh-phúc. Cái thứ hạnh-phúc khiêm tốn như hương lúa ngày mùa nhưng cũng dịu-dàng như một ban mai đồng nội...

MẶC-THU

ANH cu Tụ bước thấp bước cao từ vườn sau chạy bỏ vào nhà, miệng liu riu: « Nhà nó... nhà nó ơi... nó lại đẻ rồi mình à! » Anh ngơ ngác ngó quanh gian nhà không thấy chị Mạn, vợ anh. Rồi bình tĩnh lại, anh tới ghé ngồi bên tấm phản kê trên mấy viên gạch thấp gần sát xuống đất. Anh khoan thai lấy trong bọc ra một quả trứng gà bé xinh nâng ngắm trên tay.

Ngắm nghĩa mãi, rồi một ý mới vụt sáng trong mắt anh. Anh tủm tỉm cười, đứng dậy nhìn quanh, ngẫm nghĩ... Anh vội tới bên thạp gạo, lễ mễ nhắc bổng đặt sang một bên rồi ngồi thụp xuống cúi húi xếp lại mấy viên gạch kê. Anh khéo xếp thành một vòng tròn kín, đem quả trứng đặt vào giữa rồi kê thạp gạo để lên trên. Làm xong công việc đầu điểm anh khoan khoái cười một mình.

Vợ chồng anh Tụ có một cặp gà mới tơ, một túp nhà tranh và một gốc mít, ở giữa một khu vườn rộng. Khu vườn rộng gần hai mẫu, rất nhiều cây quả, gia sản của ông Chánh thân sinh ra anh Tụ để lại cho hai vợ chồng anh.

Gia tư ông Chánh xưa kia vào bậc khá giả trong làng. Khu vườn là cả một dinh cơ.

KẾT-TÙ CỦA VỎ-KỊCH

TÂM-SỰ KỂ SANG TẦN

(Đã công diễn lần thứ nhất tại Nhà
Hát Lớn Hà Nội đêm 1 tháng 1
Dương lịch 1951)

CAO-TIỆM-LY (than thở một mình)
Khởi sóng mơ màng trời ánh nguyệt.
Điêu-hiu sông Dịch nước dề-mề...
Có ai nhớ tới ai hào kiệt,
Buổi ấy ra đi chẳng một về?

Buổi ấy thét gươm từng trận gió,
Ào-ào Sông Dịch lạnh lùng ghê!
Dư-âm còn vắng chiều nay đó,
Nhắc mãi lời ca « Nhất khứ hề...! ».

Buổi ấy một trời sương khói tiền,
Kể vào nơi « Bách-nhi-trùng-quan ».
Chiều nay khởi quạnh sương mờ bến,
Vọng mãi lời ca « Bất phục hoàn! ».

Đưa kẻ « một sang Tần », buổi ấy,
Nghiêng trời lớp lớp sóng hàn hoan.
Đành thôi, quân quai trời từ đây,
Sông ghen lời ca « Dịch-thủy hàn... ».

CHỦ-QUẢN (từ trong quán bước ra)
Cao ân-sĩ đó chẳng? Giờ đã muộn,
Còn nơi đây than-thở ngậm-ngùi chi?
Nhớ-tiếc mãi thuở dòng sông cuộn cuộn,
Vang lời ca nhịp trúc tiền ai đi!

CAO-TIỆM-LY
Ồ, chủ-quán! Ai là không nhớ tiếc,
Buổi tiền đưa, hào khí ngút trường-giang?
Một phen động chí ngang-tàng,
Nghìn thu sóng gió mơ-màng thét gươm.

CHỦ-QUẢN
Hãy vào đây, ân-sĩ! Rượu, ta còn!
Hãy cùng uống cho say niềm tiếc-nhớ!
Riêng gì người trên sông này than thở?
Riêng gì người đau đớn việc « Sang Tần »?

Trên sông gió giục mây vùn,
Chinh lòng ta cũng bao lần đắng-cay.
(Chủ-quán diu Cao Tiệm Ly đến trước cửa quán
cùng ngồi trước bàn rượu)

Anh Tụ không đáp lại, ngồi yên lặng theo đuôi những ý nghĩ chắc hẳn là đẹp lắm.

Đêm ba mươi Tết hai vợ chồng thấp can cả một đĩa dầu cuối cùng. Chuyện trò cho đến quá giao thừa. Anh Tụ đã phải cố gắng lắm để không nói với vợ câu chuyện bí mật anh chỉ chừa đã bao hôm nay.

Mùng một Tết, hai vợ chồng dậy thật sớm để đón Xuân, tắm hồn thanh thần mát dịu như mưa xuân phơ phất ngoài vườn. Chị Mạn lấy chiếc bát cổ trên bàn thờ cọ rửa sạch bụi rồi múc một bát nước mưa thật đầy và thật trong. Thêm vào hai nén hương cuối cùng nữa đem thắp lên là vừa đúng với cái Tết hai người đã cùng hẹn: chỉ nên nhang bát nước và dành ý ra với tổ tiên vậy.

Cúng lễ xong, chị Mạn ra góc bếp chụm lửa nấu niêu cơm đầu năm. Chị ngồi thờ thần vừa coi bếp vừa ngao ngán nghĩ, ánh lửa chọt lóe sáng trên hai giọt lệ đọng ở đuôi mắt. Anh Tụ ngồi ngó vợ bỗng đứng dậy, bước vội ra phía thạp gạo. Chị Mạn ngạc nhiên đưa mắt theo cử chỉ của chồng. Anh cúi húi bê thạp gạo và sung sướng cầm lấy quả trứng. Chị Mạn nhảy tới bên chồng đưa tay với lấy. Quả trứng trên tay anh Tụ rơi xuống đất, rụng phải viên gạch, vỡ tung toé.

Hai vợ chồng chăm chăm nhìn nhau. Một lát anh Tụ mới hui hắt nói:

— Còn quả trứng cuối cùng, tôi định dành lại không bán, để hai vợ chồng ăn một bữa Tết.

Mac Do

NGƯỜI - DÀN ÔNG VÀ QUẢ TRỨNG



TRĂNG SĨ MỘT ĐI

Các vai : CAO-TIỆM-LY, bạn thân của Kinh Kha
CHỦ-QUÁN, một trong những người
đã chứng kiến việc Sang-Tân.

Thời gian : Đời Chiến-Quốc, sau lúc KINH-KHA bị
mạng-vong ở Tần

Không gian : Bờ Sông Dịch, biên-thùy của hai nước
TẦN và YÊN.

CAO-TIỆM-LY

Rượu còn ư ? Nào, ta hãy cùng say,
Đề cùng nhớ Kinh-Kha người kiếm-khách.

CHỦ-QUÁN (đôi giọng và lớn tiếng)

Người làm đó! Giờ đây trên Bến Dịch,
Ta ngồi than, giọt lệ đầm canh tã;
Phải dẫu rằng ta nhớ tiếc Kinh-Kha!
Kẻ ấy đã thua tài lỡ việc,
Xứng-đáng gì dẫu mà nhớ-tiếc?
Nhớ, họa chăng ta nhớ buổi lên đường;
Gió say reo hy-vọng của mười phương
Và sóng vỗ dâng cao niềm kỳ-thác;
Những lần tưởng cánh tay kia lồi lạc,
Vị Yên-bang, vì sáu nước, vì đời...
Có ngờ đâu...

CAO-TIỆM-LY

Chủ-quán! Hãy khoan lời!

CHỦ-QUÁN

Ta có tiếc, họa chăng là chỉ tiếc
Cho ai kia đã trước đây liều chết
Vì Kinh-Kha sửa soạn việc lên đường.
Ích gì dẫu, mạng ấy? Hỡi Diên-Quang?
Vô ích cả dẫu người, Phàn nguyên-soái!
Hồn các người hẳn còn u-uất mãi?
Và, ôi thôi Ngọc-Tý! Biết chăng, Nàng?
Đã uống vì ai trâm gãy bình tan!

CAO-TIỆM-LY

Khoan chút! Hãy nghe ta!

CHỦ-QUÁN

Còn nhớ rõ,
Chinh nơi đây, cả triều Yên thuở nọ,
Mặc áo tang đưa tiễn kẻ sang-Tân;
Cả triều Yên nâng chén rượu, ăn cần
Dâng kẻ ấy; Cả triều Yên lệ ứa,
Cùng đứng nhìn theo bóng người trên ngựa,
Cho tới khi chìm khuất phía ngàn cây.
Hỡi ơi! Màu tang-chế tưởng đâu đây
Còn phảng phất như oan hồn quá khứ...
Uống cả mà thôi! Chỉ vì đại sự
Đã làm trao...

CAO-TIỆM-LY

Khoan chút! Hãy nghe ta!

Chủ-quán ơi! Đừng vội trách Kinh-Kha!
Người ấy đã không phụ lòng tri kỷ,
Không hổ-thẹn với thanh danh hiệp-sĩ.
Dù mang theo sứ mệnh tới Hàm-Dương,
Đã không hay dám chết được Tần-Vương.

CHỦ-QUÁN

Ta thì bảo Kinh-Kha là có tội.

CAO-TIỆM-LY

Đừng nóng-nảy vội-vàng!

CHỦ-QUÁN

Kinh-Kha kia, nửa kiếp sống ngang tàng,
Khắp bốn phương nghề kiếm đã lung vang,
Ta hãy hỏi:

Thương tự đặc trên đời không dịch-thủ;
Gươm trở ra, Nắm run trang Lịch-Sử,
Gươm vung lên, Ngừng chuyển bánh Luân-Hồi,
Múa về Đông, bề cả rẩy phong lôi,
Múa về Bắc, non cao mờ nhạt nguyệt,
Tiến một bước, ào ào hoa rụng tuyết,
Lùi một đường, phơi phơi tuyết bay hoa...
Vậy mà sao... Ta hãy hỏi! Sao mà,
Trời đất hỡi! Kinh-Kha, người kiếm-khách,
Người đã Một-sang-Tân mang trọng trách,
Sao thua tài uổng mệnh giữa Hàm-Dương?
Sao không hay kết-quả được Tần-Vương?
Đề việc lỡ, cho muôn đời sĩ-tiểu...
Ừ! Nếu thực nghề gươm kia tuyệt diệu,
Và cánh tay kia vô địch trên đời,
Thì sao không... Hừ! Sao chịu thua người?
Hư-danh cả!

CAO-TIỆM-LY

Nghe ta! Đừng vội trách!

Luận công tội phải sao cho minh-bạch!
Hãy cùng ta nhớ lại việc Hàm-Dương.
Kẻ sĩ thần mang đồ bản Đốc-Cương,
Và thủ-cấp Ô-Kỳ lên chín bệ;
Nếu muốn giết Tần-Doanh; Ồ! rất dễ!
Vi chuôi dao đã nắm ở tay rồi.
Chỉ vung lên, Bạo chúa ắt đầu rơi...
Nhưng sứ thần kia, lại là kiếm-khách,
Chẳng chịu tiếng chỉ sang Tần hành-thích,
Chỉ sang Tần làm một đũa sắt-phụ.
Lừa giết Tần-Vương giữa lúc không ngờ...

CHỦ-QUÁN

Đừng biện-bách đồng-dãi! Ta chỉ hỏi:
Sao Kinh-Kha tự khoe tài cậy giỏi,
Mà cánh tay thua sức ở Hàm-Dương?
Mà không sao uy-hiệp nổi Tần-Vương?
Dẫu chỉ có một mình y trên điện.

CAO-TIỆM-LY

Thế mới biết người hẹp hòi thô-thiền;
Không nghĩ sâu mà cũng chẳng nhìn xa...
Thử đặt người vào địa vị Kinh-Kha!

CHỦ-QUÁN

Được, sao nữa?

CAO-TIỆM-LY

Bản đồ dâng Tần-tặc,

Chỉ dẫu đủ một lưỡi dao ba tấc;
Một con dao lá liễu dấy mà thôi!
Khi Tần-Doanh gươm đã tuốt ra rồi,
Hỏi dao ngắn địch gươm dài sao được?
Dao ba tấc mà gươm kia ba thước;
Ai thua ai? Điều ấy lẽ đương-nhiên!
Đau-đớn thay! Người kiếm-sĩ vô-duyên
Chẳng được có thanh gươm mà xử dụng.
Vị bằng có; thì, hoa bay tuyết rụng,
Há nhường ai, mà há chịu thua ai?

(bước ra phía bờ sông, than một mình.)

Ôi Kinh-Kha! Dao ngắn địch gươm dài!
Chữ «Thời Vận» mỉa-mai là thế đó...

(ngâm cao giọng:)

Xưa kia dưới ánh trăng mờ tỏ
Mãi thép bền rừng ta với người.
Nhắc chuyện thời-cơ tẻ tái giận
Bàn câu thế sự ngã nghiêng cười.
Sông-Trời kéo xuống cùng lau kiếm
Trục-Đất cầm lên định ghé vai.
Hiền-đệ Kinh-Kha! người một vắng,
Trời kia đất nọ hỏi còn ai?

CHỦ-QUÁN (nghĩ một lúc)

Ừ! Cho dẫu Kinh-Kha nghề kiếm giỏi;
Nhưng, có đáng cười không? Ta thử hỏi!
Có đáng cười không, một kẻ hiền thân
Vi hư-danh? Vì một chút dư-ân?

CAO-TIỆM-LY

Làm quá! Thực người làm quá!
Người ấy chỉ vì thiên-hạ
Đó mà thôi! Chứ phải dẫu
Vì danh thơm, vì nghĩa nặng ơn sâu.

CHỦ-QUÁN

Vì thiên hạ, sang Tần? Vì thiên hạ
Mà chết ở Hàm-Dương? Người nói lạ!
Nhưng nào đâu công trạng kẻ ra đi?
Chết uổng mà thôi, nào có ích gì!
Ta vẫn bảo Kinh-Kha là đặc-tội.

CAO-TIỆM-LY (trở về bàn rượu)

Đừng nóng nảy, đừng hẹp hòi nông-nổi!
Hãy cùng ta bình-lĩnh luận anh-hào.
(Giọng trầm hùng và lời chậm-dãi)
Kể từ khi Tần-tặc chiếm ngôi cao,
Dân bảy nước như ngồi trên đồng lửa.
Một tiếng nói từ ngai vàng Bạo-Chúa
Đủ làm cho vỡ mặt khắp Chư-Hầu.
Một cơn cười, muôn vạn kẻ rơi đầu,
Một cơn giận, máu trào muôn vạn ngã,
Y đứng lên, Bê-Đông nằm lạng thõ.
Y giờ tay, Non-Thái lụt mồ-hôi.
Lệnh Hàm-Dương, ai kẻ dám sai lời?
Cả thiên hạ đều sợ Tần như hổ.
Nào Hàn, Ngụy, nào Tề, Yên, Triệu, Sở
Đành khom lưng uốn gối chịu làm-thần;
Nay cất thành, mai nhượng đất, kêu van
Với Bạo-Chúa, mong vẹn toàn bờ cõi.
Ai kẻ dám công-nhiên hỏi tội
Đưa hung tàn nghịch đạo vô-luân?
Ai dám ngang nhiên đứng giữa triều Tần,
Thay mặt cả nhân dân bảy nước,
Thay mặt cả ngàn sau ngàn trước,
Nêu cao bản án thiên-thu?
Há chẳng phải Kinh-Kha, bậc trượng phu?
Há chẳng phải Kinh-Kha, người kiếm-khách?
Người đã, một chiều xưa trên Bến Dịch,
Nguyên ra đi vì thiên hạ, đó chẳng người?

(Xem tiếp trang 21)

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

GANG THÉP ĐỢI CHỜ

Thân lặn những
chiến-sĩ sửa soạn giải-
phóng Quê - Hương
miền Bắc.

M. T.

Ồ! mới từ đâu về đây nhỉ
Những đồng tà-vec nằm ngổn-ngang
Những thanh sắt, những đường ray hoen rỉ
Gối lên nhau lổn-nhổn cả đường làng?

Đã lâu lắm sao giờ đây mới thấy,
Bao tháng năm tạm-trú những nơi nào?
Trong ụ-dất, bên bờ tre hay cạnh suối,
Ven quanh ao, hay làm cầu ở sông đào?

Mà da đã xạm màu sương gió,
Sao thịt, xương còn cứng tro-tro?
Trải bao mưa nắng mòn thân-thể
Gang-thép từ lâu vẫn đợi chờ.

Anh công-nhân năm xưa vui niềm vui phá-hoại
Tay ôm mìn lật đổ những thân cầu
Hôm nay đây, lại vui niềm vui xây-dựng lại
Mang bù-lông xiết chặt những đường tàu...

Lúc trước anh đã từng ca hát
Ngày nay anh lại hát ca,
Hát rằng:

« Cổ sức ganh-đua
« Súng gươm luyện tập xây mùa chiến-công
« Đánh cho quân giặc chạy rông
« Thóc lúa đầy đồng dân-chúng ấm-no... »

Đôi lúc ngừng tay nghỉ
Nâng áo quệt mồ-hôi
Anh nhìn thanh sắt rồi
Reo:

« Khoái quá đi thôi!
« Long-Biên ơi, duyên cũ nối đây rồi...
« Đợi ta về cũng chỉ nay mai thôi!

Hôm nay nằm đợi ven sông
Có thuyền sắt thép xuôi dòng ngày mai
Trở về, lại ngự trên đài cũ
Nối lại đường tơ, nắn lại đàn
Sắt đá trả về cho sắt đá
Nhạc đời trời dậy nhịp ran-ran

Ta bon về Hà-Nội
Ta rông tuốt vào Nam,
Lào-kai liền Hải, Kiến
Cà-Mâu nối Nam-Quan.
Khói than đầu máy bừng hồi-hồi
Lùa gió ngàn phương « Nhạc Khái Hoàn »

MẶC-THU

HƯƠNG VỀ QUÊ CŨ

VÕ-ĐỨC-DIÊN

Xuân về đây với miền Nam yêu dấu, với sông Đồng-Nai dịu dàng uốn khúc bao bọc đàn con nặng tình khoai sắn nương nhau..

Xuân về đây với Saigon sáng lạn, sáng ánh đèn, sáng kim cương, mã não, với nụ cười vàng dưới rặng cây thẳng tắp, vườn mình cao tim không khí tươi trong.

Hương thơm ngào ngạt, từ mạch đất tiết ra, từ dòng nước dâng lên, và cũng cả từ biệt thự nguy nga, cả từ chuôi xe hơi dài vô tận, tượng trưng tuồng MUA BÁN triền miên.

Đất nước linh thiêng,
Khói hương vượn tự
hồn tiên tổ, quện ngợp
non sông, thăm lòng
dân tộc, ấp ủ đám con
nghèo trong ngõ hẻm
nhà xiêu, gương quên
nỗi tối tăm để vui cùng
xuân hy vọng.



Theo dõi Tết mới,
nhớ lại mùa xưa, tình
đồng nội thiết tha
hương về miền Bắc.
Nơi đó, mồ mã ông
cha gắn liền với lòng
đất, với luống cày,
hun đúc cho đồng xanh
tốt lúa, nước chảy
thông nguồn.

Nhưng năm mồ
thiêng liêng ấy, nay
cam chịu lạnh lùng,
không người bồi đắp
không một nén nhang
cảm thông tình huyết
mạch.

Phải chăng, đàn cháu con vì say niềm sông núi, tạm biệt chốn chôn rau?

Phải chăng, đàn cháu con vì say nổi sông cuồn, cạn lòng tưởng nhớ?

Cây có hồn gốc, bông trái mới chịu cành.

Xuân nay, đối hương trăm nghi ngút, trước cảnh chia nước rẽ đàn, con cháu của giống nòi « SẮT-ĐẤT » lo sao cho vẹn tròn!

Ai từ cõi Bắc, xuôi đến miền Nam!

Đem mây rừng xứ Lạng, phủ bùn lầy Cà-mâu.

Có nghe lòng rạo rức. Có lắng nghe xao xuyến nỗi phân kỳ?

Nhưng đây phải là cả một niềm tin tưởng: Theo nếp ông cha, lấy nước Đồng-Nai tôi lại lòng gang thép, lui vào Nam gợn gành để rồi đây vùng lên Bắc tiến, nguyện một hai mở ánh huy hoàng, kết liền sông núi, cho tình xuân nở khắp đôi bờ.

Tết này, tết nữa ta về... Vạch cổ lau trên gò đồng hoang vu, tìm mồ mã cũ, đốt lại hương trăm, chan hòa thành lệ.

Khẩn rằng: Vì trung mà bất hiếu.

Trung là trung với nước với dân, với truyền thống của ngàn xưa để lại.

V. Đ. D.

THÀY ĐỘI LẤY VỢ



CÁI tháp canh heo hút ở vùng Lãng-Cô này vốn chỉ có mười mười hai người. Và một thầy Đội.

Thầy Đội tên gì, anh em chẳng mấy khi dám gọi đến. Nói gì đến dân làng nữa. Thành thử người ta chỉ biết thầy Đội là thầy Đội! Một người Bắc, nom vẻ hiền lành và xinh trai dào dạt. Mà đôi khi lại oai nữa! Có ai thấy thầy Đội chỉ huy anh em chưa? Thật có tướng con nhà võ: vạm vỡ trong bộ « tay-y » dày cộp, thầy Đội đi đi lại lại, mắt cứ nhìn hoăm hoăm như điều-hầu. Chủ nào binh-phục không chỉnh tề thì phải biết: cứ là dăm bữa cơm nhạt. Ấy là còn nhẹ đấy, chứ bướng bỉnh là một cái ráp-bo của thầy gửi lên cấp trên, in như rằng 8 ngày tù sớm!

Thầy Đội chỉ oai lúc bấy giờ thôi. Nghĩa là một ngày hai buổi, những lúc thượng cờ, hạ cờ. Kỳ dư thầy cứ rủ ra rủ rí như trai mười tám. Có những buổi chiều anh em thấy thầy Đội ra chiều ủ rũ, người cứ buồn chảy ra chứ không chơi. Ấy là lúc mặt trời vừa khuất sau giãy Trường-Sơn, rừng cau làng xa thoáng một màu vàng ệnh. Ra thầy Đội nhớ nhà! Nhìn ngọn cau thẳng tắp kia thầy lại nhớ đến rừng cau quê nhà, bằng bạc qua làn khói ra xanh xanh... Thầy Đội, dúi rưng rưng, ngậm ư ừ:

Ra đi (ừ mà) anh nhớ (chứ) quê nhà à à...

Nhớ canh rau muống (chứ) nhớ quả cà tương dầm (ừ) tương.

Nhớ ai (mà) giải gió dầm sương (ừ)

Nhớ ai (mà) tát nước bên đường nao (ý) hôm nao...

Ở cái tháp canh heo hút đầu giãy Trường-Sơn này rau muống không thiếu, cà cũng vô khối, chỉ thiếu cái khoản tương ngó, tương đồ và cái « cô nàng tát nước bên đường hôm nao »!

« Ruộng thì cứ nứt nẻ ra mà đốt được 7 ngày kiếm không ra một cô em gầy gầy gần sông i ồm. Thế có bức không chứ? Không hiểu nó ra làm sao?... »

Thầy Đội thường than thở với anh em như vậy. Rồi vớ chiếc điều cây làm sòng sọc một hơi, ực một bát nước « đầy có ngọn » (!), lơ mơ nói đồng:

— « Các chú à, đời cứ như vậy thì sầu quá, Ba vạn sáu ngàn ngày là mấy. Sầu quá, chú mình à... »

Thường thường cứ nói tới đây là thầy Đội liu lười lại, mắt ngầu lên vì say thuốc...

Dần dà anh em cũng khám phá ra nỗi sầu của thầy Đội. Xa nhà này. Trai tơ này. Lại có máu... « lãng mạn » này! Thế thì chịu sao nỗi cái kiếp linh thú ở nơi khỉ ho cò gáy này? Chẳng có thể mà mấy anh gần nhà, đôi ba ngày lại lên xin phép về thăm vợ thăm con, thì y như rằng thầy đội lấy làm khó chịu lắm:

— « Đây tôi bảo thật: « Vem » nó chưa thịt

các chú thì có ngày các chú cũng chết vì vợ đấy. Hừ, chết vì vợ... Nhục!... »

Chữ « nhục » thầy Đội cố kéo dài ra như đây như nghiêng. Nhưng cứ nhìn về tần ngần tần ngần của mấy chú binh nhì, thầy lại tranh lòng, lắc đầu thương hại: « Ôi thì, thế gian âu cũng người ta thường tình! » Thế là thầy Đội lại nhẹ nhàng!

— « Mai, ráng lên sớm nghe, mi! »

Rồi thầy quay vào trong lò-cốt, gieo mình đánh thịch một cái trên ghế vải. Thở dài thườn thượt, than thân trách phận chán, rồi ngáy khô khô, rồi nằm mơ...

Trong giấc mơ, thầy thấy ngơ ngơ hình dáng một người con gái nào quen lắm. Cô Đào thôn Yên-Bệ? hay cô Lý bên Đại-tự? À mà ra không phải, cô này mặc áo đổi vai, phi phào điệu thuốc sâu kèn kia mà! Thầy cố nhớ, cố nhớ: Ra cô Út bán thuốc Cầm-lệ đầu chợ Truồi! Thảo nào. Cô này nổi tiếng « mỏng mây hay hạt » nhất chợ Truồi đấy nhé. Cái miệng cười trở chiếc răng hơi-sứt một tý thôi — mới có duyên làm sao! Lại đôi má nữa! « Một thương má lúm đồng tiền... » « kia cô Út cười với mình! Cô ấy cười với mình! Lại đưa bàn tay ra nữa. Bàn tay mới xinh làm sao. Trắng muôn muốt, lại dễ móng lá lan nữa chứ! Thầy Đội giờ tay ra, rồi rút lại. Quả tình thầy đã muốn nắm chặt, nắm thật chặt ngay lấy. Nhưng người ba bề bốn bên sao mà đông thế. Nhưng, cô ấy lại đưa tay ra kia! Thầy đội ta lấy hết can đảm đưa tay ra nắm vội lấy. Chao ôi, êm quá, mà lạ thay lại thoảng như có hương nhài hương sồi. Thầy nhẹ nhàng dặt cô Út đứng lên. Ô, cô Út đi với thầy Đội! Anh em ơi ra mà xem cô Út đi với thầy Đội! Cô Út then quá, niu chặt lấy cánh tay người bạn tình. Nặng làm sao mà cũng sung sướng làm sao cho thầy Đội... Thầy Đội mê man, định đi người con gái bé nhỏ vào lòng thì, ô hay, sao đi nhanh thế. Út ơi! Chạy đi đâu thế. Út ơi, Út ơi!...

Thôi hồng bet. Tàn rồi một giấc mơ hoa. Hương sồi hương nhài còn phảng phất đầu đây. Thầy Đội liềm mép ngồi dậy, liếc ngán cả mặt. Anh em nghe thấy tiếng ừ ở « Út ơi, Út ơi!... », đã chạy ò cả vào:

— À thầy Đội nằm mê kêu tên cô Út, anh em ơi!

— Thầy Đội tương-tư cô Út chợ Truồi nhé! Thế mà cứ dẫu chúng em mãi. Mai chúng em lên chợ mách cô Đội, nghe!

Thôi, đích là bại-lộ rồi. Thầy Đội trong bụng mừng rơn song cũng làm ra vẻ:

— Bậy ba nào!

— Hi... Thầy Đội mình mà đứng đôi với cô Đội thì, chu cha, đẹp quá, he!

— Bao giờ cấp trên cho phép, thầy Đội cho chúng em uống rượu mừng một bữa, nghe.

— Không dẫu được anh em nữa đâu, thầy Đội ơi!

— Ở thì... đảng này tương tư đảng ấy đấy! Đây « dềch » cần dẫu cậu nào...

Anh em phá lên cười. Thầy đội cũng cười theo. Vành tai bưng đỏ. Bụng vui như bắt được vàng, còn sướng thì chao ôi, sướng tề cả người!

Ngoài kia, ánh trăng lên qua hàng cây, liềm mặt hào. Nước rung rinh vàng quá! Anh con trai làng Thia nằm lịm đi, ngất ngây sung sướng nghĩ đến ngày cùng cô Út chợ Truồi đứng sòng vai nhau trên nhịp cầu sắt, nhìn xuống sông Truồi, hạnh phúc thật!

Hôm sau, thầy Đội giao ngay công-tác coi đồn canh cho chú Cai nhì. Rồi mở ba-lô ra lấy cái lon « chữ nhân » vàng vừa mua ở chợ Đông-ba về gắn ngay lên tay áo. Cái lon vàng mới tươi làm sao trên nền vải cứ ngửa sẫm màu!

Thầy đội nhà ta mò ngay ra đường Cái-Quan, ý chừng đợi chuyển xe nhà binh đầu tiên ở Tu-Đoan ra Huế. Kia rồi! Chiếc Cát-Cát chưa kịp ngừng bánh, thầy Đội nhà ta đã mạnh dạn leo ngay lên băng đảng sau. Cứ làm như xe nhà mình ấy thôi. Chiếc Cát-Cát băng mạnh trên đường vắng. Cầu Hai, rồi Đá-Bạc... Còn mấy thời nữa mà đến Truồi!

Đến nơi mình phải làm gì trước nhỉ? Thầy đội tần mần nghĩ một mình. Có nên đến ngay hàng Cô Út mua dầm lá thuốc? hay là đi quanh quẩn một lát? Thế nhờ có người biết thì sao? Thẹn chết đi được! Thầy đội ta cứ lúng ta lúng túng... Phải can-đảm mới được! Truồi kia rồi!

Thầy đội nhảy vội xuống xe. Xuống cái giốc này, đi một thời là đến nơi đấy nhé.

Men theo con đường cát trắng ven sông, anh chàng si-tình vừa đi vừa ngắm cái bóng hùng dũng của mình in trên nền cát. Hôm nay trời cũng chiều người nên mới quang quẻ như thế này chứ mọi khi thì mười hôm hết chín phải lội bùn bi bõm. Lội bùn thì phải « bốt ». Ai đời đi xem mặt người tình mà lại khệnh khạng đời bốt cao quá gối!

Nó còn ra cái thể thống gì. Cô Út có ấy cười chết.

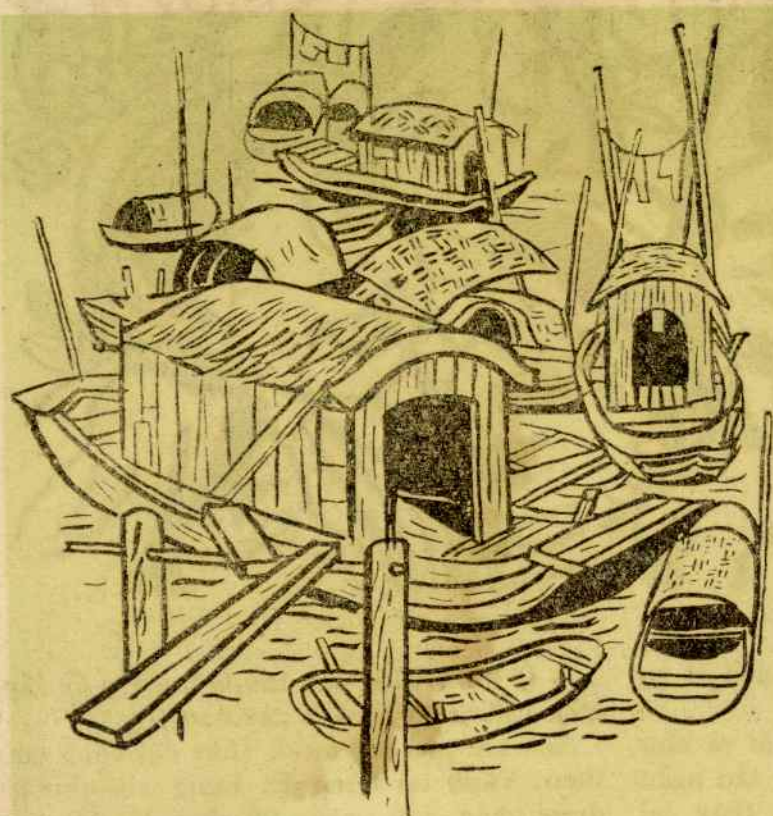
Đầu chợ. Anh con trai làng Thia len ngay qua dãy ghế của mấy ông phó cạo. Bóng ai in vào gương kia? Kia cô Út! Thầy đội lợi dụng ngay cái gương của bác phó cạo quan sát người bạn tình. Có mà trời biết.

Cô Út hôm nay lại diện áo trắng cần thận. Dáng ngồi nghiêng nghiêng, tay mân mê vuốt nhẹ từng lá thuốc. Chao ôi, đôi bàn tay móng lá lan! Đôi mắt...

Có tiếng còi pin-pin... Một chiếc « dép » chạy ngang qua chợ. Người rạt sang hai bên. Thầy đội quay lại nhìn vào tận hàng. Trời,

NGUYỄN-NGỌC-TÚ

(Xem tiếp trang 16)



TẾT TRÊN SÔNG NƯỚC SAIGON

lấy người, lượn quanh các bàn đưa món ăn và rót rượu hầu khách. Rượu đã ngon thêm thức nhắm tốt, nào tôm hùm nướng ăn với sà lách trộn dầu dấm, cua hồ lức, tạp-pi-lu mà ở đây thường gọi là món « cù lao », chim lặn, gà quay, món sào món nấu đủ cả, lại được người đẹp chiều đãi, sắn sóc chu đáo, miệng cười tươi như hoa nở, sông mát đưa tình, khách đã say một lại muốn say hai. Nhưng chỉ phải mỗi một tội...

Minh vội hỏi:

- Tội gì?
- Tội chêm thì nặng lắm.
- Chêm là thế nào?

Ba-Tàu cười tỉnh đáp:

- Chêm nghĩa là tình giá quá mắc. Mắc hơn những nơi khác ở cái khoản lắm thú ấy. Đồ này còn đông vừa, chờ vào dịp tết lại càng lắm khách

lui tới, nơi này càng náo nhiệt hơn. Ba-Tàu dẫn Minh đi rẽ vào ke bên xi-măng, Minh yên trí bạn sẽ đưa anh xuống phà qua sông, có lẽ nhà anh ở xóm bên kia duyên giang.

Nhưng Ba-Tàu không đưa Minh xuống phà quá giang, mà lại hướng dẫn anh leo chiếc cầu thang gỗ đặt từ trên ke xi-măng xuống một căn nhà nổi trên sông giữa vài ba chiếc thuyền khác đã được chèo biến thành những căn nhà ở.

Ba-Tàu chỉ tay giới thiệu:

- Đây là tề xá.
- Sao anh không ở trên đất liền lại làm nhà trên sông nước?
- Chắc anh cũng đã rõ tôi là một người chuyên sống về nghề hàng hải. Ông thân tôi trước cũng là chủ thuyền. Tôi sinh trưởng và lớn lên trên sông nước. Tôi đã từng làm trên các con tàu đồ ngợc xuôi lục tỉnh và trên những chiếc tàu buôn chạy các bến Đà-Nẵng — Hải-phòng, Hương-Cảng, Thượng-Hải, Hoàng-Tân, Thần-Hộ, Tân-gia-Ba, Mạc-Xây, Bạc-Đô.

Gót lẳng du đã từng đặt trên các Hải Cảng to lớn từ Đông sang Tây. Rồi trên những con đường sông nước vạn ngàn muôn trùng bến bờ, tôi gặp nhà tôi cũng là một người chuyên buôn bán trên các triền sông. Hai chúng tôi thành lập gia thất. Nhưng:

Lênh đênh Nam, Bắc, Đông, Tây mãi,

Nào có vui gì kiếp gió sương!

nên tôi đã từ giã nghề hàng hải và về buồm neo ở bến này, bên người bạn đường.

Là những kẻ ưa sống trên sông biển, chúng tôi không xây tổ hạnh phúc trên đất liền, mà lại nẩy ra cái ý định làm một căn nhà nổi, để lúc nào cũng được bồng bềnh trên sông nước, nghe tiếng sóng vỗ nhẹ vào mạn thuyền.

Nói là thuyền cho oai, sự thật căn nhà của tôi nổi được trên mặt nước là nhờ có 8 chiếc thùng rượu gỗ bịt kín, như một chiếc phao đỡ sàn nhà.

Trên sàn gỗ là vách cây, kèo cột đỡ mái lá. Nhà cũng có hàng lan can gỗ chạy chung quanh, có mái hiên, và cửa sổ bốn bề để gió sông lọt vào. Nhà cũng có vách ngăn cách phòng ăn và phòng ngủ tiếp khách. Đồ đạc tôi kê sơ sài nhưng gọn gàng để coi.

Minh đáp:

- Căn nhà nổi của anh thật là một kiểu đặc biệt trên sông nước. Anh ở đây thoáng mát bao nhiêu thì lại có những đồng bào phải chui rúc trong những căn nhà lá lụp xụp và ngay trước mắt anh đây còn bao gia đình sống dưới gầm cầu, nằm trên các tấm ván bắc ngang thành xi-măng.

Ba-Tàu vừa nhấp chén trà vừa nói:

- Những đồng bào sống ở dưới gầm cầu này, một số vì nghèo không thuê được nhà ở trên bộ tam lảnh xuống đây, một số vì công việc làm ăn buôn bán sinh sống về bến này, ở đây cho tiện.

Giữa lúc ấy có một chiếc thuyền trên chõ đẩy những trái quả to bằng nắm dành vỏ xanh nhạt như vỏ dưa gang, đưa ếch ngoài Bắc cập bến.

Minh hỏi bạn:

- Kia là những trái cây gì?
- Đây là dưa hấu chở đến để bán vào dịp tết ở các chợ, dưa hấu chất lên cao như những ngọn núi. Đi đến đâu cũng thấy dưa hấu là dưa hấu.
- Dưa hấu ở đây tròn như trái banh, và vỏ xanh nhạt. Dưa hấu ở ngoài Bắc vỏ xanh thẫm biêng biếc, hình bầu dục và chỉ có vào dịp tết Đoàn-Ngũ tháng năm.

Sau đó Minh hỏi bạn:

- Tôi mới vào nên chưa rõ ăn Tết ở đây như thế nào, có giống ở ngoài Bắc không?

Ba-Tàu đáp:

- Tết ở đây hơi khác ở ngoài Bắc. Ở Bắc mỗi độ xuân về, người ta thi nhau diện nào len dạ nào hàng màu, và làm cỗ bàn linh đình để ăn uống. Dù giàu dù nghèo cũng cố lo chạy ăn chạy mặc trong ba ngày đầu xuân. Thời tiết ở Bắc lạnh nên cái tết có vẻ vui hơn. Còn ở đây càng đến gần tết, tiết trời càng nóng dữ. Xuân ở đây nắng như mùa hạ ở ngoài Bắc.

Chính vì thời tiết nóng lạnh khác nhau ấy nên hai cái tết ở Bắc và Nam cũng khác nhau. Tết ở đây là cái tết dưa hấu, bưởi, các trái quả, uống la-de, nước ngọt, cần hạt dưa. Những nhà giàu cũng rượu mùi đủ thứ, cỗ bàn thịnh soạn, bóng, mực, long tu, vẩy yến, bánh hời thịt quay. Còn nhà nghèo thì dưa giá cả kho nước dừa, củ kiệu thịt kho mặn, bánh phồng, bánh nếp, bánh tẻ. Nhưng dưa hấu thì hầu hết nhà nào cũng có. Tết nóng nên cần ăn những thứ ăn mát.

Các đồng bào Bắc-Việt vào đây, thường dung hòa cả hai cái tết Bắc-Nam, có thêm bánh trưng xanh, thịt mỡ dưa hành.

Tết ở đây đã nóng lại thêm uống nhiều rượu càng dễ say. Ngoài sự chưng diện, đánh bạc, nhậu nhẹt, đi lễ ở đền Lăng Ông, xem múa Lân, thăm sở thú ít có thứ khác nên bọn tôi thường tụ họp trên một chiếc thuyền dong chơi trên sông nước, uống trà thưởng xuân và cũng là để hưởng gió mát ở ngoài khơi thổi vào.

Trước khi chia tay Ba-Tàu bảo bạn:

- Xuân này mời anh qua đây để thưởng thức một cái tết trên sông nước Saigon, để đánh dấu năm đầu của anh trên con đường đi tìm Tự Do.

THÀY ĐỘI LẤY VỢ

(Tiếp theo trang 15)

thằng cha nào đứng dựa ngay cột. Định làm gì vậy? Hắn có « con đĩa » trắng dọc đỏ trên cầu vai. Thày đội tần ngần nhìn lon mình: vàng thì vàng thật nhưng chao ôi lon lại là lon... gầy! Kém về đứt đuôi đi rồi, thày đội ơi! Phải sang tận nơi nhìn vào tận mặt « thằng cha » kia xem sao. Thằng cha kia từ từ quay lại. Chết chửa ra lão Ách già đồn Truôi! Cậu ruột con bé đây mà. Không may mà hóa lại may, thày đội nhảy bổ ngay sang.

- Dạ, thưa « ông Quán »...
- « Thày » Đội! Nghĩ phép rằng, chứ?
- Dạ, thưa em xuống chơi chợ nhà...
- Dữ, rứa! Chơi chợ xa dữ, hè...
- Dạ, xuống thăm có út luôn thể mua ít lá thuốc...

Cô Út nghe chàng trai nhắc đến tên mình ngừng lên nhìn. Bốn mắt nhìn nhau. Thày đội then nóng cả người, vẩn vơ nấp áo ka-ki. Cô Út đỏ hồng đôi má bồ-quần, khẽ nghiêng người thêm một chút, tay vẩn vơ nhẹ nhàng vuốt từng lá thuốc nâu vàng. Ồi, mê man thay là cái phút giây yên lặng thần tiên ấy! « Tỉnh trong như đã, mặt ngoài còn e »... Thày Đội thì còn e ông Quán đứng ngay bên. Cô Út thì liếc mắt nhìn bạn hàng chung quanh. Không hiểu họ có biết không nhỉ?

- Mua thuốc thì lựa đi, sao đứng vậy?
- Dạ, dạ... Cô Út cho tôi... lấy, tôi lấy vài lá thuốc. Cô chọn giùm tôi nghe, cô Út...
- Dạ, thuốc em mới cắt về, ngon lắm, nà... Thày đội nghe tiếng « em » tưởng khoái đến mê tôi. « Thày đội », « em »... giọng thanh tao lạ nhường.

(Xem tiếp trang 21)

TRỜI đã về chiều. Nắng đã tắt trên dải sông dài. Gió dâng lên, thời tiết cũng thay đổi. Không khí mát mẻ và dễ chịu như buổi thu sang. Tuy đã vào trung tuần tháng chạp, ban ngày ở Saigon vẫn nóng như mùa hạ.

Cái nắng chói chang thường xuyên của Đô-Thành làm cát bụi đã làm Minh quên lãng cả ngày tháng, quên cả mùa rét gió bắc với mưa phùn, quên cả tiết lạnh trời đông ở phương Bắc xa xôi, nơi quê hương yêu dấu, với bao kỷ niệm êm đềm.

Minh đứng lẳng ty tay trên lan can hàng ngoại hiên của nhà hàng « Pointe des Blagueurs » tục danh là cột cờ Thủ-Ngũ. Hàng ngoại hiên này chạy nhô ra gần giữa lòng sông, thêm hàng lan can sắt, khiến du khách tưởng chừng đó là một khoảng trên boong tàu, có người đã gọi đùa ngoại hiên này là « Tân bộ trường của khách thừa lương ».

Cột cờ Thủ-Ngũ cao vút lên nền trời xanh, xưa kia mỗi khi có tàu nước nào cập bến, người ta lại kéo cờ nước đó lên để tỏ dấu đón tiếp hay kéo cờ báo bão. Nó cũng giống như cột cờ báo bão ở bến cầu Ngự-Hải-phòng.

Trên dòng sông những chiếc chiến hạm của Mỹ sơn màu xám nổi bật lên giữa đám tàu đồ, tàu buôn, xuống máy, sà lan, thuyền mảnh, tam bản.

Trên ke xi-măng các xe vận tải, những phu khuân vác chuyên hàng lên và xuống tấp nập.

Nhìn những con tàu ngược xuôi, với cảnh hoạt động ở Cầu-Lầu Minh liền tưởng tới hôm nào anh đã ra bến kho bốn bên Khánh-Hội tiễn đưa một người bạn đập chiếc tàu Ville de Saigon trở ra Bắc.

Khung cảnh bến tàu kho bốn, kho năm, với những cần trục máy chạy âm âm gang những cây cần cao vút cần những kiện hàng từ trên bến xuống máng tàu, hay từ trên tàu xuống bến, với những đường rầy, những kho hàng, những đoàn xe vận tải, chẳng khác gì bến Sáu-Kho Hải-Phòng, tuy không đồ sộ bằng.

Giữa lúc anh đang nghĩ đến chuyến đi và ngày trở về bến Tự-do của người bạn, một bàn tay vỗ nhẹ vào anh.

Quay lại Minh nhận ra đây là anh ba Tàu, một người bạn anh quen biết trên chuyến xe tắc-xi-buýt, một thứ xe tắc-xi ba bánh, mũi nhọn như mũi tàu thủy, và đuôi xe phẳng như xuống đồ bộ, hôm anh ra đưa tiễn người bạn về Bắc.

Ba Tàu bảo Minh:

- Anh cũng thích ngắm cảnh sông nước Saigon?

Minh đáp:

- Ngắm cảnh bến tàu là cái thú của tôi. Tính thích giang hồ nhưng ít khi được đi xa, nên ra đây ngắm cảnh trời mây nước và con tàu ngược xuôi, lòng cũng thấy vui vui...

— Anh được đi ít nên thích cái thú giang hồ, còn tôi đã lênh đênh nhiều rồi, nên ngăn những cuộc xê dịch.

Dừng lại ít phút Ba-Tàu bảo Minh:

- Bữa nay gặp anh tôi mừng lắm. Mời anh về nhà tôi chơi để thưởng thức trà Thiết Quan-Âm của anh bạn ngoài Bắc vừa gửi vào tặng.

Minh nhận lời theo anh Ba-Tàu, dời khỏi nhà hàng cột cờ Thủ-Ngũ đi ngược về bến tàu Catinat.

Khi đi ngang qua một dãy quán ăn, thiết lập theo dọc bờ sông với những bàn ăn kê ngay giữa trời, Ba-Tàu bảo bạn:

- Nơi này nhậu nhẹt thú lắm. Anh coi hàng nào cũng có dăm cô nữ chiêu đãi xinh xinh, tóc búi hay phi dê, giấy chèo vàng, áo cánh bó sát

HOÀNG-LAN

BA MƯƠI TẾT, TẾT LẠI BA MƯƠI...

LÊ-VĂN-SIÊU



NGUUYÊN là trong cuộc đời viết văn viết báo của tôi, chưa có bao giờ tôi làm thơ. Cũng chưa bao giờ tôi thi nghiệm cái việc làm thơ ấy. Họa chăng tôi chỉ biết đọc và khen phục người làm thơ hay. Thì chính trong buổi đầu xuân, để ghi một kỷ niệm vui, tôi đã cố ý dọa đánh trống qua cửa nhà Sấm, rồi sui người khác đánh trống thay cho mình lần đi. Nên khi tôi nói sẽ có thơ, thì thơ vẫn có thực, nhưng lại là thơ của người khác mà tôi giới thiệu vì nhiều người không biết.

Bài thơ ấy đã do một tác giả vô danh làm ra và có lẽ nhiều tác giả vô danh khác đã sửa chữa, gọt dũa, trong khi người ta vừa làm công việc đồng áng vừa nhìn ra bờ sông mà khúc khích cười.

Nó là một bài đồng giao, có lẽ đã làm ra từ lâu lắm. Từ trước đời Trần cũng nên. Bởi văn và điệu không bỏ sót vào một thể thi nào nhất định. Câu thì bốn chữ, câu thì năm, có câu sáu câu tám, mà cũng có câu tới mười ba, mười lăm chữ.

Thời thì tha hồ phóng khoáng, mỗi câu gieo thực hết một mạch mới ngừng. Đoạn thì tả tình, đoạn thì tả cảnh; tùy từng đoạn mà câu dài câu ngắn, tùy từng ý mà điệu chậm điệu nhanh.

Bài thơ như chiếu lại một phim hoạt cảnh trước một người đọc về việc một thím xâm người Việt đốt mã cho chồng ngày ba mươi Tết. Cảnh thiết đáng nên ai oán! Cô ta chỉ còn có một cái dù rách với một cái chân bông (chắc cũng rách), hai tay cô xách cả hai thứ đi một mình lững thững ra bờ sông, rồi cô ngần ngừ đứng mà trông sang nước người. Đến cái chỗ tận cùng của sự ai oán ấy thì cô oà lên khóc. Thơ đã tả luôn được tiếng khóc ấy. Khóc rằng:

« Ôi chú chiếc ôi là chú chiếc ôi! »

Thật không có gì hiền bằng văn chương mà cũng không có gì ác bằng văn chương vậy.

Bởi từ ngày cô lấy người ta, cô đã chẳng chịu học một tiếng gì của người ta, cô chỉ biết có mỗi một cái củ phán xi, thì cổ nhiên khi

Cô ta đã ném xuống sông một quan tiền và một thằng người bồ đin. Tất nhiên quan tiền nặng thì chìm mà bồ đin nhẹ thì nổi. Như vậy thì: ôi ai ôi! có phải là của nặng hơn người không?

Thật chưa có một lối lý luận bằng hình tượng nào khéo léo được đến như thế. Nó làm cho người ta hiểu sâu xa được câu kết và làm người ta cảm thấm thía được câu phá ở trên:

Tham giàu lấy phải thằng Ngô

Đêm nằm như thê cảnh khô chực vào.

Văn chương bình dân truyền khẩu như bài này, thật đã biểu lộ được hết cái tình thần ái Việt-Ngô vậy.

Nhân dịp nhân rồi, tôi tự nhủ thử đi dò tìm trong lịch sử những dấu hiệu của tình thần ái Việt-Ngô ấy. Thì tôi đã gặp bài thi này và đã đồ chừng là ít ra nó đã phải phát sinh vào thời Triệu Âu hay sau Triệu Âu ít lâu. Bởi thời Triệu ở nước ta nhằm vào thời Tam Quốc bên Tàu. Trong thế chân vạc Ngô, Ngụy, Thục, nước ta đã thuộc phạm vi cai trị của Ngô. Bà Triệu đã nổi lên chống nhà Ngô, thì cái tiếng thằng Ngô, cái lúa ngô, tham giàu lấy phải thằng Ngô... v. v. cũng đã phải phát sinh vào hồi ấy mới là hợp lý.

Nếu quả đúng như vậy, thì ra người nước ta (nhất là bình dân) đã yêu người Ngô nồng nàn lắm từ hai ngàn năm nay, nên tình yêu ấy đã được biểu lộ ra ở văn chương thi phú vậy.

— Thằng củ một mà cậu cứ bỏ mặc tôi ở nhà, trộm cướp nó vào, một mình phận LIÊU YẾU ĐÀO TƠ lúc bấy giờ biết lấy ai che chở cho tôi...

— III

Kể ra, mỗi kỳ Tết đến, mà không còn cái thú chơi văn chơi chữ nữa thì có khi ăn uống chán rồi nghe đàn hát mãi cũng chán, người ta dễ đến phát điên lên mất.

Cho nên hôm tòa soạn báo Tự Do mời các văn hữu tới nói chuyện về việc viết bài cho số báo Tết, anh chủ bút hỏi từng người, coi ai đã có sẵn từ để viết bài gì, khi đến lượt tôi, tôi trả lời là tôi sẽ có một bài thơ, thì quái lạ! tất cả mọi người đều cười rộ lên, lấy làm hoan nghênh lắm. Mà bắt đầu từ chính tôi lại cười nhiều hơn ai hết.

Rồi từ hôm ấy, người nào thấy tôi cũng cười và giục đưa bài, cố ý để xem trước độc giả, bản thảo bài thơ của tôi. Một bài thơ mà khi mới báo tin ra, hai thi sĩ Đinh Hùng và Vũ Hoàng Chương ngồi hai bên đã phải mất một phút sững sờ, để anh em cười và đề nghị Vũ Quân hãy viết khảo cứu vậy, thì bài thơ ấy kể cũng không đến nỗi lú, khi được in lên một báo.

người ta chết, cô chẳng khóc người ta bằng chú chiếc thì cô biết khóc bằng gì? Cô không khóc: ôi củ phán xi ôi! Thì kể cũng đã may cho chú nhiều lắm rồi vậy.

Đến đây, thơ nhân Tết phải cau mày tỏ ý bất bình đối với cách chơi ác của người làm thơ. Thì hãy khoan, để xem cảnh kia còn tiếp diễn và giải thích luôn thái độ nọ.

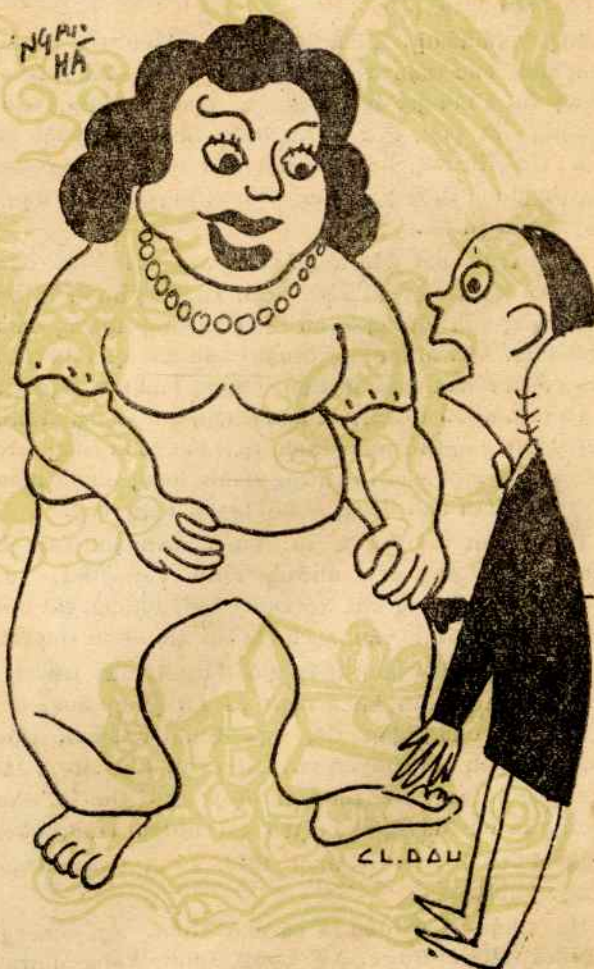
Tham giàu lấy phải thằng Ngô
Đêm nằm như thê cảnh khô chực vào.

Kể từ ngày em lấy anh, anh bảo em:
« Chả chịu học một tiếng gì ».
Em chỉ biết có một tiếng:
« Cái phán xi là củ khoai lang » (1)

Ba mươi Tết, Tết lại ba mươi
Vợ thằng Ngô đốt vàng cho chú khách
Một tay cô cầm cái dù rách
Một tay cô xách cái chân bông
Cô ra đứng bờ sông
Cô trông sang nước người
Ơi chú chiếc ôi là chú chiếc ôi!
Một tay cô cầm quan tiền
Một tay cô cầm người bồ đin
Cô ném xuống sông.
Quan tiền nặng thì quan tiền chìm
Bồ đin nhẹ thì bồ đin nổi
Ơi ai ơi, của nặng hơn người

Tội gì mà ở chính chuyện
Một đêm là sấm còn sin ai cho (2)

(1) Củ khoai lang có hai nghĩa
(2) Sấm còn sin tiếng Tàu nghĩa là ba quan tiền.





ĐÊM GIAO THỪA

TỔNG CỰU NGHÊNH TÂN



Tiếp theo vài tiếng rào rào, bởi đám lá muôm đập ở đầu cành, khu đất bên đình chốc chốc lại nổi lên một trận lộp bộp của những giọt nước trên cao, đồng thời rơi xuống mặt đất. Trời vẫn mưa phùn thỉnh thoảng lại điểm một làn gió nhẹ. Dưới bức cửa vông ngồng ngoèo những rỗng và phượng, cục lửa vừa bằng hạt đậu của đôi đèn gỗ trên chiếc hương án phai hết màu sơn, uể oải phun tia sáng ủa đỏ, cổ soi cho khu lòng đình rùng rợn. Cả một gian đình, chỉ là một cõi lạnh lẽo lơ mờ.

Trên ngai sần đình, giáp với hậu cung, ông thủ-từ vò vổ ngồi giữa mảnh chiếu rách với chiếc bình vôi, và cái khay đựng trầu cau. Đài rượu, cây nến, lư trầm hương, chậu quán tầy, các thứ tế-khi sắp sửa đã xong, ông từ đề ý nghe tiếng trống canh của các điểm.

Nửa đêm hôm nay làng sẽ làm lễ giao thừa, cái lễ « tổng cựu nghênh tân » này rất là quan trọng. Nửa đêm hôm nay trong đêm mịt mù không trông thấy, ông Cựu đương niên trước khi mãn khóa hạn về Thiên đình sẽ làm bàn giao với ông Tân đương niên ở Thiên đình xuống đảm nhận công việc trần gian. Vận mạng trong làng hay, dở là ở ông Tân này đây.

Trống của các điểm khoan thai điểm hai tiếng một, canh hai mới hết độ già hai phần. Ở nẻo đầu làng, cũng như ở nẻo cuối làng, lâu lâu lại nghe có tiếng pháo nổ. Năm nay trời cho được mùa, lúa gạo bán được, dân làng cũng đủ tiền mua pháo để đón cái Xuân sắp sang.

Hết hồi nổ ran của những tràng pháo, các xóm lại im phăng phắc.

Tiếng lách tách của nước mưa từ trên mái ngói rỏ xuống sân đình vẫn đều đều không dứt. Hơi lạnh vẫn theo ngọn gió lùa vào cửa đình. Ngoài đình bao nhiêu cảnh vật đều bị chìm ngập vào đêm tối; ngọn đa, ngọn gạo chỉ còn cái bóng lơ mờ.

Trống canh bắt đầu đánh dịp ba tiếng. Ở nẻo xa xa nghe có tiếng mõ lóc cóc dần dần gần lại, và mở đầu cho một tiếng kêu vừa lớn, vừa dài.

« O...o... chiêm quan viên mũ áo ra đình tế, bốn bàn quan lão ra đình làm lễ... »

Tiếng rao theo tiếng mõ đi mãi xuống nẻo xa xa, rồi biến vào trong cõi im lặng.

Trong đình có ánh lửa sáng. Tiếp luôn đến tiếng chân người sầm sập bước trên mặt gạch. Một mâm xôi trắng, và một mâm sỏ lợn lù lù từ dưới bệ thềm tiến lên cửa đình. Hai bác người nhà của ông Đương Cai lần lượt hạ cả đồ lễ xuống chỗ góc đình, rồi cùng đuổi cái bàn chân bê bết đất, để ngồi ghé vào trong chiếu.

Chiếc đèn hai giấy, được ông thủ-từ di cho chút lửa. Cảnh tượng lù mù của năm gian đình được thay đổi bởi cái nụ lửa bé nhỏ mọc trong bóng thủy tinh. Đèn giới nằm trên mái ngói như bị đánh thức, chúng hốt hoảng chui ra, và bay phấp phới ở giữa các cột.

Tiếng guốc xen với tiếng giấy lộc cộc từ hai đầu đình đưa lại. Cụ điền lễ, các ông quan viên, các ông trùm, bàn ba, bàn tư lục tục bước lên sân đình với những khăn gói bằng vải tây đỏ. Một dãy ống quần cháo lòng đều bị kéo lên khỏi đầu gối. Một lớp ống chân chắc chắn như ống tre đều được xoa hết vết bùn bần lấm trong khi đi đường. Dân làng chiếu theo ngòi thứ ngòi xuống.

Mâm xôi trắng, và mâm sỏ lợn đã được hai ông bàn tư cùng kính để vào trước sập « giám-khảo ». Cụ điền lễ, các ông bàn trong, các ông quan viên lật đặt cỡi nút khăn gói, lấy mũ áo bày ra ngoài chiếu. Một cuộc tui bụi hiện trên sân đình: ông này đặt mũ lên đầu, ông kia xỏ chân vào ủng; hai ba ông khác sừng xính phủ tấm áo thụng nước đưa đề che lẫn áo nâu mốc vải.

Trống cái dưới cửa đại đạo rồi rít một hồi từng cắc; cụ tế-chủ với cái lưng xống khom khom lò dò bước xuống lòng đình. Các ông quan viên lần lượt sắp hàng đứng vào hai mép sân đình. Những đôi ống tay có thụng cùng lúc chấp lại, và úp vào chỗ dưới rốn. Các cụ bàn trùm lớp ngóp đi tới chiếu trong cửa đại đạo. Ai nấy đều quý gối chầu vào trong đình.

Những tiếng từng cắc thỉnh linh im bất. Trong hai ống tai áo thụng khoanh tròn miệng ông đồng-tán bỗng thấy bật ra mấy tiếng « củ soát tế vật », rồi đến « chấp sự giả các cụ kỳ sự »; rồi đến « nhạc-sinh cử nhạc ». Tiếp theo là kèn, sáo, đàn vang lên.

Đêm ba mươi Tết, cái đêm mọi người phải sốt ruột về việc nhà, thì sự tế lễ tất nhiên cũng bị rút ngắn lại. Đàn, sáo, kèn, nhị còn đang réo rắt, tiếng « sơ hiến lễ » ở sau ống tay ông đồng-tán bỗng vang lên.

Bốn ông quan viên chia làm hai hàng, khoan thai nghe nhịp chiêng trống rước đôi nến và đôi dài vào trước hương án, đồng thời cụ tế chủ tiến vào chiếu trong, rồi quý hai gối mở dài rót rượu, và vái một vái rất long trọng.

Hết một tuần rượu. Bây giờ đến cuộc đọc chúc.

Sân đình lệt đẹt nổ một hồi pháo để mừng cuộc gặp gỡ giữa hai ông Cựu và Tân Đương niên. Giới hạn của năm cũ và năm mới lập mốc trong cái phút đó.

Tràng pháo hết. Cuộc tế kết liễu bằng hai tiếng « lễ tất ».

Chờ dịp im lặng của các thứ nhạc, ông đồng tán giờ tay áo thụng và xướng to hai tiếng « động thổ ».

Thì ra cuộc tế năm nay khác hẳn cuộc tế năm ngoái. Người ta còn nhớ dành dành năm ngoái, theo lịch của tòa Khâm-thiên giám, mãi đến tháng ba tháng giêng mới gặp ngày « nghi động thổ ». Vì vậy cuộc tế động thổ phải lia cuộc tế giao thừa, mà lui về sau ba ngày. Trong những ngày ấy, dân làng đã chịu bao nhiêu sự khúm núm rút rè. Những nhà có củi không dám dùng dao chẻ, phải đun bằng rơm. Những nhà có gạo chưa giã, phải ăn bánh chưng trứ. Cho đến những đứa nhỏ hay nhẩy nhót, đùa nghịch cũng bị cha mẹ ngăn cấm, không được tự do. Chỉ bởi làng chưa làm lễ động thổ, nếu cứ động mạnh quá, e rằng chuyển động mặt đất, cả năm làng sẽ không được yên. Năm nay trời khéo thu xếp, được cái giờ động thổ lại nhằm giờ tý, giữa lúc làng đang làm lễ giao thừa, cho nên hai cuộc tế ấy được nhập làm một.

Dứt tiếng ngân của ông đồng-tán, trống cái lại thùng thảng điểm từng tiếng một; đàn sáo, kèn lại nổi lên, một điệu nhịp nhàng.

Ngoài cửa đại-dao bỗng có ánh lửa rực rỡ. Hai ông bồi tế, xúng xính áo thụng đi lui ra. Cái thường của ông đương cai đem ra, vẫn nằm ở dưới thềm đình như một tên lính chờ lệnh của chủ-trưởng. Nhanh nhẩu vác cái thường ấy lên vai, một ông bồi tế theo người bàn tư cầm đuốc đón đèn bước xuống sân đình với ông ban đồng sự.

Trước ánh lửa sáng, ông vác thường sẽ hạ thường xuống đất và hồi to :

— Năm nay thuận hướng Đông, Tây phải không ?

Không đợi ai trả lời, ông ngảnh mặt về phía Tây, ra sức đảo luôn lấy ba hòn đất. Cái ông bồi-tế đi không lúc này, bây giờ phải vén hai tay áo thụng để củi mình xuống mà nhặt lấy một hòn đất, rồi quay lưng về hướng Tây, ông liệng luôn hòn đất sang hướng Đông. Ba hòn đất được liệng cả đi, là xong việc động thổ.

Bỏ đuốc lại đưa ba người trở vào trong đình. Tế chủ theo khẩu hiệu của ông đồng tán « háng, bái » thêm bốn lượt nữa. Cuộc hành lễ được kết liễu bằng hai tiếng « lễ tất ».

Các ông quan-viên lật đặt chạy lên sân đình cởi áo cởi mũ, gói vào vuông khăn vải đỏ.

Một luồng chớp nhoáng thỉnh linh hiện ngay trước đình. Tiếp đến tiếng sét vang rộ từ xa đưa lại.

Cả tòa mái đình rùng rẩy chuyển động.

Mâm xôi và mâm sỏ lợn đã bị hạ xuống, chia phần cho khắp mọi người, cả làng kéo nhau ra về, với chiếc khăn gói, nắm xôi thịt, và một sự băn khoăn, lo ngại :

Sang canh đã em ả, sấm « mở mắt » lại nhằm giữa lúc mọi người đều dối như cào, cái năm sang năm, chẳng biết có tránh được nạn đói kém ?

THƯỢNG-SỸ

LÁ THU' VỀ BẮC NHUỆ-HỒNG

Các anh Văn-công,

Hôm qua tình cờ tôi được đọc « bức thư không niêm gửi người bạn bên kia Bến Hai » của một anh di-cư.

Lời thư thấm thiết nhớ thương một màu quê-hương xanh mát, nhớ tiếng khóc trẻ thơ bên xóm vắng, nhớ tiếng guồng quay tơ đều đều bên song cửa, nhớ ngôi mộ ủa heo bên đường; rồi oán than một kiếp sống u-ầu bên kia giong Hiền-Lương và rồi tin tưởng một ngày mai quang đặng của Lịch-sử.

Tôi cũng đã đọc thấy bao tình hoài hương trong ánh mắt chàng trai đã sáng lên với phong sương, đe dọa hiền khi gió lạnh lùa đến:

Gió lạnh miền Nam chỉ đủ gây mùi nhớ heo may đất Bắc. Nhưng gió lạnh miền Nam cũng có mãnh lực thúc dục chàng trai mơ ước một ngày về.

Chúng tôi đã bỏ mùa phồn gió lạnh ra đi để tự giải mình tâm ảnh nắng thiêu đốt của miền Nam.

Chúng tôi cũng đã tạm biệt với Nhị-Hà, Văn-Miến, Hồ-Tây để tự nhủ rằng: « Ly-biệt là đầu mối của xum vầy, và ra đi là sửa soạn cho ngày trở lại ».

Chắc giờ này các anh đang hăm hồ lắm nhỉ?

Là người văn-nghệ, các anh lại đang rèn luyện những vũ-khí tinh-thần để tung ra, đúng giai đoạn, đơ guom chỉ đường cho cuộc chinh phạt miền Nam.

Các anh đang gào thét giữa đám nông dân ngạc nhiên, giờ này, họ đang kết thúc cuộc trường chinh của dân-tộc; giữa rừng súng đạn các anh đang hùng hồn giảng giải cho đám chiến binh quá mệt mỏi về thể xác, cũng như quá căng rần về tinh-thần rằng họ là những phần tử xung phong đầy mạnh cho bánh xe tiến hóa của Lịch-sử để lần qua rồi nghiền nát chế độ tư-bản đang co-rúm trong hơi thở tàn.

Và xen lẫn tiếng đe, hùa âm vang bên tiếng máy lạnh lùng do những con người đã lị guồng máy xã hội phi-nhân của các anh thiêu đốt nấn nhụi phần nội tâm để còn trở khế lại phần thể chất khô khan, lời huấn thị của các anh vang vọng lên rằng: « Lực lượng thợ thuyền là chủ-lực quân của giai cấp có đủ sức một lớp sóng cuồn cuộn, gạt bằng mọi rơm rác, rồi gột rửa cho con người vừa giải phóng ».

Giai cấp vô sản mà các anh cam tâm đầu hàng để phụng-sự, lại quay đi phụng-sự xây đắp một cái gì mà chẳng ai dám nghĩ tới vì nếu ai vẫn vơ lý-luận để nghĩ tới là sẽ lị « Đảng và Chính-Phủ » của các anh coi là « phản động ».

« Công nông binh cướp chính quyền, xây liên xô viết cộng hòa » câu hát năm xưa các anh còn nhớ chứ.

Các anh xây dựng liên xô viết thế nào?

Các anh thúc đẩy nông dân tăng gia năng xuất và chính các anh đã coi là « anh hùng » một cụ già lòm khòm mà các anh bắt mang bộ xương gầy guộc bọc trong tấm da nhẵn nhéo, cây cuốc giồng đã từ sáng đến chiều.

Bác xã năm xưa còn đôi lúc được ngồi nhàn tản nhấp bát chè xanh bàn chuyện kim cô với bạn hiền; bác xã ngày nay tất tả cây bừa 12 giờ một buổi chẳng dám nghỉ chân; vì bác sợ con mắt sâu sắc của Đảng đâm đâm nhòm ngó đe rồi phê bình, rồi chỉ trích, rồi khai tử, rồi đe mặc bác chết đói với vợ con.

Bác xã hiền lành năm xưa nay đâm ra độc-ác, vu-không, đi tố khổ ông đồ (là người đã cố nhồi vào đầu tâm tở của bác mấy chữ « nhân chi sơ tính bản thiện » của tiên nhân) chỉ vì ông ta có 5 mẫu ruộng mà không biết đánh trâu ra đồng, nên bị kết án là diên chủ, mặc dầu con trai ông đã tự đắp

nấm mồ chiến sĩ vô danh bên kia khe núi cheo leo. Bác xã năm nay đi đầu một địa chủ ở huyện trên mà cả đời bác ta chưa gặp mặt.

Bác xã gái năm xưa nhàn nhục và hiền thảo, nay biến thành cán bộ nông thôn kiêu bảnh với nhiệm vụ tự-dòng trình-sát hành-vi, tư-tưởng, tình-cảm của chồng con. Và thằng cu-tý đã vô ý thức báo cáo rằng bu nó trong lúc vui chuyện vãn-ao-ước mua cho nó mấy thước vải trắng mà hạng người thành-thị quen dùng.

Các anh đã mang lại những gì cho thành phần nông dân?

Các anh đã lấy nguồn an ủi phần khởi nào để bù đắp vào kẻ gian lao cũng cực của dân cây? Vô kích các anh sáng tác ra, kêu gọi nổi oán thù, gieo rắc căm hờn, xui dục thù tính. Văn-nghệ các anh sản xuất ra, giầy sáo giá trị con người. Đáng lẽ là sự thật, điều tốt, cái đẹp, thì các anh cố ý dử mồi cho dân lắt lóng; các anh ca tụng người « anh hùng tự phê bình » đã tàn-nhẫn đề cao phần xấu xa nhất của mình để dìm chôn nhân tính, các anh xuyên tạc họa vẽ người địa chủ có « đôi tai dài như tai ác thú ».

Cho đến nay, đợt sóng tố khổ do các anh chủ trương cuốn đến đâu, là mộng thiên đường vô sản của nông dân sụp đổ tan tành như lâu đài xây trên cát bụi.

Vì 3 sào ruộng mà các anh khôn ngoan giao phó cho họ cấy cấy để khi họ đòi giọt mồ hôi cho mọc lên được nhánh lúa nào, là bao nhiêu thứ thuế lũy tiến vơ vét hết.

Và lại bản chất của nông-dân không phù hợp với chế độ vô-sản. Nông dân Việt-nam chẳng tham lam gì: Họ chẳng đòi hỏi gì hơn (trong giai đoạn hiện tại) là được sống thanh bình giữa tấp lều xinh xắn, được cấy dăm ba mẫu, được chia vớt và với con trâu nhà, được trông thấy con cái họ cắp sách đi học đạo làm người, kính nể họ, chứ không học làm trình-sát để rề khinh họ nữa.

Hai mươi thế kỷ được mầu nhân ái, chưa để các anh đã xóa ngay được trong vên vên có mười lăm năm.

Và các anh chắc cũng đôi khi giật mình khi nghĩ đến lòng sáng suốt rộng rãi của người dân quê chất phác mà các anh đang ngon ngọt dụ dỗ, đã vừa có đủ sức tự cường đuổi bọn quân Tàu về Bắc, vừa có đủ sức tư-tin để thờ một Sĩ-Nhiếp hay một Quan công là những người tượng trưng cho Nhân-Đạo.

Các anh tự hào có một đoàn quân chiến thắng.

Các anh nhồi vào óc những chiến sĩ, mất chỉ hướng về ánh độc lập, mở lý-thuyết cay nghiệt, huộc họ, thúc đẩy họ cố gắng đến một nhòai để chỉ tìm thấy sự « yên nghỉ » cuối cùng bằng cách hy-sinh lẫn lộn với lớp sóng « biển người ».

Chiến thuật hiền người của các anh đã làm nhiều kẻ bàng quan chưa giác ngộ, thần phục hay khiếp đảm. Nhưng chiến thuật biến người ấy cũng đã giúp cho hàng vạn Con Người trong hàng ngũ các anh tìm thấy lối thoát duy nhất nhưng hợp lý, mà chính các anh sẵn sàng mở rộng:

Vì chết trong giai đoạn này, họ còn có thể tự hào đã chết cho Độc-Lập, nếu trong cuộc chiến đấu sắp tới đây mà họ chết, thì họ sẽ chỉ ngậm ngùi đã chết vì đi ngược lại Tự Do.

Các anh hẳn còn nhớ hôm đoàn quân chiến thắng về thành? Các anh có nhận thấy vẻ sát khí ngậy ngó của lớp người mà giá trị chỉ còn là một bộ máy.

Có bao giờ các anh so-sánh người lính Cộng Sản với khẩu-súng họ vác trên vai?

Đời người lính Cộng Sản chỉ có nghĩa một bộ phận phụ thuộc cho khẩu súng (cũng như người nông dân là bộ phận phụ thuộc cho cái cây, và người thợ cho cái máy).

Anh ta có nhiệm vụ « chở » khẩu súng đi theo phương-hướng đã định, rồi bấm cò cho súng nổ đạn.

Động-tác bấm cò của anh lính Cộng-Sản cũng chỉ có lợi tương-đương như động-tác nổ đạn của khẩu súng: Hai « bộ phận sản-xuất » ấy liên đới trợ giúp nhau.

Còn hỏi anh ta lý-do của việc bấm cò thì anh ta ngờ ngác, hay chỉ lại « nhả » ra những câu sáo ngữ thuộc lòng.

Cho nên sức mạnh của các anh nằm gọn trong sự ngu dốt.

Ngày nào mà xã-hội tổ chức cho ngang bằng trình độ ý thức của Con Người về nhân phẩm cũng như về tự do đã khá nảy nở, là ngày ấy thành tri vô sản lung lay.

Nhưng các anh cũng đã đủ khôn ngoan để dự phòng. Và con người khờ dại trong các khu Cộng-Sản trên thế giới chỉ giác ngộ khi gông cùm đã xiết quá chặt. Họ chỉ còn nhắm mắt lần mò theo chiều tiến hóa. Đối với họ giữa sự sống hay cái chết, ranh giới còn chẳng là bao.

..

Nhưng mầu thuẫn thay! chính các anh cũng là những kẻ khờ dại.

Và các anh cũng chỉ giác ngộ khi gông cùm đã xiết quá chặt chân tay: Ngày nay các anh chỉ còn là những con thiêu thân nhắm mắt đâm đầu vào ánh đèn Cộng-Sản quyền rũ, ác-nghịet.

Có buổi canh tà nào các anh trần trọc mơ màng thấy mình còn chưa đựng ít nhiều nhân tính?

Có đêm trường nào các anh thao thức kiểm điểm lại đời sống lạnh lạc của mình rồi khe khẽ thở dài?

Có giây lát nào trong buổi chính huấn các anh thoáng thấy một kẻ hồ bút rút khi bạn anh đang thú ra những tội tình mà anh ta đã sắp đặt từ trước cho hợp phong-trào?

Có bao giờ anh dám có một phản động lực u uẩn khi anh lị người ta tẩy não, huộc anh một cách rất khoa học, phải tự phê bình để tuyên bố ly-khai với mọi tác phong trong quá khứ, để phủ nhận mọi vẻ đẹp trong thời niên thiếu bằng bột?

Chính huấn, tẩy não, tự phê-bình, tố khổ, đấu v.v. chẳng qua chỉ là những lưới dao sắc bén nạo hết phần nội tâm tiềm ẩn của con người, cõ tình hạ thấp giá trị nội-tại của con người xuống thấp hơn cả hàng muông thú, ngang hàng với mấy mớ vật chất vô tri.

Tư-tưởng, tôn giáo, đạo lý, triết học ư?

Chỉ là sản phẩm của giai cấp thống trị!

Tình gĩa-đình, nghĩa phu-thê?

Chỉ là bức màn che đậy một công cụ sản xuất, một cuộc đời chác kiểng lời: Vì hôn thú chỉ xây đắp nên cộng-đồng phụ nữ!

Nếu con người Cộng Sản chỉ là những phần cấu tạo của một guồng máy tập thể thì các anh, những người đã rèn đức nên những thành phần ấy cũng biến thành những anh thợ chuyên môn. Sự nghiệp văn học mà các anh theo đuổi đã là một bộ phận cộng-tác của Đảng, thì nhiệm vụ của các anh (những người thợ điều khiển bộ phận công-tác ấy) cũng chỉ là sản-xuất đúng giờ đúng thời.

Ngậm ngùi thay khi đã đặt hết thương yêu vào đứa con tinh-thần, để không có quyền khai sinh cho nó (vì nó chưa đầy năm tháng, chưa nằm trong giai đoạn phục-vụ).

Các anh Văn-công đất Bắc! Mùa thu năm xưa chúng ta cảm giận bọn Tư Bản ngoại lai, nắm tay nhau đứng lên phá tan xiềng xích. Chính các anh và chúng tôi đã ý thức được trước nhất sự bóc lột, cảnh rối loạn của tổ chức xã hội để quốc phong kiến.

Chính các anh và chúng tôi mùa thu năm ấy hăm hồ hơn ai hết về vận mệnh của giống nòi.

Và chính chúng ta đã cầm cờ tiền phong trong cuộc cách mạng Dân-tộc.

Nhưng rồi chính chúng ta vì quá ngây thơ ấu trĩ nên lại sa vào lưới vô sản. Đến khi bừng tỉnh, chúng tôi rút chân ra kịp, các anh (cho đến ngày nay) còn nằm mê man say giấc mộng đại đồng.

..

Hôm nay, mưa xuân tưới mát hai bầu trời u-âm và hương-xuân sưởi ấm cho những cõi lòng se-sắt biệt-ly.

Gió xuân tha-thuột lướt qua giấy non cao trùng điệp, ôm ấp hồn sông núi u-sầu.

Có mùa xuân nào sâu sắc bằng mùa xuân năm nay. Mà có ngọn lửa nào hồng ấm như ngọn lửa đầu xuân!

Và trong lúc các anh nâng chén rượu liên hoan, có phút nào các anh mơ ngày đoàn tụ?

Giờ phút nào trong Lịch-sử người dân miền Bắc rèn xiết dưới gót bạo tàn, mơ ước người chiến sĩ trung lưu phất cờ trở lại xây đắp bao Đống-Đa lầm liệt trong dịp Xuân sang?

THẦY ĐỘI LẤY VỢ

(Tiếp theo trang 16)

Thầy Đội cúi xuống đỡ nhẹ từng lá thuốc cô Út giơ lên. Bàn tay đỏ hồng móng tay cong cong. Mê quá, chỉ kịp nghe ông Quán dặn với :

— Chọn xong thuốc lại dâng này làm vài chai, nghe !

— Dạ, dạ...

Không biết cô Út có bằng lòng cho mình uống rượu không nhỉ ? Hình như không thì phải. Cô ấy buồn buồn kia ! Uống « bia » là thường, có làm sao, cô Út. Mà uống với... « cẩu » Quán cơ mà ! Hay là... Hay là ta cứ ra khề khà với ông Quán rồi tiện thể vào vấn đề ngay ? Nền chẳng ?

Thầy đội cũng chẳng phải suy nghĩ lâu vì cô Út đã gói xong lọ thuốc. Thầy định móc tiền ra trả ngay nhưng thế thì có vẻ khách quá. Chỉ bằng cứ gửi gói thuốc đây, lát nữa ghé qua trả tiền có phải thân tình hơn không ?

— Lát nữa, tôi gửi tiền cô Út, được không ? Tôi kiếm ông Quán một chút...

— Dạ được, lát nữa mời thầy đội ghé hàng em...

Được lời như cởi tấm lòng, thầy tất tả quay đi nhưng vẫn không quên liếc mắt nhìn khuôn mặt dễ thương của cô gái làng Truồi...

— Thì có việc gì thầy đội cứ nói đi...

— Dạ em nhờ ông Quán. Em thì lưu lạc vào đây đồng đất nước người. Trăm sự nhờ ông Quán lo liệu giúp em. Nếu gặp nhân gặp duyên thì cái công tác-thành em không khi nào dám quên ơn ông Quán...

— À, ra « chứ » muốn nhờ tôi đi nói, con Út, he ?

— Dạ, dạ...

— Tui thấy chú cũng hiền lành, chịu khó. Nhưng không biết « nó » có ưng không ?...

— Dạ, ưng...

— Sao chú hay ?...

— Dạ, hay...

Ông Quán già tọt nốt ngum « bia » còn lại trong ly, đôi mắt hiêng hiêng nhìn anh con trai si tình. Kề cũng khá, đứng đắn con người đấy ! Không biết chúng nó có gặp duyên gặp kiếp với nhau không ?

— Ông Quán soi thêm chút nữa ?

— Cảm ơn « anh ». Được rồi tôi lo cho...

Thầy Đội mừng nhẹ cả người, rút ví trả tiền bữa rượu. Gần sáu chục bạc. Gớm, ăn uống ở đây đắt như vàng. Nhưng biết đâu lại không nên vợ nên chồng đấy ?

Đến hàng cô Út, cả hai người dừng lại. Hai cái mặt đỏ như tôm rim, bóng nhẫy. Thầy Đội nhìn ông Quán. Ông Quán nhìn cô Út, nhìn cả hai người... Đẹp đôi nhỉ !

Có lẽ hơi hiền sự-tình, cô Út then thò đưa tay sửa lại mái tóc bồng bênh. Thầy Đội nhẹ nhàng cầm gói thuốc lên, đưa lên mũi. Ngất ngây... Cô Út khề cười, mơ mộng. Ông Quán già hấp háy đôi mắt, gật gù... Trưa hôm ấy, trên chiếc G.M.C. chạy về ngã Lăng-Cò, có một anh chàng sung sướng...

Câu chuyện này xảy ra vào khoảng thượng-tuần tháng Một Giáp-Ngọ, lúc tôi ngược đường ra Trung.

Tôi chắc rằng ra giềng Ất-Mùi, dân làng Truồi sẽ chia vui cùng thầy Đội, cô Út, để cho ông Quán già được dịp tác-thành cho đôi trẻ, và cũng để cho anh con trai làng Thia âu vui duyên mới, cố quên đi nỗi sầu xa xứ. Để rồi một đêm trăng sáng có bóng hai người đứng sóng vai nhau trên cầu sắt, nhìn xuống sông Truồi, đắm ánh trăng vàng...

(Trích « HƯƠNG QUÊ »)

TRÁNG SĨ MỘT ĐI

(Tiếp theo trang 13)

CHỦ-QUÁN (điệu giọng, sau một lúc suy-nghĩ)

Ừ, Kinh-Kha vì thiên-hạ, phải rồi ! Tấm lòng ấy thực anh hùng nghĩa hiệp, Nhưng cũng chỉ một mai đây, sẽ chếp Luận Kinh-Kha rằng « chi lớn tại sơ », Vậy mà thôi...

CAO-TIỆM-LY

Hừ ! Ta thực không ngờ

Ôc ngu muội người còn tâm-tối mãi, (điệu giọng và cất cao tiếng :) Ta đã nói. Giờ đây ta nhắc lại. (ngừng một lúc rồi thông thả :) Việc làm ấy, xá chi thành hay bại, Chỉ cần xem ai kẻ dám làm thôi. Gương đã treo, từ đây còn sáng mãi, Nổi chỉ kia, mai một thiếu chi người. Dầu Bạo Chúa giờ đây chưa bị giết, Nhưng toàn dân đã tỉnh giấc chiêm bao. Thì Bạo-Chúa một mai đây phải chết ; Sau Kinh-Kha, tiểu-tử cũng anh hào ! (Hạ thấp giọng nói một mình :) Ôi Kinh-Kha ! Dầu chi người chưa đạt, Nhưng toàn dân ai nấy biết liền gan ; Thì người đầu Hàm Dương thân đã thác, Mà vẫn như còn sống với Thời-Gian.

CHỦ-QUÁN (suy nghĩ một lúc lâu rồi đổi giọng :) Còn sống mãi với Thời-Gian...

CAO-TIỆM-LY

Còn mãi

Thanh danh ai, người kiếm sĩ tiên phong.

CHỦ-QUÁN

Người kiếm sĩ...

CAO-TIỆM-LY

... Một đi không trở lại

Và treo cao lịch sử tấm gương trong.

CHỦ-QUÁN

Và mở lối cho muôn-văn thế-hệ,

Và hy sinh cho thiên hạ toàn dân.

CAO-TIỆM-LY

Người đã một mình trên chín bề,

Giữa triều Tần nêu tội ác vua Tần.

CHỦ-QUÁN (đứng dậy vái Tiệm-Ly)

Cao ân sĩ ! Mấy lời vàng ngọc đó,

Thực đã khiến cho lòng ta sáng tỏ.

Dám xin người rộng lượng thứ cho ta.

CAC-TIỆM-LY (đỡ chủ quán)

Đứng lên thôi ! Điều ấy nhắc chi mà !

Hãy cùng thấp nhen hương lòng, kính viếng

Người hiệp-sĩ nghìn thu còn đề tiếng

Người ra đi vì đại-nghĩa quên thân.

(Điêu chủ-quán ra Bến Sông, vẫy chén rượu xuống

mặt nước rồi quay lại nói với chủ-quán :) Trên Sông gió gục mây vẩn,

Ta cùng người, lại một lần tiếc thương.

(Ngâm giọng buồn-bã :)

Hôm nao tiễn kẻ lên đường,

Bâng-khuâng nhịp trúc, bờ sương lạnh lùng.

Mây trời bất ngát nhớ-nhung,

Gió trờng giang thét náo nùng đêm đêm.

(tiến về phía cuối Bến, than một mình :)

Ôi Kinh-Kha hiền đệ !

Ngày xưa cũng nơi đây.

Cùng ta trong quán rượu này

Xót cho thiên-hạ cùng say ngậm-ngùi.

Phẩm bình gương trị-loạn,

Bầu nhiệt huyết cùng sôi

Hai ngã đường xuất xứ

Chung đau một chữ « Thời »

gên vai tiếng thép cựa

Nhìn nhau giọt lệ rơi.

Chia tay cùng gần bó

Đình-ninh việc cứu đời.

Bốn phương khói lửa tới-bời

Nhớ câu tâm-sự nhớ người ra đi.

CHỦ-QUÁN (giọng hốt hoảng)

Ồ này, trông. Cao ân sĩ ! Ô kìa !

Mây tam ngả đen rằm, phai ánh nguyệt,

Gió ào nổi trên sông, và sóng thét,

Vẳng nghe như sắt tiếng vàng chen,

Vẳng nghe như vó ngựa đập vang rền

Trời đất hồi ! Sương sa mờ khắp nẻo...

Ta vào thôi ! (vào trong quán)

CAO-TIỆM-LY (còn một mình trên Bến Sông)

Thực rồi chẳng gió réo ?

Và sóng tung cuộn-cuộn mặt sông dài ?

Vẳng nghe đâu từ thăm thẳm tuyên-đài

Tiếng gươm thét trong tay người kiếm-sĩ...

Ôi sóng gió chợt mờ-mạng sắt-khí.

Lòng ta nghe sóng Dịch đã sâu lên.

Kinh-Kha hiền đệ !

Trong cõi u-huyền,

Thấu cho lòng kẻ

Muôn đời không quên.

Sáo ly-đỉnh ngơ ngẩn chốn giang biên,

Nhịp trúc gõ, một mình ta với bóng,

Hồn ai có đi về trên khói sóng

Và giờ đây thông cảm với hồn ta,

Thì lắng nghe mấy lời ca

Gửi vào giấc mộng nhả ra cuộc đời.

Tiếng vang chợt nổi lên từ đáy sông, và dần dần mỗi phút một cao, rộng toả khắp :

Nghìn xưa khói sóng hận chưa vơi,

Xót kẻ thi gan với chữ « Thời ».

Nghìn sau khói lửa tới bời

Sông nào Dịch-Thủy ai người Kinh-Kha ?

MÀN HẠ

VŨ HOÀNG CHƯƠNG



BÁN = PHỐ LẦU STUDIO

GIÁ RẺ

TRẢ TIỀN = MỘT LẦN CHÌA KỲ

DO HỒI NƠI

THE FIVE OCEANS COMPANY TẠI CHỢ AN-ĐÔNG, CHOLON



Téléphone : 982

XUÂN CẦN LAO

Một bức thư xuân của các bạn cần lao miền Bắc, viết giữa một mùa Xuân tự-do cuối cùng tại thủ-đô Quốc-gia Bắc-Việt (Hải-phòng) thân mến gửi các bạn cần-lao miền Nam.

Tặng phẩm Nguyễn-Đán của THẠCH-KÊ

ANH bạn cần lao miền Nam ơi!

Trước khi muốn gói ghém tất cả một mùa xuân cần lao tự-do cuối cùng tại thủ-đô tam thời của quốc-gia miền Bắc để làm một món quà Tết gửi tặng bạn, tôi nghĩ mãi rồi, có lẽ, không thể không nói ngay về bạn hiền hai chữ miền Bắc, miền Nam (xin lỗi nhé) ở đây không có ý phân chia ranh giới như những kẻ lạc-hậu, quen nặng đầu óc địa-phương đâu. Tôi phải dùng hai chữ Bắc-Nam để trên bức thư này, thiện ý của tôi chỉ muốn nhắc lại để nhớ, như người ta nhớ một kỷ-niệm êm đềm, đẹp nhất của đời mình, quý báu nhất của đời mình sắp sửa rơi mất, tan vỡ mất ngay trước mắt, mình biết, mà (hình như) không làm thế nào để cứu vãn nổi — À, như thế, tôi nhắc lại luôn luôn trong thư với bạn để cố gò bó một cái gì, một miền Bắc thơ mộng, một miền Bắc triu mến và một miền Bắc đầy hoa xuân nay mai sẽ tạm xa chúng ta thế thôi.

Bạn hiền cho như thế và, cũng chỉ có ý định như thế, tôi mới viết cho bạn bức thư này và đọc bức thư này, nếu bạn không thấy có gì lạ cũng đừng nên thất vọng, vì tôi làm thế nào và cũng có muốn đâu, đem những cái lạ, cái mới từ Bắc vô Nam hoặc từ miền này qua miền khác, ở đây, xin nhắc lại một lần nữa, tôi chỉ muốn gói ghém tất cả một mùa xuân cần lao tự do cuối cùng tại thủ-đô quốc-gia Bắc-Việt để làm một món quà Tết gửi tặng các bạn, các bạn cần lao hiện đang náo nức, vui vẻ đón Xuân hoặc đang lạnh nhạt, ưu tư nhớ một ngày Tết đã qua ở một nơi quê hương... nào đó.

Vậy thì, bức thư này tới cái đầu đề Xuân Cần lao là tôi có ý định muốn nó phải qua tay tất cả các bạn cần lao miền Nam, các bạn cần lao miền Bắc hoặc miền Trung vẫn sinh cơ lập nghiệp tại miền Nam và tất cả các bạn cần lao miền Bắc vừa mới di-cư, tản-cư vào Nam, các bạn vừa vượt qua hàng ngàn cây số, nguy hiểm, rời bỏ nơi chôn rau cắt rốn để lánh ẩn cái nạn Vô Sản độc-tài, đi tìm tự do con người và công bằng xã hội.

Các bạn cho phép tôi được dùng chung với các bạn, được xưng hô với tất cả các bạn vừa kể trên đây trong một câu gọi thân mến anh bạn cần-lao miền Nam. Phải đấy, gọi chung một câu thế, tiện hơn vì, chả còn mấy ngày nữa đâu, chúng tôi, toàn thể các bạn cần-lao miền Bắc, đang sửa soạn đi tị nạn, chỉ qua cái Tết này, cái Tết Nguyễn-Đán tự-do cuối cùng xong xuôi là cả một miền Bắc sẽ rơi vào cái ách nô-lệ của Cộng-Sản rồi còn gì?

Cho nên, ngay lúc này, tôi muốn đem cả một mùa Xuân miền Bắc vô Nam để ghi cho mình một kỷ-niệm và để làm quà cho các bạn cần lao đang đau buồn ngaoảnh về phương Bắc mừng trọng một đêm trừ-tịch, một ngày Tết Nguyễn-Đán, một khi hậu mùa Xuân lạnh lạnh, âm ỉm, hồn hậu bao nhiêu,

tươi sáng bao nhiêu mà chỉ ở đây, miền Bắc này mới có cái phong vị đó thôi.

Mở đầu với những giòng, có lẽ, đã gần đầy đủ ý nghĩa rồi đấy, bây giờ, tôi vào đề:

Anh bạn cần lao miền Nam ơi!

Mùa Xuân này, trong anh có vui hơn mọi năm không? Hẳn là vui lắm chứ, vì, hiện tại, hàng chục vạn các bạn Trung Bắc đã vào và còn đang ùn ùn kéo vào để cùng với các bạn gom sức góp tài, bắt tay xây dựng một mùa Xuân mới, một mùa Xuân dân tộc đang trôi dạt dưới sắc cờ chính nghĩa quốc gia tự-do với một chính thể dân chủ thực sự để mở đầu cho một mùa Xuân thống nhất nay mai.

Lòng mở lòng, tay nắm tay trong chiến đấu để bảo vệ cơm áo hòa bình cho tương-lai đời sống cần lao, các bạn có cái vinh-dự là những người chịu sự mệnh đầu tiên thất chặt tinh thần đoàn kết cần lao Trung Nam Bắc, giờ này đây, chắc chắn các bạn đang vui vẻ đón Xuân với một nhiệm vụ cao cả ấy, có biết không, chúng tôi, những người cần lao miền Bắc đang bám chặt lấy những mảnh đất tự-do cuối cùng của quốc gia, từng bước, từng bước một, để chiến đấu bảo vệ gia-đình các tầng lớp công nhân, chống nạn thất-nghiệp do những chế-độ áp bức bóc lột từ muôn phương đang lan tràn tới?

Hàng ngàn gia-đình công-nhân ở khắp các nơi, Hà-nội, Hải-phòng, suốt vùng miền mỏ Hongay, Cẩm-Phả đang bị nạn thất nghiệp đe dọa, phải làm thế nào để tìm một giải pháp thích đáng cho vấn-đề này, thứ nhất là ngày Tết đến, mùa Xuân về đem cả bao nhiêu những đau khổ về theo.

Các bạn đã thừa hiểu mùa Xuân miền Bắc, rét mướt lắm, những người cần lao chúng mình lại càng rét mướt lắm nữa. Rét buốt cả tay chân, rét run lên cầm cập, rét như cắt da thịt, rét không thể làm nổi công việc gì, nếu trong người thiếu những cặp áo « chống lạnh » — ấy thế mà, giữa mùa lạnh, người cần lao đất Bắc, chẳng những đang thiếu áo mặc mà còn thiếu cả cơm ăn, vì nạn thất nghiệp do sự biến chuyển thời cuộc đã gây nên, đem lại đói rét cho một số đông gia-đình các bạn cần lao trong dịp Tết Nguyễn-Đán. Mùa Xuân tới, với những người dư tiền lắm bạc, quần áo ấm, trên chân dưới đệm, ngồi công xa, ngự nhà lầu thì Xuân về lại là một cái thú vô biên...

Gió đông lạnh lạnh thổi, mưa bụi phơi phơi bay, trong các trà đình tửu quán, vương tôn công tử, mệnh phụ phu nhân, với những hàng nhung lụa đắt tiền, ngồi bên

những châu cù, những cảnh đào hàm tiếu, uống rượu, uống trà thưởng Xuân để quên cái sầu phân chia đất nước, người ta không biết gì đến những cảnh đói rét, bần lây nước đọng ở các xóm cần lao tăm tối, trong những gia-đình thợ thuyền thất nghiệp hoặc những nông dân ở các miền đồng ruộng xa xôi vừa lia bỏ lũy tre xanh, trốn tới miền quốc-gia để tìm tự-do, bác-ái... Ngày Tết đến, thiếu thốn đủ mọi thứ cần dùng cho đời sống hàng ngày, người cần lao ăn một cái Tết cần lao xa quê cha đất tổ với tất cả mọi đau buồn vì hy-sinh tranh-dấu cho chính-nghĩa quốc-gia, chống lại những xiềng-sích nô-lệ của bọn Vô-sản độc tài, lúc này đây, không có Tết, không có Xuân vì không có công ăn việc làm, hơn nữa, đang bị cái nạn đói rét đe dọa, cái không-khi mùa Xuân trong gia-đình cần lao, nó mới lạnh lẽo làm sao, nó mới lo sợ làm sao; ấy thế mà người ta (những người ngự công xa, ở nhà lầu, có lò sưởi điện) đã như không biết gì đến những cảnh đau buồn trong những ngày Xuân thắm của cần lao. Thế mới biết, chỉ cần lao mới thương người cần lao, chỉ thất nghiệp mới lo cho những cảnh thất nghiệp, chứ thiên hạ, cái thiên hạ giàu sang có bao giờ biết đến, thương đến những bọn thợ thuyền nông dân không công việc làm, không ruộng đất cày cấy và không cả áo cơm...

Nhưng, anh bạn cần lao miền Nam ơi!

Một mùa Xuân cần lao, một đóa hoa Xuân cần-lao đang nở giữa chúng tôi, những người cần-lao miền Bắc lúc này, đang tràn trề hy vọng vì một « Áo cơm cứu cánh » đã đến với chúng tôi, bạn có biết không, giữa lúc chúng tôi thất nghiệp, hàng ngàn gia-đình đã làm vào nạn túng thiếu thì, ở đây, ở thủ-đô tam thời của quốc-gia Bắc-Việt đã thành-lập một Ủy-ban bảo vệ công-nhân chống nạn thất nghiệp đấy. Chúng tôi không còn lo lắng gì nữa, chỉ cần nắm chặt bàn tay cương quyết chiến đấu, thành thực đoàn-kết để chống với mọi bất công xã hội, vì chỉ có khi nào chúng ta biết đứng trong một hàng ngũ chặt chẽ thì chúng ta mới đã phá hết được những cái gì áp bức bóc lột do bọn người tham lam vẫn đem đến cho chúng ta từ trước đến nay.

À, cũng nên nhắc lại để cho các bạn thêm phần tin tưởng: Ủy ban bảo vệ công nhân chống nạn thất nghiệp là do chính những bàn tay công nhân thuần túy đứng chủ trương.

Có phải thế không, anh bạn cần lao miền Nam, chúng ta sẽ vượt mọi thử thách gian nan để tiến tới thắng lợi, đem lại cho nhân loại một hòa bình vĩnh cửu, một xã hội công bằng và một mùa Xuân cần lao bất diệt...

Và, đợi chờ ở các anh một siết tay đoàn kết và chúc các anh một mùa Xuân chiến thắng.

THẠCH-KÊ

Món quà Tết của những ai yêu tiếng mẹ

VIỆT-NAM TỰ-ĐIỂN

(Việt-Nam Văn-Hóa Hiệp-Hội)

In khéo. Bìa cứng chữ vàng. Cực kỳ mỹ thuật.

Các hiệu sách lớn đều có bán.

Giá: 400 đ.

- Độc-giả nào cắt quảng-cáo này đem đến địa-chỉ dưới đây để mua Việt-Nam Tự-Điển sẽ được thưởng sách, đã in xong hay đang xuất bản, của Hồ-Hữu-Trương.
- Muốn mua nhiều để bán lại hỏi EAST, 45 đường Colonel Grimaud hoặc nơi Yiêm Yiêm Thư Trang, đại-lộ Kitchener, Saigon.

NGÓ LẠI CON ĐƯỜNG VĂN NGHỆ VIỆT-NAM

Sau khi hội-nghị Gio-neo đã chia nước Việt-Nam làm hai khu Nam, Bắc ngăn-cách bởi con sông Bến-Hải thì, cùng với hàng trăm ngàn đồng-bào thuộc đủ mọi tầng-lớp xã-hội, mọi tôn-giáo, ở thành-thị cũng như thôn-quê, một số đông văn-ngệ-sĩ Bắc-Việt đã vượt vĩ-tuyến 17 vào Nam.

Cứ tưởng như vậy là các văn-ngệ-sĩ « chọn tự-do » cũng đã chọn rồi một con đường cho văn-ngệ Việt-Nam.

Nhưng không, con đường đó, các văn-ngệ-sĩ nói trên vừa mới hội-hợp giữa thủ-đô Sài-gòn hoa-lệ để tìm.

Việc ấy chứng-tỏ rằng một con đường cho văn-ngệ Việt-Nam trong lúc này chẳng phải đã tự nó hiển-hiện trước mắt mọi người và dấu sao, thì con đường ấy cũng rất là hệ-trọng đối với văn-ngệ Việt-Nam và đối với tiền-đồ dân-tộc mà văn-ngệ phải dự phần hướng-dẫn.

Trong khi chờ đợi kết-quả sự tìm-tòi của các bạn văn-ngệ-sĩ hữu-danh, kẻ viết ít giọng này, tất nhiên, chẳng dám tự-phu một mình đề-nghị một con đường cho văn-ngệ. Chúng tôi chỉ nghĩ rằng muốn biết con đường nên theo từ giờ phút hiện tại, có lẽ cũng cần nhận-dịnh địa-diểm đang đứng và ngó lại thông-suốt con đường đã qua.

Vì thế cho nên, trong ít giọng dưới đây, chúng tôi dám xin mời các bạn đọc cùng chúng tôi nhìn lại con đường mà văn-ngệ Việt-Nam đã theo qua các thời-dại.

Những cuộc biến-thiên lịch-sử đã ảnh-hưởng nhiều đến đường-lối của văn-ngệ Việt-Nam. Chúng ta sẽ lần theo đường lối đó qua thời độc-lập sau Bắc-thuộc, qua thời Pháp-thuộc và từ 1945 đến nay.

I. — Đường-lối văn-ngệ Việt-Nam trong thời độc-lập sau Bắc-thuộc

Sau một ngàn năm bị Trung-hoa đô-hộ với chính-sách đồng-hóa, lẽ tất nhiên, người Việt-Nam phải đã chịu rất nhiều ảnh-hưởng của văn-hóa Trung-hoa.

Đồng thời với một tổ-chức xã-hội và chính-trị, người Trung-hoa đã mang sang nước ta cả cái ý-thức-hệ linh-hồn của tổ-chức xã-hội và chính-trị đó : cái ý-thức-hệ không-giáo.

Sau khi dân ta đã rũ được ách đô-hộ của người Tần, một điều như trái-ngược đã xảy ra : cái ý-thức-hệ không-giáo, mặc dầu những kẻ đem nó lại đã đi rồi, lại càng ngày càng thấm-nhuần cuộc sống của dân-tộc Việt-Nam : sau một thời-kỳ giữ thể quân-bình với đạo Phật dưới các triều Lý, Trần, Nho-giáo đã chiếm ru-thể rồi gần như địa-vị độc-tôn dưới các triều Lê, Nguyễn.

Do sự-kiện trên đây, văn-ngệ, một biểu-hiện của sinh-hoạt dân-tộc, tất cũng phải nhiều ảnh-hưởng của Nho-giáo. Xét thực-tế, ta có thể nói rằng giáo-lý Khổng-Mạnh đã vạch đường-lối cho văn-ngệ Việt-Nam, hơn thế, đã là đường-lối của văn-ngệ Việt-Nam trong suốt 1.000 năm độc-lập sau Bắc-thuộc.

Trước hết, về văn-học, không một tác-phẩm đáng nói tới nào dám chủ-trương trái với các giáo-điều « trung, hiếu, tiết, nghĩa », « nhân, nghĩa, lễ, trí, tín » của đạo Khổng.

Các nguyên-tắc đạo-đức trên đây được coi như giường-cột của xã-hội đương-thời.

Có những tác-phẩm nhằm chủ-dịch rõ-rệt răn-dạy người đời.

Thuộc loại này, có những cuốn « luân-lý điển-ca » như « Gia-huấn ca » của Nguyễn Trãi, « Nhị-thập-tứ hiếu điển âm » của Lý Văn Phức, « Luân-ngữ điển ca », « Thập điều điển ca » của vua Dục-tôn v.v...

Ngoài các cuốn luân-lý điển ca, có những cuốn « luân-lý tiểu-thuyết ». Ta có thể kể làm thí-dụ hai tác-phẩm sau đây :

- Lục vân Tiên của Nguyễn đình Chiểu.
- Nhị độ mai (không rõ tác-giả).

Cuốn Lục vân Tiên nhằm dạy người ta đạo làm người — Tác-giả mở đầu cuốn truyện bằng mấy câu sau đây :

«... Ai ôi ! lằng-lặng mà nghe :
« Dữ răn việc trước, lành dè thân sau.
« Trai thời trung, hiếu làm đầu,
« Gái thời tiết-hạnh là câu sửa mình ».

Cuốn « Nhị độ mai » cũng khuyên người ta giữ trọn trung hiếu, tiết, nghĩa. Cốt truyện nhằm mục-dịch tỏ rõ « chân-lý » này : những người trung, chính, dù có nhất thời gặp hoạn-nạn rồi sau cũng được sung-sướng, về-vang ; những kẻ gian-ác, dù có nhất thời đắc chí, rồi cuộc cũng phải tội-va, khổ-sở.

Ngoài những tác-phẩm có chủ-dịch răn dạy người đời, có những tác-phẩm không nhằm mục-dịch ấy nhưng cũng không dám chủ-trương điều gì vượt ra ngoài vòng lễ-giáo. Nếu vì hoàn-cảnh éo-le, những vai chủ-yếu trong một cuốn truyện có những hành-vi như trái với lễ-giáo, thì tác-giả lại vội-vàng biện-bach hộ ngay. Ta có thể kể làm thí-dụ truyện Kim-Vân-Kiều : các vai chính trong truyện vẫn hành-động nhiều ít theo đường-lối không-giáo. Nàng Kiều đã bán mình vì chữ hiếu, khuyên Từ-Hải hàng để làm điều nhân. Đối với Kim-Trọng, tuy Kiều đã tự ý tình-tự với, song vẫn quyết giữ trinh-tiết trước khi thành vợ, thành chồng và vẫn dành quyền quyết-định việc hôn-phối cho cha mẹ :

« Thôi nhà băng tuyết, chắt hăng phỉ phong,
« Dù khi là thắm, chỉ hồng,
« Nền chảng thì cũng tại lòng mẹ cha ».

Vì hoàn-cảnh bắt-buộc, không giữ được cho Kim-Trọng cái trinh-tiết của thể-sắc mình, Kiều muốn lấy cái trinh-tiết của tâm-hồn để thay-thế nên khi tái hợp, sau 15 năm luân-lạc, Kiều khăng-khăng xin lấy tình bẽ-ban thay tình vợ-chồng.

Một quyển truyện giàu luân-lý như vậy mà đã bị các cụ ta xưa coi là dâm-thu. Ấy chỉ vì có chỗ tả Thúy-Kiều tắm, chỗ kể Thúy-Kiều tình-tự với người yêu, chỗ tả đêm động-phòng giữa Kiều và Mã Giám Sinh. Dư-luận các bậc tri-thức ngày xưa thật là nghiêm-ngã về phương-diện đạo-đức vậy.

Cả nền văn-chương của ta trong thời độc lập trước Pháp-thuộc đã được cấu-tạo như vậy dưới dấu-hiệu luân-lý Khổng-Mạnh. Những tác-phẩm mang ảnh-hưởng của những hệ-thống tư-tưởng khác như Phật-giáo, Đạo-giáo, rất hiếm. Đại khái chỉ có « Cung oán ngâm khúc » của Nguyễn-Gia-Thiều mà đoạn tả cuộc đời như « bề khổ » « bến mê » tố-cáo

VIÊN PHONG

ảnh-hưởng của Phật-giáo, những bài thơ vịnh cảnh nhân-tân của Nguyễn-bình-Khiêm, Nguyễn-công-Trứ nhuộm màu-sắc tư-tưởng Đạo-giáo v.v...

Trên đây là nói về văn-học.

Nghệ-thuật cũng chịu nhiều ảnh-hưởng của giáo-lý Khổng-Mạnh.

Về kiến-trúc, vì phải trọng trật-tự tôn ti trong xã-hội nên nhà thường-dân ở không được làm to, không được dựng theo kiểu chữ « môn », chữ « công ». Vị-tri các gian trong nhà cũng do lễ-giáo ấn-định : gian đặt bàn thờ tổ-tiên phải ở giữa, chỗ ở của đàn ông, đàn bà ngăn-cách. Có lẽ cũng chính luân-lý Khổng-Mạnh đã là nguyên-nhân câu tục-ngữ « sường ca vô loại » nó đã ngăn-cản sự tiến-triển của các ngành hát tuồng, hát chèo tuy các bản tuồng, bản chèo thường vẫn ngụ ý răn dạy người đời.

Như ta thấy, Khổng-giáo quả đã chi-phối mạnh-mẽ đời sống tinh-thần của dân Việt và Khổng-giáo đã là đường-lối của văn-ngệ Việt-nam trong thời độc-lập sau Bắc-thuộc.

II. — Đường-lối văn-ngệ Việt-Nam trong thời Pháp-thuộc

Dân-tộc ta đương sống dưới uy-quyền Khổng-Mạnh thì ngọn sóng xâm-lãng của Tây-phương tràn tới.

Sau khi dân ta đã rơi vào vòng Pháp-thuộc thì, trên đất nước Việt-nam, văn-hóa Pháp nổi riêng, văn-hóa Tây-phương nổi chung, tranh-giành ảnh-hưởng với văn-hóa Đông-phương cổ-truyền.

Theo lệ thường khi một trào-lưu tư-tưởng ngoại-lai xâm-nập một dân-tộc, trước nền văn-hóa mà người Pháp mang lại, người ta nhận thấy ba khuynh-hướng trong dân-tộc Việt-Nam : một khuynh-hướng thủ-cự, một khuynh-hướng dung-hòa và một khuynh-hướng duy-tàn triệt-đề.

Thoạt đầu, mặc dầu nước đã mất về tay người Pháp, các bậc nho-sĩ của ta vẫn rất tự-đắc về nền văn-hóa Đông-phương — nếu không muốn nói hẳn Trung-Hoa — mà mình đã hấp-thụ được.

Theo các bậc đó thì Hán-học với giáo-lý Khổng-Mạnh vẫn là cái học có giá-trị nhất, bổ-ích nhất cho người Việt. Vì vậy mà, theo chính ý muốn của các bậc đó, mặc dầu cuộc bảo-hộ của Pháp thiết-lập từ năm 1884, nền giáo-duc cũ, có cải-cách chút ít, vẫn được phép tồn-tại cho mãi đến 1915 tại Bắc-Việt và 1918 tại Trung-Việt. Từ hai năm vừa nói, nền giáo-duc cổ-truyền mới nhường chỗ cho một nền giáo-duc mới Pháp-Việt không lấy Hán-học với đạo Khổng-Mạnh làm căn-bản nữa. Sở-dĩ có sự thay-đổi đó là vì ngay từ khi nền giáo-duc cũ còn tồn-tại, phái thủ-cự còn thắng-thể, đã xuất-hiện, vào những năm đầu thế-kỷ hai mươi, một phong-trào duy-tàn do một nhóm nhà nho tân-tiến chủ-trương : nhóm Đông-kinh nghĩa-thục — Nghĩa-thục Đông-kinh không bỏ chữ Hán nhưng dạy thêm cả chữ Pháp và chú-trọng nhiều đến Việt-ngữ để phổ-thông các môn sử-ký, địa-dư, khoa-học, công-nghệ v.v... Nghĩa-thục lại tổ-chức đều-đều những buổi diễn-thuyết bằng tiếng Việt về mọi vấn-đề văn-hóa, giáo-duc, khoa-học...

Sau mấy năm hoạt-động, nhóm Đông-kinh nghĩa-thục bị người Pháp giải-tán. Nhưng sau nó, con đường dung-hòa Âu-Á mà nó đã mở đã được khai thông mở rộng hơn do một số trí-thức gồm cả tân lẫn cựu, tập-hợp xung-quanh Nguyễn văn Vĩnh và Phạm Quỳnh.

(Xem tiếp trang 28)



HEMINGWAY, GIẢI THƯỞNG VĂN-CHƯƠNG NOBEL 1954

VÀO cuối tháng 10 năm nay, một tin từ Stockholm cho hay rằng Hemingway, một tiểu-thuyết gia trẻ danh người Hoa-Kỳ, đoạt được giải thưởng Nobel với lời khen như sau: « Ernest Hemingway, nhà văn-hào có sức sáng tác mạnh mẽ, đã tạo ra một bút-pháp tân-kỹ trong văn-học hiện đại. Mới đây, điều đó được chứng tỏ một lần nữa trong cuốn: « Ông già và bẽ cá » (The old man and the sea).

Hàn-lâm-viện Thụy-Điền nhấn mạnh lối kể chuyện tài tình của tác-giả, nhưng chúng ta không quên rằng họ đã căn cứ vào một nguyên-tắc bất di dịch là lựa chọn « nhà văn có công nhất trong những cố gắng để các dân-tộc hiểu nhau hơn và nêu ra một thí dụ luân-lý và triết-lý có giá-trị đối với tất cả mọi người ». Ở đây chúng tôi chỉ muốn cùng bạn đọc tìm hiểu cái gì quý giá mà Hemingway đã đem lại cho gia-tài văn-chương và nghệ-thuật của nhân loại.

Trong số những nhà tiểu-thuyết trẻ danh Âu Mỹ hiện đại, chúng ta nhận thấy một phần lớn dùng đời sống tư của mình làm tài-liệu cho tác-phẩm của họ như Bernanos, Franz Kafka, James Joyce, Graham Greene. Trong hàng những nhà văn-sĩ đó, chúng ta đặc biệt chú ý đến André Malraux, Saint-Exupéry và Ernest Hemingway: những tác-phẩm của họ thật là phản ánh của đời sống của họ.

Ý nghĩa tất cả tiểu-thuyết của Hemingway có thể tóm tắt trong mấy chữ: « sống nguy hiểm ». Hemingway đã tự ý lựa chọn cho mình một con đường đầy gian lao hiểm trở. Ông là một nhà thiện xạ say mê săn bắn trong rừng hoang Phi-Châu, thích nghệ thuật đấu bò ở Y-pha-Nho, và đã nhiều lần chiến đấu trong hàng ngũ những bộ đội dân-chủ trên những chiến địa lấy lưng. Hemingway viết cuốn: « Vinh biệt chiến tranh » (A farewell to arms) với kỷ niệm của những ngày sống với quân đội Ý-dại-lợi trong cuộc thế giới chiến tranh thứ nhất. « Hồi chuông cáo phó đánh cho ai » (For whom the bell tolls) kể lại kinh-nghiệm của tác-giả lúc ông ta tình nguyện giúp Y-pha-nho dân-chủ chống với Phát-xít Franco. « Ông già và bẽ cá » thuật lại những cuộc đánh cá hiểm nghèo trên Đại-tây-dương. Hemingway còn là một phi-công thám hiểm trong thế giới chiến-tranh thứ hai và đã nhiều lần tiếp xúc với quân du-kích Pháp. Cách đây một năm ông hai lần bị trọng thương vì tai nạn phi-cơ và chính ông đã đọc trong các báo tin ông chết.

Tiểu-thuyết của Hemingway tiến triển từ chỗ phô trương sức mạnh cá-nhân đến tinh-thần phụng-sự một lý-tưởng rộng rãi cao cả. « Trong thời đại này » (In our time), « Đàn ông không có đàn bà » (Men without women), « Những người không chiến bại » (The undefeated), « Những tay sát nhân » (The killers) ca ngợi cá-nhân với những hành-vi ích-kỹ và bạo-động, không có mục-dịch gì

khác là khoe khoang một thứ nghị-lực vật chất, trong những cảnh dẫy máu và nhục dục, trong những nhân-vật thường dùng rượu, bắp thịt và dao găm. Hemingway hồi đó được người ta tặng cho danh-từ « người dục » (he-man).

Nhưng với cuốn « Mặt trời cũng mọc (The sun also rises, 1926), tác-giả bắt đầu nổi tiếng vì những nhân vật của ông tiêu biểu một thế-hệ bị hy-sinh. Ông tả một hạng người phải sống xa tổ-quốc, lưu trú tại Ba-lê, chỉ lấy rượu và đàn bà làm thú vui. Họ là những nạn nhân của chiến-tranh. Vinh biệt chiến-tranh (A farewell to arms, 1929) là một trong những tiểu-thuyết có giá trị nhất của Hemingway, đại ý nói rằng chiến-tranh là cực kỳ thảm khốc và không có nghĩa lý gì. Một cặp tình nhân, Frederic Henry và Catherine Barkley, một sĩ quan Mỹ và một nữ khân-hộ Anh gặp nhau trong một bệnh-viện Ý. Cuộc tình duyên kết liễu bằng cái chết của Catherine lúc sinh con. Diễn tả một quan-niệm bi quan, tiểu-thuyết này có nhiều đoạn văn rất mạnh có sức xúc cảm lạ thường lúc tả quân Ý bại trận. Trước cảnh tan vỡ của mộng đẹp và lý-tưởng cao siêu, chỉ có một việc có thể làm và đáng làm là thực hiện nhân cách riêng của mình.

Với cuốn « Hồi chuông cáo phó đánh cho ai » (For whom the bell tolls, 1940), Hemingway đã thành một trong những văn-hào tiếng tăm nhất thế giới. Cũng như Dos Passos ở Mỹ và Malraux, Sartre ở Pháp, Hemingway chịu ảnh hưởng sâu xa của chiến-tranh Y-pha-nho thời đó. Trong tiểu-thuyết này ông đã thực hiện được thể quân-bình trong tâm-hồn và trong văn-chương, ông đã viết được cuốn truyện mà ông đã dày công tìm kiếm từ lâu, thiên-lai của tác-giả được hoàn toàn nảy nở. Nhan đề mượn trong mấy câu thơ của John Donne, một thi-sĩ Anh trong thế-kỷ thứ 16: « Cái chết của bất cứ người nào cũng làm cho tôi kém sút đi vì tôi là một phần tử của nhân-loại. Vậy anh đừng hỏi tôi hồi chuông cáo phó đánh cho ai: chính là đánh cho anh vậy! » (hàng Robert Jordan, nhân vật chính, là một người Hoa-kỳ giúp đảng Cộng-Hòa Y-pha-Nho đánh Phát-xít. Chẳng lãnh sự mạng dục mìn để phá một cái cầu mà quân của Franco thương dùng để chở đạn dược và binh lính. Chẳng yêu một nữ đồng-chí là Maria, nhưng hai người đồng hy-sinh ái-tình để phụng-sự chính-nghĩa. Jordan dự mìn rồi bị tử thương, nhưng trước khi nhắm mắt, chàng báo Maria phải đi theo quân-đội, phải chết cho Cộng-Hòa chứ không chết cho ái-tình.

Trên thực-tế thì Jordan chết một cách vô ích vì lúc phá cầu chàng biết trước rằng quân Phát-xít sẽ thắng. Chàng chết vì lý-tưởng tự-do, vì tình liên đới nhân loại. Ở đây chúng ta thấy sự tổng hợp những khuynh-hướng cá-nhân và tinh thần xã-hội. Cái chết của Jordan là một hành-vi anh-hùng mà chàng đã tự-do lựa chọn để xây dựng tương lai của đồng loại. Chàng đã « tự thực hiện » một cách đầy đủ hơn Frederic Henry trong Vinh biệt chiến-tranh và hưởng được một thỏa mãn thuần túy và cao quý hơn.

Tiểu-thuyết cuối cùng của Hemingway là Ông già và bẽ cá (The old man and the sea, 1952). Cuốn này được Hàn-lâm-Viện Thụy-Điền đặc biệt chú ý và có lẽ là kiệt-tác của ông. Ở đây tất cả giá-trị con người và thiên tài nghệ-sĩ của Hemingway hoàn toàn ăn khớp với nhau, trong một tiểu-thuyết nhẹ nhàng, gọn ghẽ với một sức cảm-thông mạnh mẽ và một nghệ-thuật cô-diễn, tả tâm-lý và hành-vi một cách vừa rất khôn khéo vừa rất đơn giản.

Ba nhân vật của truyện này là ông lão đánh cá tên là Santiago, một đứa bé và Thái-bình-dương. Sau nhiều ngày rủi ro không đánh được con cá nào, Santiago vẫn không nản chí. Một hôm, vào lúc đêm khuya, một con kiếm-ngư lớn cắn vào lưỡi câu của ông già và kéo chiếc thuyền con đi trong mấy ngày đêm. Santiago góp hết tàn lực để chiến đấu với con cá khổng lồ, cố sức nắm chặt cần câu và nói hoặc rút bớt giây, tùy theo sức vẫy vùng của con kiếm-ngư. Tuy ông lão hết sức nhọc mệt và ở trong một tình thế rất nguy hiểm, ông chẳng có chút thù ghét gì đối với con cá có thể đưa ông đến chỗ chết. Ông ta lẩm bầm nói một mình: « Con cá này cũng là bạn của ta. Ta chưa khi nào thấy hay nghe nói đến một con cá như thế này. Nhưng ta phải giết nó... » Và ông thương hại cho con vật không có gì ăn, nhưng lòng thương hại không khi nào lung lay ý chí ông ta phải giết nó. Sau cùng thừa lúc con kiếm-ngư lao mình trên mặt nước, Santiago phóng chiếc độc móc, giết được cá. Bây giờ đến phiên chiếc thuyền phải kéo cá về bến. Giữa đường Santiago còn phải chiến đấu với vô số cá mập bắt mùi bơi lại ăn. Ban đầu ông nỗ lực đâm chết bốn năm con, nhưng sau đánh bó tay. Ông nhận thấy chiếc thuyền đi lạnh dần và lúc về đến bến thì con kiếm-ngư của ông ta chỉ còn là một bộ xương không lồ.

Trong những đoạn tả cuộc chiến đấu giữa con kiếm-ngư hay những con cá mập, độc-giả có cảm tưởng đọc một thiên anh-hùng-ca. Đó là anh-hùng-ca của một người đánh cá già nua, làm nghề nghiệp mình, thi hành sứ mạng của mình đến phút cuối cùng. Bộ xương con kiếm-ngư chẳng được ích gì. Nhưng tâm-hồn ông già vui sướng vì ông đã làm đến cùng cái gì ông phải làm.

Chúng ta có thể nói rằng với cuốn Ông già và bẽ cá, Hemingway đã đạt đến trình-độ tối cao của nghệ-thuật, vì miêu tả được một mẫu đời tối tăm yên lặng nhưng có ý nghĩa sâu xa. Anh-hùng đây không phải là một chiến-sĩ hy-sinh cho quốc-gia xã-hội, nhưng chỉ là một người chài lưới, biết đem lại cho nghề nghiệp mình ánh sáng của một tâm hồn thò sơ nhưng tin tưởng vào giá-trị tối cao của con người và những giây liên lạc mật thiết giữa mọi người. Ông lão nói: « Tôi muốn tổ những gì một người có thể làm được, những gì một người có thể chịu đựng được ».

Mới đọc qua, tiểu-thuyết của Hemingway có thể cho ta một cảm giác bi quan: tác-phẩm nào cũng kết liễu bằng thất bại. Nhưng những quân-vật bất hủ của ông đều là những chứng cứ hùng biện của một nguồn lý-tưởng bất diệt, vượt trên những biên giới quốc-gia và dị đồng giữa các chủng tộc để kết hợp nhân loại trong một niềm hy-vọng chung.

BÙI-XUÂN-BÀO

HAY LÀ ÔNG GIÀ -DÁNH -DU-ỢC CON CÁ LỚN NHẤT THẾ-GIỚI

CÔ HÀNG XÉN CHỢ BẦU

(Tiếp theo trang 7)

Trước lúc chia tay cô hàng Xén không quên mượn một bài thơ cũ đọc tặng lại khách với giọng điệu ngậm ngùi:

Quân tri thiệp hữu phu
Tặng thiệp song minh-chu
Cầm-quân triển miên ý
Hệ lại hồng la nhu...

Họ đã bịn-rịn, đã dầm-đuối nhìn nhau trước lúc chia tay và hẹn ngày tái-ngộ vào lúc sáng xuân trước khi nàng bước chân về nhà chồng.

Mùa xuân năm ấy khách phải về xuôi thăm mẹ và ăn Tết ở quê nhà.

Lúc ngược dòng sông Lô lên đất cũ, giữa đường khách nghe tin qua mấy người khách-thương nói giọng kẻ Bàu, rằng: cô hàng Xén xinh đẹp đã bị trúng mìn chết thảm-thiết trong một buổi đi chợ sớm trên đoạn đường từ làng La đến chợ.

Khách chết lịm một bên người và đem đó dòng sông Lô đã đầy thêm nước mắt của người khách si tình...

SAU bảy năm luân-lưu trên rừng núi Việt-Bắc tôi trở về Hà-nội với một tâm hồn trống rỗng và một thể-xác mệt mỏi.

Kinh-thành cổ-kinh, hồ Gươm, tháp Rùa man-mác trong những buổi chớm lạnh tàn-thu không làm no lòng con người vừa đói phần xác lại vừa khát phần hồn.

Tôi bèn tìm lối ra miền mỗ kiếm cách sinh sống.

Vào một đêm trừ-tịch xa nhà và buồn nản, đứng một mình chịu đựng cái rét tê buốt của một ngày trọng đông, giữa khoảng thời-gian sắp giao hòa trên chiếc cầu đi về một xóm lạnh, tôi đã gặp người con gái ấy.

Người con gái chống nạng, lê chiếc chân gỗ rên xiết trên mặt đường trải nhựa nham-nhở.

Tiếng nạng buồng rôi nhẹ-nhẹ và đều đặn, buồn thảm như tiếng bước của thời-gian tiến dần đến đáy huyết hay tiếng va chạm khô lạnh của cái nắp ván thiên.

Tôi đã toan quay đi và nhắm mắt để hứng lấy âm-hưởng của đôi nạng rào-rao trên đá sỏi.

Nhưng rồi ánh sáng vàng quạch của ngọn đèn hiu-hắt cũng khiến tôi phải thấy mặt nàng, khi nàng bước ngang qua mặt tôi.

— Trời !

Tôi thốt kêu lên trong cuống họng. Âm-thanh vương đọng lại, rồi phào đi như một hơi thở nhẹ.

Người con gái chống nạng đầu tóc rối bù, khẽ ngảnh mặt lại.

Chào ôi! Không phải một bộ mặt người. Một bộ mặt kinh-tởm, méo xệch, chẳng chít vết sẹo.

Nhưng mà sao tôi vẫn nhận ra được đôi má lúm đồng tiền, đôi mắt dầm-đuối và đôi môi tha-thiết đợi chờ trên bộ mặt kinh-khủng ấy.

Ánh mắt người con gái khẽ sáng lên, đôi lông mày hơi nhu lại. Đôi nạng cầm đứng trên mặt đường.

Giây phút ấy! Phải, giây phút ấy, nếu tôi gọi đến tên nàng một lần và chỉ một lần thôi, thì...

Người con gái chống nạng lặng thinh, khẽ quay đi, có vẻ hơi bức tức như khi bị trẻ con chế riễu.

Đôi nạng lại mệt nhọc buồng xuống mặt đường, từng tiếng, từng tiếng...

Không hiểu sao lúc ấy tôi vừa muốn nhận, lại vừa không dám nhận ra nàng...

Rồi đứng lặng nhìn theo đôi vai gầy guộc của người con gái chống nạng dần khuất về phía xóm nghèo, chìm trong bóng tối của đêm cuối năm, như một cái bóng mờ đương đi xau vào đoạn cuối cuộc đời.

(Bài Trước 1954)

MẠC-THU

TẾT ÉP XUÂN GƯ'ÔNG

(Tiếp theo trang 11)

Đàn con 4 đứa đã ăn xong, vội dựng dĩa, và hò nhau đánh bài tam cúc.

Thấy chồng không ăn, chị Đại liền nâng bát và đưa lên trước mặt chồng nói giọng dịu dàng, êm ái:

— Cậu soi đi chứ. Ngày tết ta phải vui. Cậu uống rượu thế đã đủ rồi, cậu ăn cơm nhé. Để em soi.

Đại lắc đầu và bỗng nhiên anh nói oang oang:

— Sao thiên hạ họ lại ăn tết giữa oi bức như thế này. Thực là trái ngược...

Rồi gật gù cái đầu, anh nói tiếp:

— Nói đến tết là nói đến ẩm áp hay ren rét, đến cái gì nên thơ gần hoa cúc và thủy tiên, len dạ và rượu đào. Chứ oi bức như thế này mà ăn tết thì, thì...

Anh không nói hết câu vội lộp một ngụm rượu trắng, rượu đế.

Rồi thì oi bức trong lòng anh, oi bức xung quanh anh.

Vừa lúc ấy một con ruồi sa vào bát miến gà và cố ngoi ra miệng bát.

Vốn vẫn ghét ruồi từ thâm tâm, lại giận vì hoàn cảnh đã sui nên phải sống trực tiếp với ruồi, anh liền quăng chiếc bát đang ăn vào bát canh ruồi. Nước canh bắn tung tóe, và bát canh vỡ làm đôi. Tiếng bát vỡ làm cho lũ trẻ bỏ cuộc tam cúc chạy lại đứng nhìn cha chần chẫn.

Chị Đại liền thay mâm khác, thu dọn mảnh bát vỡ và vẫn dịu dàng chị nói với chồng:

— Tôi xin cậu, cậu chẳng nên nóng tính làm gì thêm mệt. Ngày tết, sợ lại dòng cả năm, mất thôi.

Đại liền cá khịa ngay với vợ:

— Tôi cũng xin bà. Bà muốn tôi cứ hiền lành nhu mì để mặc cho thiên hạ nó coi mình ra mán rợ phóng?

Chị Đại ôn tồn:

— Rồi thì chẳng trước thì sau họ sẽ cho chúng mình diện nước chứ.

Đại vẫn còn giận dữ:

— Ô! Những con rùa và những con rùa! Nhưng nếu hần là rùa thì đầu chậm nó cũng còn nhích bước. Đàng này, Đàng này...

Chị Đại liền cầm bát của chồng đang ăn và nhắc lại:

— Minh soi cơm nhé. Để em soi.

Rồi chị nói tiếp:

— Cậu ăn ít cơm rồi ăn dưa dỏ cho mát ruột.

Chị đã đứng dậy lấy dao, bở dưa. Những thỏi dưa dỏ tươi, mát, ừ nước ngọt có rất hạt đen nhánh đã được tách ra khỏi làn da xanh sẫm và đặt lên đĩa bên cạnh đĩa đường cát trắng ngà ngà.

Đại ăn dưa và thấy dễ chịu khoan khoái. Anh ăn luôn một hời. Tâm hồn anh bỗng trở nên êm dịu. Anh liền tưởng đến An-Tiêm trong truyện Quả dưa đỏ. An-Tiêm bị đẩy ra hoang đảo thì nay anh đi cư thì cũng thế. Song anh nghĩ có nên bắt chước An-Tiêm đóng khổ trước thiên nhiên không? Không! Vì đây là một bề người. Là đi dân, anh mặc quần áo chỉnh tề mà còn có đồng bào không hiểu rõ cảnh huống nào nùng của anh dễ ngạc nhiên thấy anh bỏ đi trong khi xứ Bắc đã được « độc-lập »! Nếu giờ đây anh lại đóng khổ nữa thì không rõ rồi thiên hạ họ sẽ hiểu lầm anh đến mực nào!

Thấy hòa-bình đã trở lại, lũ trẻ liền quay về với cuộc chơi bài. Và Đại đã trở nên dịu dàng, và bông lơn như mọi lúc:

— Này mình này! Giá mình biết làm thơ như Nàng Ba trong truyện thì có phải thú vị biết mấy không! Nhưng sao mình lại không là nữ sĩ?

Chị Đại chỉ mỉm cười không trả lời. Vì khi thấy chồng đã như cũ rồi, chị liền dừng dĩa thu dọn bát đĩa đem ra sân rửa. Nhà không có người ở, mọi công việc bếp núc, giặt ủi chị vẫn phải làm lấy cả. Nhưng chị đã không quên pha cho chồng cốc cà-phê thường lệ.

Ngồi một mình, Đại lại nghĩ lan man. Đó là bệnh của anh, cái bệnh suy nghĩ. Phin cà-phê đã đặt trước mặt. Những giọt nâu sẫm, thơm thơm, đặc biệt đã thì nhau rõ xuống cốc. Đại lặng lẽ rút điều thuốc lá thơm và bật lửa châm thuốc một cách rất máy móc. Anh lầm nhảm một mình:

— Ừ mà sao với thời tiết gượng gạo như thế này thiên hạ họ lại có thể cho ra được những số báo Tết, những số Xuân. Và lại có thằng viết được những truyện ngắn đăng số Tết?

TRIỀU-ĐÀU



TRỌM. — (hoàng) Đứng chuột dấy ông ạ.



HIỀU LÂM

THI-SI. — (Ngậm đi ngậm lại) Ta yêu xuân lắm xuân ơi!

CON SEN tên là Xuân. — Chết ông nói to thể bá nhà ta mà biết thì khổ cả!

THI-SI. — ! ! ! !

BỨC TRANH CON LỌN TẾT

(Tiếp theo trang 10)

NGUỒI dân quê Bắc-Việt quanh năm đầu tắt mặt tối, chân lấm tay bùn. Tháng này qua tháng khác, dầm mình trong bùn đất bần thủ. Từ quần áo cho đến mái gianh vách đất, toàn một màu xám buồn thảm. Cảnh sống đen tối đó làm cho dân quê chúng ta khao khát những màu tươi sáng, mỗi khi có dịp hội hè, giỗ tết là những ngày độc nhất được nghỉ ngơi chơi bời.

Cho nên chỉ trong những ngày hội đó mới thấy phất phới những bộ áo mớ ba xanh đỏ, những tà yếm cánh xen, những thắt lưng hoa lý, những chiếc yếm tím cổ xây, làm tươi rạng thêm những màu nâu cũ kỹ và buồn bã của đồng quê Bắc-Việt.

Bởi vậy sự dùng màu nguyên chất ở những bức tranh Tết rất hợp với nhân dân nơi quê hương của chúng ta vì chỉ có màu nguyên chất mới thích ứng với tâm hồn trong sạch và thuần phác của con người bình dân Việt-Nam và bộc lộ được những nỗi niềm khao khát một cuộc sống tươi sáng hơn đời sống hiện tại của họ.

Hơn nữa, kỹ thuật dùng màu của dân quê ta không phải là không có nghệ thuật. Người dân quê sống trực tiếp nhiều với Thiên nhiên nên năng khiếu hiểu biết về sự hòa hợp màu sắc của họ tự nhiên mà có. Về phương diện chuyên môn của Hội Họa, sự dùng màu nguyên chất đối với các Họa sĩ lại khó khăn hơn là cách hòa hợp những màu dịu nhạt. Vậy mà ở tranh Tết những hòa sắc gay gắt nhưng rất đúng luật — tưởng chừng như được nghiên cứu kỹ càng — như tím với vàng, xanh lục với cánh sen, đỏ da cam với màu thiên thanh luôn luôn được xếp cạnh nhau làm rộn ràng sao xuyên những con mắt yêu Màu Sắc.

Về phương diện **Bố Cục**, toàn thể bức tranh con Lợn được xếp đặt thật vững vàng. Tất cả các màu sắc quy tụ thành một khối bất nổi trên nền điệp trắng. Đó là lối bố cục đặc biệt Đông Phương mà chủ và khách được kết tụ làm một. Màu tím chính dùng làm nền Con Lợn Mẹ, chung quang xoay chuyển những màu xanh, vàng, đỏ, da cam, kéo đi kéo lại làm cho bức tranh cân đối chặt chẽ. Con Lợn Mẹ nằm quay một chiều, năm con xúm xít ở dưới chân đầu vào nhau, toàn thể trông tựa như một mâm ngũ quả có trái dưa xanh đặt lên trên và có những trái hồng, trái cam, nải chuối xếp dưới.

Lối bố cục theo luật đối chiếu này rất hợp với cái không khí trang nghiêm của những ngày năm mới mà mọi vật mọi sự đều được xếp đặt kỹ càng và giữ gìn thận trọng.

Trên đây chúng ta đã phân tích đại cương phần hình thức của bức tranh, về Đường Nét, về Hình Thề, về Màu Sắc, về Bố Cục. Chúng ta lại thử phân tích phần nội dung xem bức tranh Con Lợn Tết có giá trị gì?

TRANH Con Lợn là một họa phẩm sáng tác và phổ biến riêng trong dịp Tết Nguyên Đán, một cái Tết quan trọng bậc nhất của dân tộc ta. Người dân quê Việt-Nam, mỗi kỳ Xuân tới, lại tạm quên những nỗi nhọc nhằn cơ cực quanh năm, hướng về Tương Lai và xây dựng hy vọng. Bao nhiêu những khát vọng thầm kín ở trong lòng, tựa như những mầm non bị khô héo vì tiết đông giá lạnh của cuộc đời đầy ải, lại muốn chỗi dậy dưới nắng Xuân đầm ấm và vươn mình trong ánh sáng của Hoan Lạc, của Hạnh Phúc.

Nghệ Thuật Hội Họa Bình dân của ta là một tấm gương phản chiếu những nguyện vọng tha thiết đó. Bức tranh Con Lợn là một tiêu biểu rõ rệt và trung thành nhất.

Ngoài sự tươi thắm của màu sắc, nó bộc lộ rõ rệt cái không khí tung bừng hoan lạc của ngày Xuân hi vọng. Trong bức tranh con Lợn còn chứa đựng nhiều biểu hiệu tượng trưng một cách rất sâu sắc những ước nguyện của dân ta không kém gì những hình tượng khắc trên những bản đá của Nghệ Thuật Cổ Ai-Cập.

Xã-hội Việt-Nam, từ bao thế kỷ nay, vốn là một xã-hội nông nghiệp. Người dân quê của chúng ta đối với gia súc thân mật không kém đối với những người thân trong gia đình. Trong sự sống gần gũi với những con vật đó, người dân quê dần dần thông cảm với chúng như giữa người với người. Những kinh nghiệm súc

tích từ đời này qua đời khác được truyền khẩu hoặc ghi chép thành những bản sách kinh hoặc chuyển thành những lời ca về có vần điệu cho dễ nhớ, làm cho người dân quê Việt-Nam, nhất là người Họa sĩ bình dân, hiểu một cách cặn kẽ, thấu đáo, rành mạch con vật mà mình chọn làm đề tài. Sự hiểu biết thấu đáo đề tài mà mình định vẽ đó lại sâu sắc và công phu có phần hơn những nhà họa sĩ Trung-Quốc hoặc Nhật-Bản đã nghiên cứu hàng 15, 20 năm cái dáng của một cây trúc, một cảnh hoa lan, hoặc điệu bay của một con hạc.

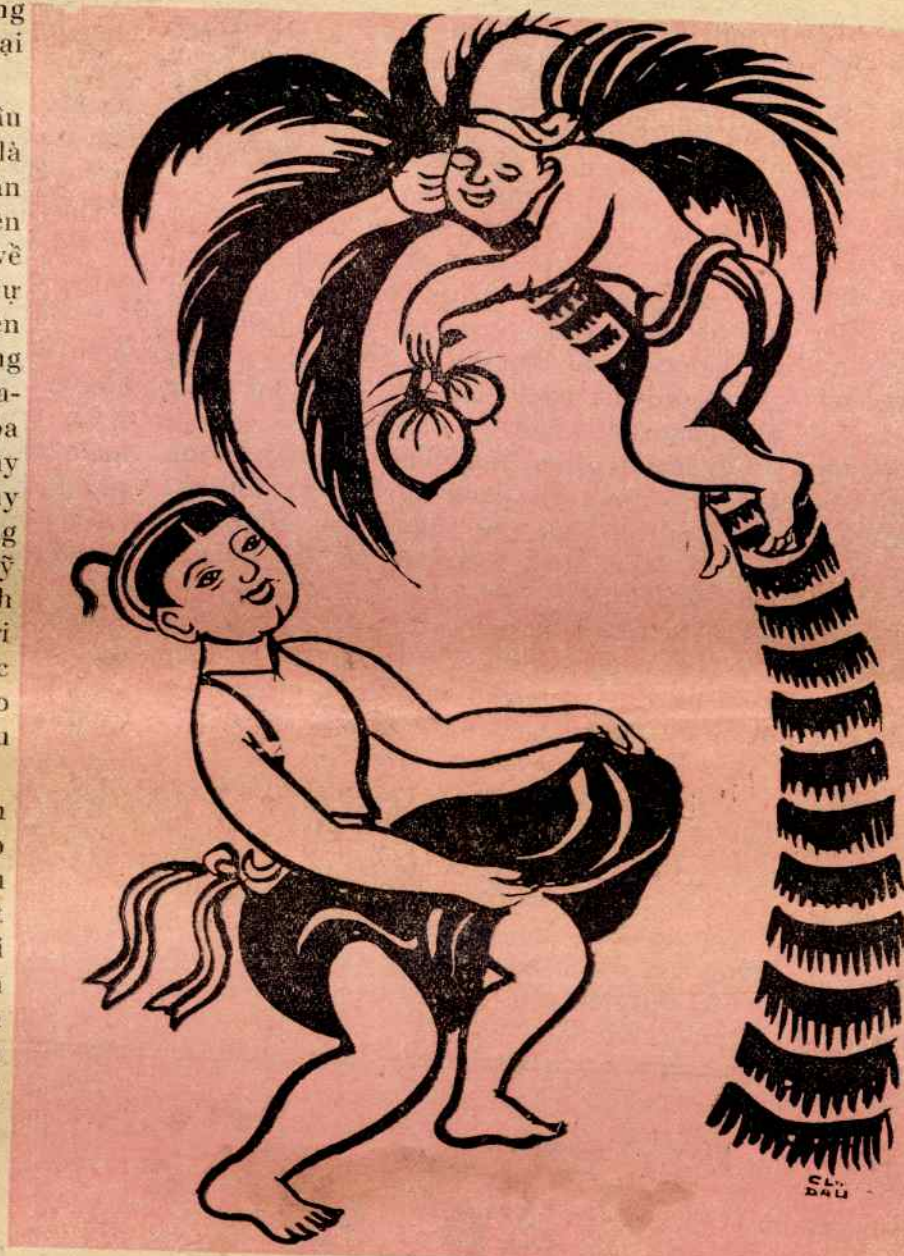
Chúng ta hãy lần lượt kể từng khoảng tượng hình trên bức tranh con Lợn để chứng minh những điều đó:

Trên sống lưng con lợn mẹ, có một mảng màu đỏ da cam nằm liền trên màu tím là nền thân con Lợn. Phần giới hai khoảng màu phân biệt mạnh bao rõ rệt làm cho ta chú ý đặc biệt. Đó là tượng trưng cái « dai ». Theo kinh nghiệm thì ở con Lợn nào mà trên lưng có một mảng lông mọc nghiêng theo chiều khác, đề ý nhận xét thì thấy mảng lông đó, dưới ánh sáng mặt trời hoặc đêm hơn hoặc nhạt hơn màu xám toàn thể, thì con Lợn đó là giống tốt, béo, khỏe và mạnh ăn. Người Họa sĩ bình dân không hề do dự trước sự đậm nhạt chút đỉnh của khoảng lông đó đối với toàn thể,

tò hẩn lên trên một màu da cam chói lọi làm cho con mắt của chúng ta bắt buộc phải trực tiếp nhận ngay thấy cái biểu hiệu lành mạnh đó của con Lợn Tết.

Bụng những con Lợn con tròn trĩnh, phệ hần xuống là cái trướng bụng « bị » của giống lợn phàm ăn chóng lớn. Nhất là cái dáng điệu của đàn Lợn con châu đầu vào nhau ngấu nghiến những mầm non của ngành rau mơn mẫm, và Lợn mẹ thì chúc đầu vào cái máng cám đầy vàng hoe, lại thêm ở cuối mồm lợn, một hai nét vòng lại tựa những nét cười vui, làm cho ta cũng cảm thấy vui lây trước cảnh no đủ sung túc của gia đình Lợn.

Trên mình Con Lợn mẹ, cũng như trên mình các con có hai hình tròn to bằng hai màu xoáy tròn ốc cuộn vào nhau. Hai hình tròn xoáy tròn ốc đó trông tựa như những hình nhật nguyệt, nên đã làm cho nhiều người lầm tưởng là tượng trưng âm dương, tượng trưng sự chuyển biến của vũ trụ từ năm cũ sang năm mới. Thực ra hai hình tròn đó, không có tượng trưng một cái gì siêu hình. Trái lại, tất cả bức tranh Con Lợn là một sáng tác rất thực. Hai hình tròn trên, nếu ta lần theo đường vẽ thì rõ ràng chỉ có dụng ý tả hai cái khoáy lông đóng bốn bên mình Lợn. Nét vẽ theo chiều lông đóng thành khoáy được biến pháp cho thành một hình thề có tính cách trang trí, đồng thời làm cho vui cho con mắt



NỮ' SINH

BỜ-HỒ HÀ-NỘI

Một bày nho nhỏ bước xinh xinh
Bóng chềch nghiêng cây sáng nửa mình
Búp chuối hong tơ phơ phất áo
Hương ngàn ngút ngút mái thu xanh
Má hây đôi tám say mùa nắng
Môi nở vừa xuân hé nụ cành
Trái chín ương vàng sui mộng ước
Ý trào đuôi mắt chớp long lanh

MẶC-ĐỒ

người xem bằng những màu vàng, màu xanh, màu đỏ nổi bật trên nền tím của thân Lợn Mẹ. Trong sách Chư kinh, những con lợn nào có 3 thứ tướng chính « Lưng dài, bụng bị, bốn khoáy đóng chuông » thì là giống lợn nái tốt, ăn nhiều khỏe mạnh, đông con, mắn đẻ, tức là giống Lợn mà bất cứ người dân quê nào may mắn nuôi được thì Con Lợn đó có thể tậu cho họ ao sâu cá đầy, nhà gói cây mít.

Ngoài ra còn có những quý tướng khác được tượng hình trên bức tranh Lợn: Cái mõm rộng, ngoảnh cao lên trên phía lưng, và cuối có hai đường vòng trở lại, không có nghĩa là cái cười chàm biếm của người dân Việt-Nam như một vài lý-luận giả đã quyết đoán. Thực ra đó là hình dung cái miệng gấu giai. Mà « miệng gấu giai thì nhai hai gạnh cam ».

Có ăn được nhiều như thế mới đủ sức một năm làm ba lứa, và đủ sữa nuôi lũ con đầy đàn, gây cơ nghiệp và mang may mắn lại cho chủ.

Hình thể của cái đầu cái tai cũng được biến chế theo những kinh nghiệm sắc thực « Đầu thì giống lá khoai, tai thì giống lá soài » Thực là nôm na, thực là giản dị, nhưng hội ý hình dung thực là thần tình.

Bức tranh đã nói lên được nỗi vui mừng của dân quê ta trong sự chờ đợi một mùa Xuân hi-vọng. Nó là một câu chúc tụng gói ghém tất cả những nguyện ước của lớp người bình dân khao khát một cuộc sống mới: khỏe mạnh, sống lâu của nhà phong lưu, sung túc, gia đình hòa thuận đoàn viên.

Dùng một đề tài ngộ nghĩnh là con Lợn để cụ thể hóa đời sống lý tưởng bằng những nhận xét tế nhị sâu sắc và phổ biến tình ý rất đơn giản nhưng súc tích, là cái bí quyết thành công trong Nghệ Thuật Hội Họa.

Tổng hợp những điều nhận xét ở trên, ta thấy bức tranh Con Lợn không những vững vàng về phương diện Hình Thức Đường Nét, Hình thể, Màu Sắc, Bố cục mà còn thành công cả ở phương diện nội dung.

Ngành Họa Việt-Nam tương lai của chúng ta khởi nguồn trong lòng Dân-tộc, biết đâu chẳng coi bức tranh Con Lợn là một tác phẩm chỉ nam?

Trong sự tìm tòi khai thác cái di sản của Tiền Nhân để rút kinh nghiệm sáng tác, tạo nên một nền Nghệ Thuật của Thời Đại, các Họa sỹ Việt Nam của chúng ta chắc chắn sẽ tìm thấy trong cái rực rỡ của loại tranh bình dân kia, luồng ánh sáng hi vọng của một Mùa Xuân Nghệ Thuật.

...

Người Nghệ Sĩ đi tìm con Chim Xanh ở trên kia chẳng phải đã chết giữa mùa Xuân đâu!

Chính là hân đã tìm thấy ở Bức Tranh Con Lợn, cái chìa khóa nhiệm mầu mở cánh cửa Thiên Đường Đẹp đẽ của Nghệ Thuật để tự giải thoát vậy.

PHẠM TẮNG



Phong bút

Gió thổi nhẹ mơn tơ nắng dàu,
Quầng ló thướt gợn bóng mây qua.
Nét yêu sao rúc lẩn môi thắm,
Choir phôi Xuân tình ngọt cỏ hoa.
Bằng trông phơ phất bóng hờ
Biết đây từ nước hay là lộc thò?..
Phan Phong Linh

XUÂN NHẬT TÚY KHỞI NGÔN CHÍ

Xử thể nhược đại mộng,
Hồ vì lao kỹ sinh?
Sở dĩ chung nhật túy,
Đôi nhiên ngoại tiền doanh.
Giác lai miện đình tiền,
Nhất điều hoa gian mình.
Tả vấn thử hà nhật?
Xuân phong ngữ lưu oanh.
Cảm chỉ dục thân túc,
Đổi chỉ hoàn tự khuynh.
Hảo ca đãi mình nguyệt,
Khúc tận dĩ vong tình.

LÝ-BẠCH

NGÀY XUÂN TÌNH RƯỢU TỰ NÓI

Đời người như giấc-mộng dài,
Lao đao chỉ đề cho hoài đời dài.
Trộn ngày say tỉnh li bì,
Nằm lẩn bên cột ngủ khi miên man.
Trước sân khi tỉnh giấc vàng,
Tiếng chim đầu hót rộn ràng trong hoa.
Lững quên năm, tháng, ngày qua,
Oanh non nhại gió xuân già lưu ló.
Bùi ngủi lòng rồi như tơ,
Bằng khung đối cảnh rượu hồ lại nghiêng.
Nghêu ngao hát đợi trăng lên,
Hát vừa trọn khúc đã quên ý rồi.

PHAN PHONG LINH dịch.

Nguyễn văn Vĩnh là chủ-nhiệm tờ Đông-Dương tạp-chí xuất-bản từ 1913. Tạp-chí này, bằng những bài dịch Hán-văn và Pháp-văn ra Việt-văn, nhằm mục-dịch vừa nâng-cao trình-độ tri-thức của dân-chúng vừa truyền-bá học-thuật, tư-tưởng Âu, Á.

Bốn năm sau Nguyễn văn Vĩnh, Phạm Quỳnh bước chân vào làng báo với tạp-chí Nam-Phong. Tờ Nam-Phong theo cùng một tôn-chỉ với Đông-dương tạp-chí; dung-hòa hai nền tư-tưởng Đông, Tây, gặt-bỏ những điều dở của hai nền tư-tưởng đó để chung-đúc những điều hay thành một nền văn-hóa đặc-biệt cho người Việt. Ít ra, đó cũng là ý-muốn của những người sáng-lập hai tạp-chí kể trên và các người đồng-chí. Những bài trong hai tạp-chí cùng các sách do hai nhóm xuất-bản tỏ rõ chủ-trương dung-hòa nói trên.

Trong khi Nguyễn văn Vĩnh dịch thơ ngu-gôn của La Fontaine, kịch của Molière, truyện Les misérables (những kẻ khốn-nạn) của Victor Hugo, trong khi Phạm Quỳnh dịch « Le discours de la méthode » (phương-pháp-luận) của Descartes, khảo-cứu về học-thuyết của Montesquieu, luận về « Chính-trị nước Pháp », viết « Thế-giới tiền-bộ sử » thì Phan Kế Bính dịch « Tam quốc chí », soạn các quyển « Việt-Nam phong-lục », « Việt-hán văn-khảo » v. v., Nguyễn hữu Tiến viết những bài về học-thuyết Khổng-Manh, về văn-chương Trung-Hoa, dịch bộ « Vũ trung tùy bút » của Phạm đình Hồ v.v., Trần trọng Kim soạn bộ « Nho-giáo », Phạm Quỳnh giới-thiệu « Người quân-tử trong đạo Khổng » (Le Sage dans la philosophie confucéenne).

Công việc của hai nhóm trên đây đã mang lại kết-quả gì? Thực ra, sự dung-hòa nói trên chỉ mới là một ý-muốn, một chủ-trương cũng đã được chứng tỏ bằng việc làm, nhưng việc làm của hai nhóm chưa đưa tới kết-quả cụ-thể nào nghĩa là chưa làm phát-sinh được một nền văn-hóa đặc-biệt cho dân-tộc Việt-Nam, do sự dung-hòa hai nền văn-hóa Đông, Tây. Hơn thế, trong hai chục năm mà chủ-trương dung-hòa được đa số tri-thức cũ, mới tán-thành, chủ-trương đó đã gây nên ít nhiều kết-quả không hay. Các bậc phụ-huynh thuộc tầng lớp trung-lưu xã-hội, mà đa-số đã do nền Hán học đào-tạo nên, bằng lòng cho con, em theo học trường Pháp nhưng, trong gia-đình, ngoài xã-hội, lại vẫn muốn bắt con em sống theo tập-quán và lễ-giáo xưa. Do cái ý-muốn chưa đặng máu-thuần ấy mà thường xảy ra sự xung-đột ý-kiến, tư-tưởng giữa cha, con, anh, em. Những thanh-niên, thiếu-nữ đã hấp-thụ được chút học-vấn mới thường vấp phải ý-muốn trái-ngược của các bậc phụ-mẫu, huynh-trưởng, trong những việc quan-trọng của đời họ: việc chọn một nghề-nghiệp, việc hôn-nhân v. v.. Sự xung-đột ý-kiến, tư-tưởng trên đây nhiều khi đã gây nên những hi-kịch. Một cơn dịch tự-tử vì tình một đạo đã phát ra trong đám thanh-niên nam, nữ trong khắp nước.

Thanh-niên một số phải đau-khổ vì chính học-vấn của mình, xã-hội thì như dùng-đăng không lùi, không tiến. Trước tình trạng đó và sau khi các cuộc vận-động chính-trị đã thất-bại vào các năm 1930, 1931 dưới sự đàn-áp thẳng tay của thực-dân, một số thanh-niên Âu học đã quả-quyết dùng sở-năng vào công-kuộc cải-tạo xã-hội trước đã — Nhóm quan-trọng nhất hợp thành tòa soạn của tuần-báo Phong-hóa, xuất-bản từ năm 1932 tại Hà-nội và do Ô. Nguyễn tường Tam làm chủ-nhiệm. Tờ Phong-hóa sau đổi tên thành Ngày Nay rồi Chủ-Nhật nhưng vẫn giữ nguyên chủ-trương lúc đầu. Tập-hợp dưới danh-hiệu Tự-Lực văn-đoàn, các nhà văn trong nhóm

NGÓ LẠI CON ĐU'ỜNG VĂN NGHỆ VIỆT-NAM

(Tiếp theo trang 23)

Phong-Hóa, Ngày-Nay chế-riều chủ-nghĩa Trung-dung « tiến một bước, lùi một bước » của phái dung-hòa. Họ muốn « Đoan-tuyệt » với dĩ-vãng để quả-quyết theo tư-tưởng mới từ Tây-phương lại. Họ hoán-nghênh chủ-nghĩa cá-nhân, họ đả-kích đại-gia-đình (truyện dài « Gia-đình » của Khải-hưng), họ muốn bỏ đạo Khổng. Ngoài xã-hội họ công-phá hủ-tục, mê-tin, họ vạch mặt thói-nát và đả-đảo quan-cách. Về chính-trị, tuy chủ-trương dân-chủ tư-sản, nhưng họ không quên quyền-lợi của tầng-lớp dân-chúng cần-lao, của những người sống trong « Bùn lầy nước đọng » thôn quê.

Ngoài nhóm trên đây mà tư-tưởng, tuy là « cấp-tiến » đối với xã-hội Việt-Nam khi ấy, nhưng thực ra chỉ là những tư-tưởng ôn-hòa của Âu-châu, có một nhóm khác cấp-tiến hơn: ấy là nhóm Hàn Thuyên với Nguyễn bách Khoa, Nguyễn đức Quỳnh, Lương đức Thiệp, Lê văn Siêu, Đặng thái Mai, Nguyễn tế Mỹ v.v... tác-giả những cuốn sách viết theo duy-vật sử quan. Nhóm này, ngay đương-thời, không có ảnh-hưởng trong dân-chúng bằng nhóm Tự-lực.

III. — Đường-lối văn-nghệ Việt-Nam từ 9-3-1945 đến nay

Người Việt đang sống dưới sự chi-phối của Pháp về mọi phương-diện chính-trị, kinh-tế, văn-hóa thì tiếng súng đêm 9-3-1945 bùng nổ, mở một giai-đoan lịch-sử mới cho dân-tộc Việt-Nam: giai-đoan phục-hồi độc-lập.

Cho đến ngày 19-12-1946 là ngày cuộc xung-đột Việt-Pháp bùng to, có thể nói hoạt-động văn-nghệ hầu như hoàn-toàn hướng về một mục-dịch: góp sức vào việc bảo-vệ nền độc-lập quốc-gia.

Tuy nhiên, ngay từ những ngày đầu, bên những bài báo, những sách nhằm mục-dịch kích-thích lòng ái-quốc và nâng cao tinh-thần tranh-đấu của toàn-dân, đã thấy xuất-hiện những sách, báo tuyên-truyền chủ-nghĩa.

Sau ngày 19-12-1946, Việt-Nam thực sự chia làm hai khu: khu do Việt-Minh kiểm-soát và khu do người Pháp rồi Chính-phủ quốc-gia kiểm-soát. Chế-độ chính-trị tại mỗi khu đã quyết-định đường-lối văn-nghệ trong khu đó.

Tại khu Việt-Minh, văn-nghệ đã chịu ảnh-hưởng của chiến-tranh và của tư-tưởng Mác-Xít mà những người cầm đầu cho truyền-bá. Các tác-phẩm văn-nghệ đều nêu cao vai trò của binh, nông, công khi chẳng phải trực-tiếp tuyên-truyền chủ-nghĩa Cộng-sản.

Trong khu quốc-gia, đường-lối văn-nghệ không rõ-rệt bằng. Các báo-chí đa số dĩ-nhiên chủ-trương chống Cộng. Nhưng tại các hàng sách, những cuốn tiểu-thuyết khuynh-hữu chen nhau với những cuốn tiểu-thuyết khuynh-tả; trên sân khấu, trước hay sau một vở kịch phổ-diễn tư-tưởng quốc-gia, người ta trình-bày một vở kịch nhuộm màu tư-tưởng quốc-tế. Về luận-thuyết, có người chủ-trương dung-hòa tinh-thần đạo học của Đông-phương với tinh-thần khoa-học của Tây-phương (cuốn « Tinh-thần khoa-học đạo học » của Nguyễn đăng Thục), có tác-giả muốn chung-đúc ba nền văn-minh « kỹ-sư », « ủy-viên chính-trị » và « tu-sĩ » (chủ-trương « Trung-lập-chế » của Hồ hữu Tường).

Trở lên, ta đã xét qua đường-lối của văn-nghệ Việt-Nam qua các thời-dại ta nhận thấy gì?

Ta nhận thấy rằng, từ trước đến nay, các văn-nghệ-sĩ của ta đã chỉ sáng-tác theo những hệ-thống tư-tưởng ngoại lai. Sau khi đã nhận uy-quyền của Khổng-giáo trong ngót ngàn năm, các văn-nghệ-sĩ của ta lại chạy theo chủ-nghĩa cá-nhân, lãng-mạn của Âu-tây. Ngày nay thì lại một chủ-nghĩa ngoại lai thứ ba đã bắt-đầu chiếm-cử đầu óc của một số văn-nghệ-sĩ.

Đã đành rằng bởi từ mấy ngàn năm nay loài người đã suy-tưởng nên những tư-tưởng mới-lạ có thể đến đầu-óc con người không thể có nhiều. Nhưng, từ trước đến nay, những tư-tưởng mới cứ phải đến óc chúng ta qua đầu-óc những dân-tộc khác. Đó là một điều đáng làm cho chúng ta thẹn-thùng lắm vậy. Cũng đã bắt đầu có ít người nghĩ tới việc xây-dựng một nền văn-hóa riêng cho dân-tộc hoặc một nền văn-hóa chung cho nhân-loại, nhưng thực ra cũng chưa đạt được kết-quả cụ-thể nào, chưa định được rõ-rệt nội-dung cho nền văn-hóa muốn xây-dựng.

Trở lên, ta đã chỉ nói về nội-dung của văn-nghệ Việt-nam. Về hình-thức, văn-nghệ của chúng ta cũng đã mượn nhiều của văn-nghệ các dân-tộc khác.

Trong thời độc-lập sau Bắc-thuộc, văn-nghệ Việt-nam phần lớn đã rập theo hình-thức của văn-nghệ Trung-hoa: thơ đã làm theo Đường luật, dền, chùa, cung, điện, lãng-tầm, đã xây-dựng theo kiểu-mẫu Trung-hoa, cả đến hội-họa, âm-nhạc Trung-quốc. Cũng có những ảnh-hưởng khác như ảnh-hưởng kiến-trúc Ấn-độ, ảnh-hưởng âm-nhạc Chiêm-thành. Ngoài ra, cũng đã có những hình-thức văn-nghệ đặc-biệt Việt-nam như các lối thơ lục bát và song thất lục-bát, như lối họa và in các bức tranh lợn, tranh gà, nhưng các hình-thức văn-nghệ đặc-biệt Việt-nam đó lại không được đa số tri-thức coi trọng.

Đến thời Pháp-thuộc, văn-nghệ Việt-nam, về hình-thức, lại chịu nhiều ảnh-hưởng của văn-nghệ Pháp và Tây-phương. Về thi-ca, đã xuất-hiện lối « thơ mới » với mẹo-luật rộng-rãi hơn lối thơ cũ; một nền văn xuôi đã thành-lập và tiến-bộ mau-chóng; kiến-trúc theo lối Tây-phương đã được du-nhập và mỗi ngày một phổ-thông hơn; hội-họa, âm-nhạc cũng đã đổi mới theo kỹ-thuật hội-họa, âm-nhạc Âu-Mỹ.

Sau hết, hiện nay, ở phía bắc vĩ-tuyến 17, có lẽ văn-nghệ Việt-nam lại đang thay hình đổi dạng theo văn-nghệ Nga-sô, Hung-gia-lợi hay « Tân Trung-hoa ».

Tất cả những nhận-xét trên đây đưa ta tới kết-luận nào? Những nhận-xét đó đưa ta tới kết-luận rằng từ trước đến nay các văn-nghệ-sĩ của ta chưa hề tạo được một nền văn-nghệ đặc-sắc Việt-nam, chưa hề lập được một ý-thức-hệ để hướng-dẫn cuộc sống của dân-tộc Việt-nam và góp phần vào việc xây-dựng một nền văn-hóa chung cho nhân-loại.

Công việc đó ngày nay phải là nhiệm-vu của những ai nếu chẳng phải của những văn-nghệ-sĩ còn được giữ tự-do tư-tưởng trên giải đất chữ S này?

VIÊN-PHONG

CUỐI năm 1953, hai cuốn phim : Kiếp Hoa của Công Ty Điện Ảnh Kim-Chung, Nghệ-Thuật và Hạnh-Phúc của Việt films ở Hanoi và một cuốn phim màu Bến Cũ của Alfa films Saigon đã đem chiếu ở khắp màn bạc trong nước.

Mặc dầu, nói chung những cuốn phim ấy được các bạn văn nghệ sĩ, những khán giả yêu mến nền Điện Ảnh Việt-Nam lên tiếng phê bình khe khắt, nhưng với tinh thần xây dựng, đã mở xé phân tích tỉ mỉ những ưu khuyết điểm của chuyện phim, cách đạo diễn, lối diễn xuất và những điểm chuyên môn khác. Những bài báo phê bình, những dư luận của người sành điệu và chính mắt, tại, được trông, được nghe thấy những thiếu sót vung về non sót trong nghệ thuật sản phẩm của mình, các ban Giám Đốc sản xuất phim ảnh đã rút được kinh nghiệm quý báu bồi bổ cho công cuộc sản phẩm sau này. Không những thế, những phim ảnh Việt-Nam đi tiên phong ấy còn giúp thêm sáng suốt cho những nhà sản phẩm tương lai học được những điều hay và tránh những điều dở.

Dư luận chung cho rằng cuốn phim Kiếp Hoa ngoài những khuyết điểm, là cuốn phim có được cốt chuyện đầu đuôi pha vài cảnh sống xã hội. Nghệ-Thuật và Hạnh-Phúc cùng Bến Cũ là những cuốn phim có cốt chuyện rời rạc xa rời thực tế thiếu sót về chuyên môn nhiều hơn.

Sang năm 1954, hai cuốn phim : Hai thế-giới và Giá hạnh-phúc quay và thu thanh bên Pháp do ông Phạm-văn-Nhận làm đạo diễn. Tài tử đóng phim này phần lớn là những du học sinh và kiều bào ở Pháp. Ưu điểm của cả hai phim là thu hình, thu thanh, lối phân cảnh rõ ràng nhưng nội dung của hai cuốn phim « lai » ấy không phản ánh cuộc sống của Xã hội đại chúng Việt-Nam. Tuy vậy, khán giả đã tin tưởng ở phần kỹ thuật của nền Điện Ảnh nước nhà, nhưng vẫn muốn đòi hỏi cốt chuyện đặc biệt Việt-Nam lồng qua lịch sử hay là cuộc sống đương thời.

Một nhóm nghệ sĩ kịch trường liên hiệp với nhau đóng một cuốn phim Xã hội quay ở Nam lấy tên phim là Ngày Về. Khi phim này đem chiếu, công chúng thất vọng vì là một phim ngắn, cốt chuyện hồ hơ lơ lửng, vấn đề giải quyết câu chuyện phim lại là cái tàu thuốc lá, diễn viên đóng trò cũng như đạo diễn đã biến cuốn phim ngắn thành một vở kịch chứ không phải là cách thức làm việc của một cuốn phim.

Sau thất bại sâu cay, lỗ vốn khá lớn về cuốn phim Nghệ-Thuật và Hạnh-Phúc, Hãng Việt Films liền bỏ phim ca nhạc quay về tìm tòi đề tài ở lịch sử. Với bao nhiêu cố gắng thận trọng, Việt Films hoàn thành được cuốn phim lịch sử rất quen thuộc trong dân gian : phim Phạm-Công Cúc-Hoa. So sánh với tác phẩm đầu tay Nghệ-Thuật và Hạnh-Phúc thì Phạm-Công Cúc-Hoa đã có kỹ thuật hơn nhiều về mọi mặt, kết quả Việt Films đã thu hồi được một số lớn vốn tung ra để sản xuất phim. Tuy gọi là tiến bộ hơn phim cũ, Phạm-Công Cúc Hoa vẫn chưa được là cuốn phim hay mà khán giả Việt chờ đợi, vẫn còn những thiếu sót : cách dẫn chuyện phim, cách bài trí hóa trang, chọn ý phục, tiếng nói, tài diễn xuất, v...v...

Đến cuối mùa Hè, hãng phim Việt Ảnh Mỹ Vân sau 9 tháng làm việc và thu thanh ở Hồng-Kông đã hoàn thành cuốn phim « Cô Gái Việt » và chuyển âm một phim Trung-Hoa « Tình và Nghĩa » do cô Lý-Lệ-Hoa đóng. Tự lượng nghệ thuật « Cô Gái Việt » kém sút « Tình và Nghĩa », hãng Việt Ảnh Mỹ Vân liền cho chiếu phim chuyển âm tiếng Việt « Tình và Nghĩa » trước đồng thời quảng cáo rầm rộ cho « Cô Gái Việt » sẽ ra

NHẬN XÉT VỀ

PHIM ẢNH VIỆT - NAM TRONG NĂM QUA

mắt khán giả sau : mục đích lấy phim hay có Lý-Lệ-Hoa đóng để dọn đường cho phim « Cô Gái Việt » một sáng tác phẩm của Hãng. Phim Tình và Nghĩa quả là một phim hay tiếng Việt nói khá rõ ràng nên thu hút được một số khán giả kỷ lục và là một quảng cáo đặc lực cho phim Cô Gái Việt chiếu liền sau. Cũng như lời Báo Giang Sơn phê bình, phim Cô Gái Việt là một cuốn phim không thực tế, các nữ sinh cũng như danh từ phục vụ đại chúng bị ban giám đốc Hãng lợi dụng nhét vào cuốn phim. Báo Dân Chủ cũng có nhắc tới chuyện người ta lợi dụng tên cô gái Việt-Nam nhiều quá và đưa ra một nhân định : Các cô gái trong phim đi chơi thăm cảnh thăm người chuyện trò săn sóc lấy lệ mà gọi là cô gái Việt giác ngộ, đi phục vụ quân chúng thì thật là mỉa mai ! Không xứng đáng với nhiệm vụ cô gái Việt giác ngộ làm việc xã hội. Vì thế nên phim Cô Gái Việt ít khán giả hơn Tình và Nghĩa nhiều, cho nên ta không lấy làm lạ Hãng Việt Ảnh Mỹ Vân hồi cuối năm đã hoàn thành 5 cuốn phim ngoại quốc chuyển âm tiếng Việt.

Bảng đi một thời gian khá lâu, các nhà sản phẩm Việt-Nam im hơi lặng tiếng, thì ngày 16-12-54 một phim hoàn toàn Việt-Nam do người Việt đóng nói tiếng Nam-Việt quay tại Pháp của Hãng Mỹ Phương và nhà Đạo diễn Phạm Văn Nhận (trong Hai Thế giới - Giá Hạnh Phúc) tung ra chiếu ở các rạp chiếu bóng Đô-Thành. Phim « Vì đâu nên nỗi » phỏng theo cuốn tiểu thuyết « Cha Con nghĩa nặng » của nhà văn Hồ-Biểu-Chánh, cốt chuyện tả thực trạng nông thôn Việt hồi 30 về trước. Mặc dầu là chuyện ngày xưa nhưng cũng còn phản ánh được khá nhiều tệ đoan trong lũy tre xanh Việt Nam. Nội

dung cuốn phim chứa đựng một thảm kịch mà người dân quê nghèo là nạn nhân của chế độ cường hào ác bá reo thảm khổ trong hương thôn. Chuyện phim hay lại được nhà Đạo diễn Phạm Văn Nhận cùng các tài tử cố gắng diễn tả bằng những hình ảnh, tiếng nói, cách đóng trò tinh vi, đã làm tăng giá trị của cuốn phim. Hơn nữa tiếng nhạc đệm do nhạc sĩ Tống Ngọc Hạp sáng tác và trình bày đã gây được tình cảm vui buồn của từng hoàn cảnh bằng nhạc điệu tiết tấu rất Việt-Nam. Phim này đem ra chiếu giữa lúc phim Tàu nói tiếng Việt đang lũng đoạn thị trường Màn bạc Việt Nam đã gây được tin tưởng cho khán giả và hành diện đứng ngang hàng với loại phim Tàu khá như : Tình và Nghĩa cùng Tình Không Biên Giới.

Điểm lại phim Việt đã sản xuất từ trước tới nay, ta thấy từ những phim đầu kém sau lần lần khá hơn và đến cuối năm nay cuốn phim khá nhất « Vì Đâu Nên Nỗi » do nhà Đạo diễn Phạm Văn Nhận dàn cảnh, tuy chưa phải là một công trình vĩ đại, nhưng nó là phần thưởng đích đáng cho tinh thần cầu tiến của Phạm Văn Nhận, nó là niềm vui chung cho những ai hằng lưu tâm đến tương lai điện ảnh nước nhà.

Phải chăng phim ảnh Việt-Nam bắt đầu chuyển hướng nhằm đề tài xã hội thực tại giống như hương di của Điện Ảnh Ý-Nhật ?

Khai thác những đề tài sống của xã hội đương thời quay thành phim không những đỡ tốn tiền mà những nhân vật trong chuyện phim hành động nó dễ dàng đi vào tình cảm của khán giả, đó mới là con đường vừa kinh doanh nghệ thuật thứ bảy vừa dùng nghệ thuật để phục vụ dân chúng vậy.

HẢI ĐĂNG



— Nhỏ ơi ! Con mèo trắng đẹp thế này mà mày để nó ngủ vào đâu đen thui rồi ?

— Thưa bà nó nhảy vào chậu nước ông con vừa tắm tắm niền xong đây ạ...

— 1111



— Ngày tháng trôi qua, chắc chị lo buồn cho tuổi xuân chóng hết, nên cứ nhìn lên quỳên lịch là chị khóc phải không ?

— Có phải thế đâu chị ! quỳên lịch năm nay họ vẽ hình con ĐÉ nên mỗi khi nhìn thấy nó em lại nhớ ngay đến bộ mặt của nhà em...

— 1111

VỎ KỊCH HAY NHẤT

(Tiếp theo trang 9)

Một vở kịch tức là một bài toán về tâm-lý, nó càng rõ-ràng bao nhiêu, người xem càng dễ hiểu; họ có hiểu, họ mới cảm; họ có cảm thì họ mới phụ-họa vào sự thành-công của tác-giả được... Theo ý tôi, tôi không cần chuyện, tôi cắt tuốt cái đoạn ba đi và chỉ để hai đoạn thời, đoạn khai-mào và đoạn kết, có thể thôi... nhưng mà đây chỉ là ý riêng của tôi, tôi không dám tin rằng nó có tính-cách tất-chí, tất-thắng... anh đã hỏi, tôi phải nói, có vậy thôi...

TRỌNG-BÌNH, suy-nghĩ rồi nhe răng cười. — Việc gì mà anh phải đắn-đo như vậy, bao giờ anh em chúng ta đối với nhau chẳng thành-thực và cần-trọng... Tôi xin lĩnh-ý anh (quay về phía Kỳ-Bảo) còn anh Kỳ-Bảo, anh cho tôi biết ý-kiến của anh...

KỶ-BẢO. — Chết thật! chẳng lẽ anh hỏi mà tôi không nói... mà nói ra, tôi e-ngại quá...

TRỌNG-BÌNH. — Ô hay! Chúng ta là những người nghĩ làm sao, nói ra làm vậy... nếu anh không nói, tôi sẽ bảo vở kịch của tôi vô giá-trị, tôi sẽ hủy nó đi...

KỶ-BẢO. — Sao lại bảo là vô giá-trị được? Anh không thấy tất cả anh em đồng-thanh hoan-hô anh sau khi nghe anh đọc nó là gì... Tôi cảm anh, anh không được nghĩ bậy như vậy... Có điều, cái ý-nghĩ của tôi nó hết sức quá-khích, tôi e-dè là vì thế...

TRỌNG-BÌNH. — Anh cứ nói... anh phải nói... và lại, anh nói là nói cái ý của anh, còn nghe theo anh, hay không, là phần riêng tôi, anh cứ nói, không hề gì.

KỶ-BẢO. — Ủ thì nói!... các anh coi chừng nghe không... đây này, tôi ấy, tôi chẳng khai, chẳng thừa, chẳng chuyện, chẳng hạp gì cả... Với cái đề tài của anh, tôi chỉ viết một đoạn thôi, vâng mỗi một đoạn, tôi đem cái việc ra rồi kết-thúc ngay, không «răng ra bà cụ» với đoạn này, đoạn kia gì hết. Cả câu chuyện chỉ có thế, việc gì mà đem kéo dài ra để cho khán-giả sốt ruột, kéo dài ra để bắt họ suy-nghĩ... Theo ý tôi, người ta đi xem, bắt cứ cái gì, cốt là để giải-trí, bởi vậy những phim, những tuồng, những kịch khôi-hải, bao giờ cũng được nhiệt-liệt hoan-ngheh. Người ta đến ngồi ở cái ghế rạp hát mà bắt tội người ta học một bài luận-lý, hay làm một bài toán, là thậm ư thất-sách... Thời-buổi này là thời-buổi của máy-móc, của sự nhanh chóng, ta không nên kéo dài, đối với bất cứ cái gì... phim hay kịch, lại càng phải chiều theo cái luật hỏa-tốc của thời-dại. Anh nên rút lại, chỉ làm một đoạn là thượng-sách... tôi xin cam-doan với anh, là anh sẽ được toàn-thắng... thứ nhất đối với vở kịch đầu tiên của anh, vở kịch ra mắt, nó phải khác-thường, để tất-thắng.

TRỌNG-BÌNH. — Lý-luận của anh vừa mạnh-dạn, vừa xác-dáng, tôi xin cảm ơn anh... Thế là được ý-kiến của ba anh rồi, còn anh A-Tuyền nữa, liệu anh có đắn-đo

như các bạn kia không? Thôi, xin anh đừng rào-dón gì cả, anh nói ngay đi để cho anh em khỏi nóng ruột, nào...

A-TUYỀN, nhe răng cười hóm-hỉnh. — Các anh, anh thì bỏ đoạn khai-mào, đoạn thừa, đoạn chuyện... còn tôi, tôi nhất định không chịu thừa các anh về phần đột-ngột... Tôi thì khuyên anh Trọng-Bình bỏ cái đoạn kết đi... Ta đem một câu chuyện ra, ta kể rõ-ràng cho họ nghe, ta chỉ kể ra thôi, ta nhất định không kết-luận, ta bỏ lửng đấy, để cho khán giả tự tìm lấy sự kết-thúc, như vậy mới ly-ký, mới thú-vị... trái lại là các anh cưỡng-chế người ta, bắt người ta phải hướng theo một cái đích mà các anh đã vạch sẵn; như vậy, các anh nghiêm-nhiên áp-bức người ta... Bỏ lửng, không kết luận, mới thực là cao-kiến... các anh nghĩ sao? Anh Trọng-Bình nghĩ sao?

TRỌNG-BÌNH. — Hay! Hay quá! Sự nhiệt-thành của các anh đối với vở kịch của tôi làm cho tôi phấn-khởi vô cùng... Tôi xin thành-thực cảm-ta tấm thịnh-tình của các anh... Tôi sẽ xin suy-nghĩ và cố sửa đổi cho được vừa-lòng, đẹp-ý các anh... một khi các anh vừa-lòng, đẹp-ý thì nhất định khán-giả sẽ hoan-ngheh.

Cách đây mấy bữa sau. Tất cả bốn người bạn của Trọng-Bình lại cùng anh họp mặt để nghe lại vở kịch, sau khi vở đó được chỉnh-dốn đúng với sự đòi-hỏi của nghệ-thuật và theo cái phương châm mà bốn ông bạn đã nhiệt-thành vạch ra.

Trọng-Bình đương giờ tập bản-thảo để đọc. Bốn ông bạn, mỗi người ngồi đợi ở một ghế, ông thì chống nẹ, ông thì tì một tay lên trán, ông thì ngồi bắt chéo chân. Trọng-Bình để bàn tay chặn lên trên cái bia tập giấy, đang suy-nghĩ. Một lát. Ông vẫn chưa đọc. Các ông bạn tỏ vẻ sốt ruột.

UẦN-CHƯƠNG. — Thế nào, anh em xin nghe, anh đọc đi chứ...

TRỌNG-BÌNH, nhích một bên mép, cười khèn. — Vâng, vâng, tôi xin đọc... «Vở kịch hay nhất»...

KỶ-BẢO. — Hừ, vở kịch hay nhất, đây là cái nhan-đề, đây hả?...

TÂN-QUAN, ngồi ngay dậy. — Cái gì? cái gì? nhan-đề là «Vở kịch hay nhất»? à? nghe có vẻ tân-ký đấy chứ... Hừ... «Vở kịch hay nhất»... tân-ký lắm!

A-TUYỀN, cười to. — A, ha! không những tân-ký mà lại càng-khoa một cách ngây thơ, chân-thật là đáng khác...

UẦN-CHƯƠNG. — Hừ, «Vở kịch hay nhất»,



tôi xin thú thật, cái nhan-đề đó chẳng Trọng-Bình một tí nào cả... có phải không, các anh nhỉ?

KỶ-BẢO. — Vở kịch hay nhất, là một vở kịch rất hay, thì có sao... xin anh hãy cứ cho nghe đã.

TRỌNG-BÌNH. — Thưa các anh, sau mấy đêm ngày suy-nghĩ rất lung, tôi đã nhất định mệnh-danh cho nó như vậy... Tôi còn vâng-vâng bèn tai tất cả những lời chỉ-giáo của các anh, xin các anh cho tôi dùng một tí sáo nhả, vâng, tất cả những lời chỉ-giáo của các anh thật lời lời châu-ngọc, hàng-hàng gấm thêu...

TÂN-QUAN. — Ngộ đấy chứ... càng-khoa rồi sáo, sáo hết chỗ nói... ngộ da!... nhưng anh cho nghe đi, làm gì mà «làm gái» mãi...

TRỌNG-BÌNH. — Các anh ạ, có một cái rất lạ, là ý-kiến của các anh sao mà nó xác-dáng thế... quả-tình, tôi đã cố công đọc mấy trăm vở kịch để cố rút lấy một ít tủy ở trong những cái ống xương rắn, chắc đó; ấy thế mà đem cái năm kinh-nghiệm còn con đó ra so với những ý-kiến của các anh hôm nọ, sự sai-dị, sự huyền-cách thực là quá sức tưởng-tượng. Tôi càng nghiên ngẫm tôi càng thấy rõ, sự nhận-xét của các anh thiết-thực vô cùng. Tuy ở giữa những ý đó có ít nhiều mâu-thuẫn, nhưng không thể nào không công-nhận rằng nó xác-dáng... Anh nào nói cũng phải... lý của anh nào cũng, luận-diệu của anh nào cũng hay, tôi không thể đành tâm mà chọn lấy hẳn một đảng.

Có lúc tôi như hóa điên... Các anh thử nhớ lại xem... anh Tân-quan, thoát đầu tiên bảo tôi bỏ cái đoạn hai, là cái đoạn «thừa», nó thừa thực, tất cả các anh cũng đồng-ý mà lại... Tôi cũng nhận như vậy nữa... Thế rồi đến lượt anh Uần-Chương, anh muốn bỏ cái đoạn Chuyển, tức là cái đoạn ba, lý lẽ anh viện ra cũng rất đúng, việc gì phải «Chuyển» cho nó thêm rườm rà... ai muốn nói gì thì nói, chứ, tôi nhất định theo anh Uần-Chương... Song, đến anh Kỳ-Bảo, anh Kỳ-Bảo nói trắng ra, anh chẳng cần «Chuyển», cần «hạp» gì cả, với cái đề-tài đó, anh chỉ viết một đoạn thôi... đúng lắm, trong lãnh-vực nghệ-thuật, cái gì đẹp cũng đơn-giản... ai mà bỏ nổi ý-kiến của anh Kỳ-Bảo... Ủ, các anh xem, lại đến cái anh A-Tuyền của chúng ta mới thật là táo-bạo... anh đã vạch rõ cho tôi thấy cái kỳ-thủ của sự bỏ-lửng, không kết-luận, để cho khán-giả tự-ý làm lấy cái việc đó... còn gì hơn nữa, đó mới thực là nghệ-thuật tinh-vi và tế-nhị... Các anh thử nghĩ giùm tôi xem, nghe ai, bỏ ai, bây giờ... suốt mấy ngày đêm, tôi đã vật-lộn với các ý-kiến của bốn anh... cái nào cũng có một cái mãnh-lực lôi-cuốn người ta như một đàn rặng-khế... Mãi tới đêm hôm qua, tôi mới tìm thấy lối giải-thoát... (cười to) thực là tôi đã hết sức ngay-thơ và khờ-khạo... một cái lý-luận rất đơn-giản đã cứu tôi và lôi tôi ra khỏi cái đàn rặng-khế kia... vâng, nếu bốn ý-kiến của các anh đều thiết-thực, đều xác-dáng cả, thì sao tôi lại còn phải nghĩ ngợi gì nữa, tôi cứ việc nghe theo cả bốn anh... vâng, bao nhiêu những cái gì rườm-rà, thừa-thãi ta cứ cắt phăng nó tuốt cả đi... Cái đẹp bao giờ cũng đơn-giản mà, tôi lại xin nhắc lại lời đó để bào-chữa cho cái công-việc bạo-dộng của tôi... Tôi nghe theo tất cả bốn anh, tôi bỏ tuốt cả bốn đoạn đi, và tôi mệnh-danh cho vở kịch của tôi là «Vở kịch hay nhất»... Hẳn các anh cũng còn nhớ, một nhà thi-hào đã có nói: «cái bài thơ hay nhất, là bài thơ không bao giờ làm»... vậy thì, «cái vở kịch hay nhất của tôi này, cũng là một vở kịch không bao giờ viết ra!».

Viết tại Trà-Hoa-trang
ngày 15-XII-54

VI - HUYỀN - ĐẮC



TRANH ĐỐ GIẢI TRÍ

Đố các bạn tìm 2 câu ca-đao hạp với tranh vẽ trên này.

Câu trả lời đúng sẽ được thưởng một phần quà nhỏ.



THẦN THÁP RỪA

(Tiếp theo trang 6)

CUỐI canh tư, Đờ bưng tỉnh. Hàng xóm gọi nhau ới ới thổi cơm. Gà gáy cuối phố. Cửa sổ vẫn rộng mở. Trăng sẽ vàng khè. Nhìn quanh vắng ngắt, duy hương vương lại, giương chiếu xô lệch, sách vở đập xuống đất, Đờ mới tin là chuyện thực. Bền đóng kín cửa để ủ hương thừa, ngăn ngợ, ủ rũ suốt cả ngày, không thiết làm gì.

Đêm nàng lại đến. Hồi tung tích, chỉ mỉm cười mà không nói. Gan dỏ thì nhẹ đáp:

— Đêm xuân ngán ngủ, hỏi làm gì? Đến với chàng thế này chưa đủ sao?

Đờ không chịu, định cần vận đến điều thì hai vòng tay mát dịu đã quàng nơi cổ. Đờ không cưỡng được mà mê đi.

Lại cũng như đêm trước, gả hàng xóm bắt đầu gáy, Đờ lại sực tỉnh một mình.

Từ đó, đêm nào cũng tới. Đờ bỏ cả sách, ăn uống thất thường, suốt ngày phờ phạc, sầm nậm đợi nàng từ lúc lên đèn. Có lúc nhớ tới cái không khí « giàn đưa lất phất » của Bồ Tùng Linh, Đờ rùng mình nghĩ là ma quái, nhưng lần đầu gần đàn bà, gia dĩ môi nàng ấm quá, da nàng mịn màng, cho nên định hỏi lại thôi, có ngờ cũng không cự tuyệt. Trăm nghìn câu hỏi, áp má người ngọc, Đờ lại mê đi mà quên hẳn.

Người chủ trọ vì quen tinh, cũng không lấy làm lạ, cho Đờ bỏ phờ bởi quá chán học, chỉ biết ái ngại lắc đầu.

CỦ như thế, thoát đã nở mùa hoa phượng. Cuộc tình duyên lặng lẽ giữa hai người kéo dài cả một vụ xuân. Một đêm, nàng đến mà ngời yên, nét buồn in trên vẻ mặt. Đờ có nắm tay, cũng gượng gạo mỉm cười nhưng không dấu nổi ưu-tư. Định hỏi, nàng đã thổ lộ bên tai:

— Đã đến lúc xa nhau rồi đây!

Đờ không tin mà cãi:

— Xa làm sao được? Mà ai bắt xa nhau?

Nàng ngời yên một lát rồi mới nói, giọng như đượm lệ.

— Chàng với em vốn có tiền duyên. Chàng còn nhớ ngày hội nguyên tiêu?

Đờ gật. Nàng nói tiếp:

— Em vì mãi vui hôm đó nên sa cơ mắc lưới. Chàng vì lòng hào-hiệp mà coi trời chơ em. Thù ờn nặng cùng chàng cho nên mới có ngày nay.

Đờ thốt nhiên nhớ lại, giật mình:

— Vậy ra nàng là...

— Em vốn là loài Rùa, tu đã trọn kiếp, nhất là có công với Đất Nước này nên được Thiên Đình giao cho cai quản ngôi tháp giữa hồ Hoàn-Kiểm.

— Nàng nói sao? Nàng có công với Đất Nước này?

— Chàng đọc sách nhiều, quên việc xây thành Cổ Loa rồi sao?

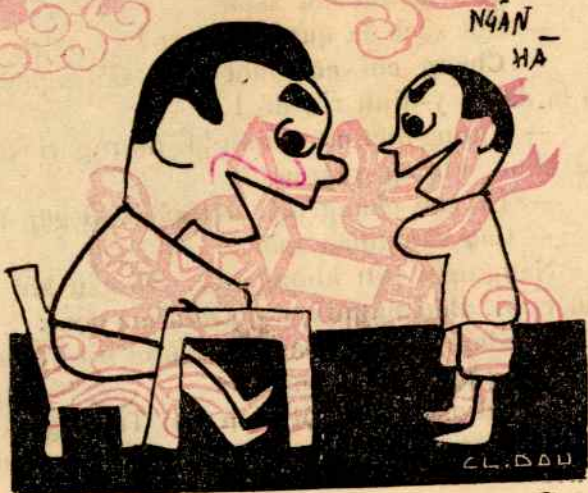
— Trời ơi! Thần Kim Quy!

THỰC THẢ

THẦY. — Chiếc bánh chưng bây giờ tôi cắt làm 8 miếng, lần thứ nhất anh ăn 3 miếng, lần thứ nhì anh ăn 5 miếng, vậy hỏi còn hay hết?

TRÒ. — Thưa thầy còn nguyên 8 miếng ạ, vì mấy hôm tết con ăn bánh chưng nhiều quá nên bây giờ con không thể ăn được nữa.

THẦY. — !!!!!



TAM-LANG XUÂN BẮT TẬN

(Tiếp theo trang 8)

Những nạn-nhân ấy bị xô-dạt vào đây chỉ còn có một hy-vọng, một hy-vọng duy-nhất là nhờ phượng Nam làm bàn đạp, cùng với đồng-bào nơi đây cố-kết đề ngày mai vượt dòng Bến-Hải nước còn hờn sôi căm hận, ngược về phương Bắc tìm lại những di-tích thân mến mình đã lìa bỏ ra đi trong bước vội-vàng.

Tổ-quốc Việt-Nam đã thấu rõ nỗi thống khổ của dân con dân lạc-lỡng Chính-phủ Việt-Nam đã nhìn rõ tâm-trạng của nhân-dân.

Tiếng súng ngăn cản cuộc di-cư đã không đủ làm át tiếng căm-hận của hàng triệu người còn đang bị cầm-giữ trong khu-vực máu của Tử-thần, cũng như tiếng sóng đại-dương đã không đủ át tiếng kêu gọi của hàng triệu dân quê miền Bắc-Việt.

Những người dân ấy, trong giờ phút thiêng-liêng của đêm Trừ-tịch này đang hướng cả về những vị lãnh sứ-mệnh trước bốn nghìn năm Lịch-sử Việt-Nam, những vị giải-phóng cho Quốc-Gia, Dân-tộc.

Trước những hành-vi bao-hàm một ý-nghĩa lịch-sử, trước những giờ-phút nghiêm-trọng hồi-xuân của Đất-Nước, người dân Bắc-Việt phải tỏ tri kiên-cương đã được chứng-minh qua bao lần nguy-vong của Tổ-Quốc, lồng lộng như gió núi, mây ngàn.

Một mùa Đông cũ đã hết để nhường bước cho một mùa Xuân mới sắp sang.

Trong cảnh đông, rừng phương Bắc, từ bốn tháng nay mù-mịt khói sương, người dân Bắc-Việt ly-hương đang chờ đợi Mặt-Trời dọi ánh hào-quang để phá tan những đám sương mù che khuất.

Hào-quang ấy là thứ hào-quang nhân-thế phát ra từ bộ óc sáng-suốt của những người đảm-nhiệm sứ-mệnh lãnh-đạo Quốc-gia Dân-tộc.

Cùng chung tâm-cảnh trước sự phản-hồi của mùa « Xuân bắt tận », toàn thể đồng-bào Bắc-Việt ly-hương vì quốc-nạn đang mong chờ ở các vị Thủ-lĩnh một tia hy-vọng, cũng như đồng, rừng, ủ-dột đang chờ mong những tia sáng chói lọi của Vầng Đông.

(Ngày cuối Đông 1954)
TAM-LANG



Biết Đỗ giận, nàng vội nhích lại gần :
— Nói đùa chàng*đấy... Thật tình biết chàng từ lâu, ngay từ khi chưa gặp...

— Thật hay đùa nữa ?

— Thật đấy ! Ngày ngày ven hồ mà đi nghe giảng văn, ai mà không thấy ? Lại những trăng đêm đọc sách, về ưu tư của chàng, gọn cả sông hồ. Em vốn cũng nặng tình với số phận Đất Nước, làm gì mà không để ý ?

Đỗ vội hỏi :

— Ở đây rồi sẽ ra sao, có thể biết trước được không ?

Nàng cười mà không giả lời.

Đỗ lại gắng hỏi, thì nàng đáp :

— Biết làm sao được ?

— Canh nàng chắc cũng có bàn luận nhiều đến thời cuộc, nữ nào lại còn dấu nhau ?

— Thân còn không tiếc, dấu chàng làm gì việc ấy ?

Đỗ tần ngần mà rằng :

— Tôi tưởng đã có định trước...

— Định hẳn làm sao được ?

— Thế sao lại có việc Lê Lợi đào được kiếm thần ?

— Đào được kiếm thần thì ai đào mà chả được ? Thiên-Đinh thật ra có biệt nhỡn riêng ai ? Chỉ sợ không xử dụng nổi kiếm thần mà thôi !...

Đỗ không tin :

— Nếu có kiếm thần trong tay thì còn sợ gì nữa ?

Nàng liền nói tiếp :

— Trước kia em cũng lầm tưởng như chàng cho nên mới huy công tu luyện mà ra công giúp đỡ Thục-Vương. Ấy thế mà rồi cũng hỏng cả... Nỗ thần dù mầu nhiệm, nếp xoáy Loa-thành có hiểm trở nhưng người đứng đầu không vững tay xử dụng thì đại sự vẫn không thành... Nhân sự thật là phức tạp. Tinh trước làm sao được mối oan tình Trọng Thủy, My Châu ? Cho nên Thiên-đinh dù có biết trước thời cơ cũng không lý nổi nhân sự... Lê Lợi, Quang Trung chẳng qua chỉ là những người ý thành, tâm chính, hiền thời, nổi dậy mà thiên hạ phải bình, có thể thôi !

Nàng bật lời, cúi đầu ngẫm nghĩ. Đỗ cũng cảm thấy xáo lộn trong tâm mà yên lặng không lời... Trên trời, sao từng ngôi tắt ngấm. Rì rào ngọn gió bắt đầu kể lẽ riêng tây đây đó, từng cảnh từng lá...

Giọng người thần nữ Kim Quy lại thồn thức cất lên :

— Trước kia vì đại-sự mà giận Mị Châu, bây giờ thật mới hiền nàng.

— Sao ?

— Lại còn phải hỏi ư ?

— Có bằng Mị Châu, Trọng Thủy không ?

— So sánh làm sao được ?

— Nếu muốn thử thách, liệu có dám làm như Mị Châu không ?

— Có lẽ cũng không giữ nổi lòng đâu !

Đỗ dụt dè :

— Ngộ... muốn xin chiếc kiếm Lam sơn thì sao ?

— Em được lệnh trên mà lấy lại kiếm thần nhưng lại không giữ...

— Ai giữ ?

— Chính Lê Lợi !... Nhưng chàng muốn được kiếm để làm gì ?

Đỗ chợt dẫn giọng :

— Nhận trách nhiệm. Mưu đại sự.

Dứt lời, gió đột nhiên từ bốn phương ào ào đưa lại. Vòm trời đen kịt nhặng nhịt ánh chớp. Căn gác rung lên cùng tiếng sấm vang dậy.

Thần Kim Quy tái mặt vùng dậy.

— Trời ơi !

Đỗ cũng hoảng hốt xô lại định giơ tay mà đỡ nhưng nàng đã rú lên :

— Đứng, đừng chạm vào em ! Em không còn là em nữa đâu !

Trước mắt Đỗ, thần Kim Quy... lần lần lộ nguyên hình. Đỗ thồn thức cổ nói :

— Đừng quên nhau...

Ánh chớp sáng loáng mai rùa, long lanh ngấn lệ. Thần Kim Quy gât đầu rồi từ từ bò khuất vào giữa cơn bão gió đen kịt đêm tàn xuân. Đỗ gục vào thành giương mà khóc cho đến sáng. Gần sáng, bão gió chưa tắt, mưa đã dội xuống. Rồi vừa mưa vừa gió xuất

ba ngày ba đêm, không lúc nào ngớt. Cây cổ thụ Kê Chợ bật gốc có đến mấy trăm thân, nhà Kê Chợ bay nóc có trên hàng nghìn chiếc.

Trời hừng nắng, thì cá ở hồ Hoàn Kiếm chết nổi lênh bênh như bèo Nhật bản. Thiên hạ hiếu kỳ rủ nhau đi xem đông nghịt ven hồ, ai cũng lấy làm lạ. Duy có Đỗ từ buổi đó thì thôi hẳn ra đường, suốt ngày thờ thần trong buồng, lăm lăm vật mình mà khóc, có đêm ôm gối trong tư, như điên như dại. Lúc đầu còn có bạn đến thăm, nhưng vì lãnh đạm không tiếp, lâu dần chẳng còn ai lui tới.

NĂM Mão qua đi mà trọn bốn mùa, Đỗ không thôi thương nhớ. Một ngày trọng Đông năm Thìn, Đỗ không đâu mà cảm thấy bồn chồn, tâm linh xao-dộng, dường như có gì thúc bách. Bèn tung chăn đứng dậy, bách bộ quanh buồng. Một lát, dừng bước trước đồng sách. Quen lệ cũ, đã định giơ tay với một cuốn : gió bắc chợt lợt kẽ song, phả vào mặt Đỗ một mùi tử khí từ đồng sách dâng lên. Nhìn kỹ, mốc xanh lốm đốm khảm liềm đồng sách đã tự bao giờ. Nhặng nhịt, nhện đã trắng to, to nhện hừng bụi tường tỏa trắng một góc buồng. Tự đêm nguyên tiêu kỳ ngộ, có lần nào Đỗ nén lòng đọc được một trang ? Vả lại, cũng tự đêm ấy, Đỗ bắt đầu thấy ngấy chữ nghĩa cổ nhân...

Đỗ nhìn xuống bàn tay. Bàn tay vốn xanh xao bỗng trở nên gân guốc. Như muốn đập phá. Như muốn cẩu xé. Thế rồi, giữ lại cũng không kịp, hai bàn tay, mười ngón chồm lên. Khi định thần, đồng sách đã nằm gọn trong lò sưởi góc phòng.

Cuộc phản thư bắt đầu.

NĂM xưa, ngọn lửa phản thư nhóm lên do một bàn tay ư chuyện « kbanh nho ». Kể sĩ đời Tần nghẹn-ngào, hân-học, lời nguyện rửa vược khỏi Trường-Thành, sang-sảng kịp đến tại hậu thế.

Giờ đây, lửa phản-thư lại do chính một kẻ sĩ tự ý gây lên. Lửa không lan rộng mà âm-ỷ xoáy hẳn vào bề sâu một con khủng-hoảng.

Đỗ nhập thiền, vừa chứng-kiến, vừa chịu cực hình một lễ hỏa thiêu la lung. Từng tờ một, quần-quai để rồi siêu-thoát từng nguồn tư-tưởng. Christ từ từ ngược lại quãng đường dẫn tới đỉnh Golgotha. Thích-Ca Mâu-Ni lại gặp một gốc Bồ-đề. Mã-khắc-Tư thủ thế trước Freud. Sartre giật mình, ngơ ngẩn trong một thế ngộ cut. Rồi lần lượt Hegel, Lão-Tử, Khổng-Khuru... Từng tờ một, thiêu dần từng nỗi băn khoăn. Đỗ qua từng cơn cảm giác tân-kỳ. Có lúc xót-xa như bị lột xác, có lúc dợn người như thoáng bóng ma, nhiều khi ê-chề như bị lãng-tri. Dần dà thì tâm-trí lảng lảng, ngũ-giác gấp phần minh-mẫn. Tưởng như mang nổi nghìn cân, mọc cánh mà bay ngang con hồng, con học, vươn mình đuổi kịp ngựa Kỳ, ngựa Kỳ.

Ngọn lửa trong lò cũng qua cơn ngùn ngụt, tới độ điều-hòa. Đỗ đắm mình trong hơi ấm của lửa. Giữa tiết trọng đông mà không khi gian phòng gợi đến nước sông Nghi và tấm áo mát của thầy Tăng Diêm. Không khi gợi đến hơi thở của...

EM đã về đây... chàng !

Lửa phản thư đã tắt. Trên đồng tro tàn của đồng sách hỏa thiêu, người thần nữ Kim Quy xuất hiện.

Đỗ bàng hoàng giơ tay chơi với. Nàng từ lò sưởi bước ra, hương thơm ngậy ngất quanh phòng.

— Trời ! Ta mê hay thật là nàng ?

Đỗ nắm chặt tay người thần nữ. Yên lặng ngùi ngùi trong gian phòng ấm áp.

Một lát sau, nàng nhẹ nhàng rút tay ra rồi mỉm cười :

— Đã quyết định rồi sao ?

— Sao lại hỏi thế ?

— Thế sao lại đốt sách ?

— Đốt sách là quyết định ư ?

— Chàng chỉ còn một chút sản nghiệp tinh thần. Hỏa-thiêu đi là đã có ý-định rồi đó !

— Không biết có ý định gì, nhưng vì đốt sách mà được gặp lại nhau, không quý sao ?

— Tại sao chàng biết đốt sách thì gặp lại em ?

— Cẩn vận nhau mãi !

Nàng ngồi yên không nói. Đỗ gan hỏi thì nhìn Đỗ mà mỉm cười. Bèn nắm lấy tay, đùa mà dọa :

— Không nói thì lại bắt chước họ Thắm, còn nhớ không ?

Nàng nghiêm nét mặt :

— Cái giây của một viên Thị Trưởng bằng sao được một mối tình ? Không cần trời cũng khó mà rời nhau...

Thấy Đỗ ngậm ngùi, nàng lại nói tiếp :

— Lần trước gặp chàng vì tiền-duyên. Cũng vì tiền-duyên mà mang lụy tại Động Đình Hồ. Nhưng vì mối tình của chàng có nặng, sống tình cặp tới Thiên-đình, nên em sớm được trở lại với chàng...

Đỗ lộ vẻ mừng :

— Có thể ở luôn với nhau được không ?

Nàng rằng :

— Sao lại không ? Nhưng còn phải đợi... Số là, lại với chàng, em còn một nhệm-vụ.

— Nói cho nghe...

— Chàng cứ yên, em xin nói. Trước khi gặp em, chàng thường bán khoán về thế-cuộc. Điều đó chân-thành xuất từ tâm can, hiện lên về mặt, tất không dấu nổi Thiên-đình. Nhưng muốn mưu Đại-sự một nỗi bán khoán tất nhiên chưa đủ. Cần phải có thời... Mà xét kỹ thì thời đến rồi đó...

Đỗ bồn chồn, ngồi sát lại gần :

— Xin nói rõ cho nghe...

— Chàng còn nhớ khi chia tay bạn trước, chàng có gợi đến việc kiếm thần...

— Quên làm sao được ?

— Chuyện có thể thành đấy... Nhưng... chàng có hiểu tại sao em lại về đây, giữa khi chàng đốt sách ?

— Hiểu làm sao được... Nàng nói cho nghe.

— Thật tình nếu không có việc đốt sách thì chẳng bao giờ lại được gặp nhau.

— Ồ !...

— Vì... Thiên-Đình tuy đề ý tới chàng nhưng còn đợi chàng tự ý quyết định.

— Ồ ! Vậy ra đốt sách là quyết định hay sao ?

— Chưa hẳn là thế nhưng ít ra cũng lộ một phần ý chí...

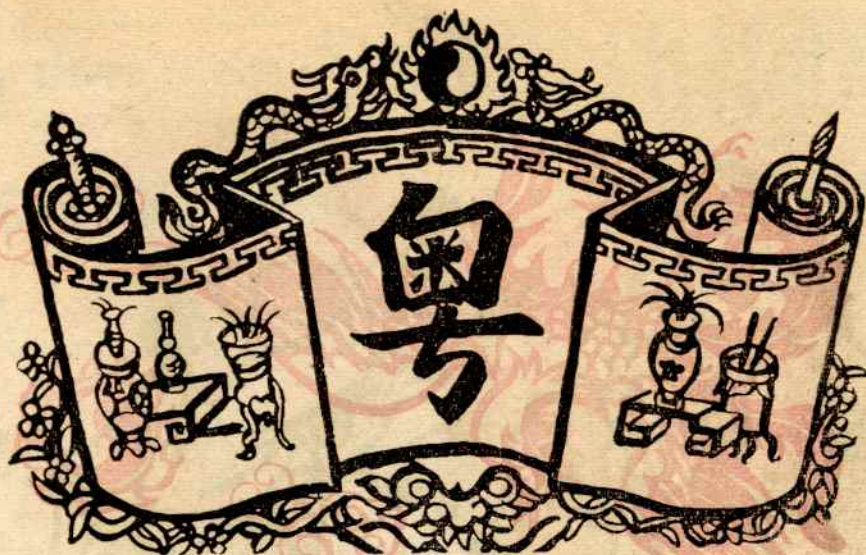
Đỗ vùng dậy, đi lại quanh phòng. Người thần nữ yên lặng nhìn theo, đầu mày cuối mắt lộ tình quyến luyến. Đêm lặng lẽ xuống dần. Lòng người trẻ tuổi trăm mối tơ vò.

Có cơn gió bắc lọt kẽ song, Đỗ rung mình tiến lại phía người thần nữ, người nàng ấm như áo khinh-cửu. Hai bàn tay run rẩy như hai con sứa. Đỗ hơi nhích ra xa, giọng cất lên biểu lộ nỗi đắn đo đến cực độ.

(Xem tiếp trang 36)



CON CHIM TRỐN TUYẾT



(Tiếp theo trang 3)

Bà Tiên nó xong, cỡi hạc bay bổng. Bà Âu-Cơ liền hội ngay năm mươi đứa con tình-nguyên theo bà đề hỏi ý chúng nó muốn hóa thành ra gì. Cả thầy đồng đáp :

— Làm người kiếp trước sống có lỗi. Nay được thoát xác, thành tiên, thì phải sống có đoàn. Kia đàn chim kia, từng đàn vui vầy, tự-do bay nhảy, ăn trái mà hát mừng những đẹp đẽ của thiên-nhiên. Ấu là ta hóa ra một đàn chim mền Tự-Do như thế !

..

Còn năm mươi đứa con kia, cùng Lạc Long-quân, nhờ phân nửa đoàn đã thoát xác, thành tiên, để lại chút ít thực-phẩm thêm, nên gắng gượng sống được. Nhưng đi quanh, đi lộn, trong rừng núi, chẳng tìm được gỗ ra. Thu đã rụng cây, làm cho lá vàng rụng xuống, đưa cảnh tro trụi. Rồi đông bắt đầu đưa lạnh đến. Đêm khuya, tuyết bay theo gió, làm cho đàn chim trên cành chịu không nổi, chịu chít cả cành thâu. Đám người tụ nhau quanh đồng lửa, đang hơ nóng cho một ông già quá mệt mỏi. Chốc chốc, ông nhìn bầy con năm mươi đứa mà rơi lụy. Vì ông đoán biết rằng, mấy hôm nữa đây, tuyết xuống nhiều giá sẽ đặc, bao phủ cả rừng núi. Còn đâu trái lủng lẳng trên cành, để hái mà ăn ? Còn đâu củi khô, để bẻ đốt sưởi cho ấm ? Các miệng hang sẽ bị tuyết giá che lấp, làm sao mà tìm được nơi ấm áp để che thân ? Từ khi vợ và phần đông con chết đến nay, ngày nào ông già này cũng đau khổ. Ông đau khổ vì thương con, thương vợ. Ông đau khổ vì từ ngày có cái tang lớn nọ, từ đâu không biết, có một đàn chim bay đến, quần quít theo đám cha con, không chịu rời. Và bây giờ, chính là đàn chim nọ chịu không nổi lạnh mà chịu chít cả đêm thâu. Té ra mình đau khổ, lại làm cho tạo-vật xót thương tình mà liên lụy...

Bỗng nhiên, ông thấy một ông già, râu dài, tóc bạc, vẻ mặt phượng phi, cỡi phượng từ trên không bay xuống, tiếng phượng gáy như nhạc tiên. Ông già hỏi :

— Con do đâu mà khổ-tâm xung lên tận chín tầng trời, ngăn phượng này bay qua không phủng ?

Lạc Long-quân đáp :

— Con không biết làm sao để cứu đoàn người này, đàn chim kia thoát khỏi lạnh lẽo của mùa đông tuyết giá. Đoàn người này cần phải cứu, để trường tồn giống người sống vì tình Yêu. Một ngày kia, khi loài người chán chê giết chóc, thù oán, căm hờn, sẽ nhìn vào đó mà lấy mẫu, làm gương. Đàn chim kia cần được cứu, để trường tồn giống vật biết cảm-thông với tình Yêu. Một ngày kia, khi mùa xuân lớn của nhân-loại đến, thì cùng nhau ca hát sự Vui-mừng lớn của vũ-trụ.

Tiên-ông suy nghĩ giây lâu, đáp :

— Muốn làm được việc ấy, cần phải có một lòng nhân-nại vô-biên. Mùa đông đến, thì trốn tuyết, hướng theo ấm áp của mặt trời, về phía Nam mà sống. Chờ cho hết đông, xuân đến, chừng ấy bay về Bắc mà reo hò với vạn vật xinh tươi. Đối với đàn chim này, con có thể mỗi năm, hễ thu đến, thì dắt chúng nó xuôi Nam, hễ xuân về, thì dắt chúng nó quay về Bắc. Còn đoàn người kia, một đi để trốn tuyết, cần phải chờ bao nhiêu kẻ khác đến hồi đau khổ quá cùng cực mà tìm mình để lấy mẫu, làm gương, cần phải chờ khi nào loài người hết suy-tôn thủ-tính mà thờ-phụng tình Yêu, cần phải chờ mùa Xuân của nhân-loại đến, thì đoàn người kia phải chờ mãi mấy ngàn năm. Trong mấy ngàn năm ấy, ai là kẻ diu dắt đàn chim kia, đông đến bay đi, xuân về thì về với ? Còn ai là kẻ theo nhắc chừng cho giống người ăn quả giữ được nếp của ông cha ? Ta sợ e suốt mấy ngàn năm, con cháu giống người ăn quả này mệt mỏi mà sa ngã ; mà khi mùa Xuân lớn đến, giống người còn, mà cái nếp chuộng tình Yêu không còn nữa.

Tình Yêu con, tình Yêu đàn chim của Lạc Long-quân quá bị dày vò bởi vấn-đề do Tiên-ông đặt ra. Người thưa :

— Nếu Tiên-ông thương tình, xin cho con ước một điều mà được. Con ước được hóa thành con chim trốn tuyết, vừa dắt đàn chim kia xuôi Nam mà tìm ấm áp của mặt trời, trong khi giá lạnh, mà đồng thời, hát véo von để gọi năm chục đứa con kia nhìn theo chim nọ mà ra khỏi rừng núi tuyết giá. Con sẽ thành con chim chứa đàn. Đoàn người kia sẽ hướng theo đàn chim mà đi về Nam, rồi tạm cư nơi đó. Rồi, năm, năm, con sẽ dắt đoàn chim trốn tuyết trở lại Nam mà nhắc chừng cho giống người này nhớ lại nếp cũ của cha ông, nuôi nấng trong lòng họ cái tình Yêu vô-biên của tổ-tiên mình, ăn-nhân mà chờ mùa Xuân nhân-loại đến.

..

Thế là Lạc Long-quân được như nguyện. Người thoát xác, biến thành con chim trốn tuyết. Đời sau thiên-hạ biết tên ông, nên đặt tên cho con chim trốn tuyết ấy là con chim Lạc.

Và năm, năm, khi dứt đông sang xuân, khi chim Lạc phải tạm rời đất Nam ấm áp này mà diu đàn chim về Bắc, thì những con cháu của ông bày một lễ rất lớn để tiễn vị tổ-tiên mình. Trong dịp này, họ nhớ lại nếp cũ của Lạc Long-quân, lấy tình Yêu làm lễ sống, lấy sự Hòa-nhập với thiên-nhiên làm mục-dịch sống. Và trong dịp này, họ đứng trước bàn thờ tổ-tiên mà khẩn vái. Khẩn vái cho mau đến một mùa Xuân của nhân-loại.

HỒ-HỮU-TUÔNG



TÌNH SỞ MỘT NĂM THỂ-THAO CỦA VIỆT-NAM TRÊN VẬN-DỘNG TRƯỜNG

Tuy nhiên chúng ta cũng gây được vài tiếng vang trong giải túc-cầu Á-châu.

Một điểm không may là đoàn đại biểu túc cầu Việt-Nam gặp ở quân đầu hội tuyển Hưởng-cảng, lẽ ra trận này sẽ là trận chung-kết, theo sự nhận xét của tất cả các khán giả.

Một sự lầm lỗi của Ủy-hội Thể-Vận Việt-Nam là để cho đoàn lực-sĩ đi tàu bè

thànhra khi dự trận banh tròn đầu tiên, phần chưa lấy lại sức, phần lạ sân, lạ khách, chúng ta phải thất bại trước một toán cầu chỉ cần chiến thắng với một giá nào. Thế là trước 11 cầu thủ của Hưởng-cảng, khán giả ủng hộ nhiệt-liệt hội Tàu, chúng ta ra sân với một tinh-thần quá thấp kém, trong hồn giận, trong bất mãn, trong sự chia-rẽ, hoặc vì lẽ này lẽ khác, chẳng tiện kể ra.

Có nên trách các lực-sĩ đã chẳng làm gì được không?

Các anh em đã tranh đấu với tất cả sức có thể của mình

Chúng ta thua xa thiên hạ chỉ tại mình còn quá kém cỏi, chỉ tại mình chưa được huấn luyện đầy đủ.

Như vậy, để có thể dự Vận-Dộng hội Thế giới tại Melbourne năm 1956, chúng ta nên có một cuộc sửa soạn, tổ chức, đào tạo và huấn luyện các lực sĩ, nếu không, chúng ta sẽ chẳng làm gì được hết nếu cứ vẫn dùng danh từ Trọng-Trung để che đậy sự thấp-kém của mình.

Những hội banh đã đến viếng Saigon như thế nào

Saigon là cái trạm cho các hội khi dừng chân trên bước trường chinh. Vừa thăm cảnh lạ xứ người, vừa đem môn bóng tròn huê-mỹ ra làm giấy bắc cầu liên lạc. Từ Koege, Tân gia Ba, đến A.I.K. chúng ta được mãn nhãn trước những lối chơi tân-kỳ. Bóng tròn là một lối chơi tổ hợp, cần sự góp sức của 11 cá nhân có tài, có kỹ-thuật riêng. Nước Việt-Nam cũng đã có một quá khứ về banh tròn rất tốt đẹp nhưng làng cầu không có một tổ chức như các nước nên chúng ta lại là đoàn hậu-tiến.

Người Việt-Nam chơi cầu rất hay, tuy vóc người tầm thước, nhưng có lợi là chạy mau, ẩn hiện lẹ làng. Thế nên bao nhiêu hội banh tiếng tăm ở Âu-châu hay Á-châu khi qua đây phải công nhận, người Việt-Nam và người Tàu đều có một trình độ khá.

Nhưng ta phải thú nhận, banh tròn của ta chưa đào tạo những thuật sĩ trên sân cỏ vì cầu giới chưa có sức quyến rũ để họ sinh sống dễ dãi.

Chế độ tài tử bắt buộc họ phải nghĩ đến vấn đề sinh nhai trước rồi mới nghĩ đến màu cờ sắc áo cho hội sau hoặc là cờ danh dự cho Tổ quốc. Chưa có một viễn ảnh tốt đẹp cho bóng tròn nhưng chúng ta phải bằng lòng trước sự cố gắng của các nhà đi đầu dắt các hội, các tổ chức bóng tròn đã có công làm cho môn này trở thành « môn thể-thao vua », như ở các nước khác?

Còn gì thích thú bằng người ngoại bang nhắc nhở đến người Việt-Nam khi hội của ta (AJS) thủ-huê với A.I.K. là hội hay nhất của Thụy-Điền.

Còn gì quý cho bằng lời bình phẩm của vị lãnh đạo Nam Hoa Hà nhuận Quang, là làng cầu Việt-Nam có thể đứng đầu Á-Châu, ngang với Đài-Loan, Ấn-độ, Nam-Dương.

Phải hai năm nữa, mới có những cây vợt hay

Cuộc tụ vọt mới đây giữa những vô địch Phi, Mã-Lai, Hưởng-Cảng, nhằm mục đích khuyến khích những cây vợt tương lai, khi mà những Cửa, Nửa đang đi lần xuống dốc.

Hơn 30 năm cầm vợt, những anh-tài trên có quyền được nghỉ ngơi. Nhưng có điều khi họ xa lánh trường cầu, chúng ta thấy chưa có ai dự tài để so vợt với các anh hào quốc-tế. Bằng chứng là đứng trước những danh vợt Hưởng-cảng hoặc Phi, chúng ta còn ở dưới họ một bậc.

Còn nhớ những năm nào làng vợt Đồng-Nai hùng-hậu với những Chim, Giao, Nửa, Nhánh, Sáu bảy giờ đây, những Bảy, Tài, Thanh hãy còn trẻ, tài nghệ còn phải học hỏi nhiều, còn cần phải dụng chặm nhiều mới mong chiếm lại địa vị cũ.

Mỗi năm, tổ chức được giải quần vợt như trên, ban tổ chức phải trừ liệu nhiều thì giờ để điều đình và phải bỏ một số tiền lớn để mời họ qua đây. Ta không thấy ban tổ chức có lợi lộc gì, vì số khán giả thua rất xa những sân quần Rolland Garros hoặc Forest Hill: gây những mầm non và giúp cho họ học hỏi thêm nhiều, đó mới là động lực cuộc tụ vợt để tranh những giải vô địch quốc-tế Việt-Nam.

Con đường còn dài mà sức người có hạn và ta hãy bằng lòng những cái gì đã có.

Chúng ta hy vọng gì ở tương lai

Chiến-tranh đã chấm dứt ở Việt-Nam, lẽ nào ta lại không có một chương trình để cho phong trào Thể-Thao được bành trướng như thời kỳ toàn thịnh của nó.

Người thể-thao mong ước có một sân vận động để biểu dương ý chí, tranh đấu trên thao trường.

Người ngoại quốc có thấy sân vận động mới có thể phê-bình không nhằm tinh thần thể-thao của Thanh niên giống Lạc-Hồng.

Có sân vận-dộng thanh niên mới có thể bỏ hết được những nhu cầu xa hoa tốn tiền không phù-hạp với tuổi họ. Họ mới khỏi sa ngã và bị quyến rũ vào con đường tội lỗi.

Một sân vận-dộng sẽ giúp ta có năng lực tổ chức những trận cầu quốc tế, những cuộc giảng đồ khảo võ như Á-Châu vận-dộng hội vắn vắn...

Một mùa Xuân mới ! hy vọng của chúng tôi không quá đáng và là hy vọng chung của Thanh-niên nước Việt.

Giờ này có lẽ các bạn đang thưởng xuân ! Chúng tôi cầu chúc các bạn thể-thao, một sức khỏe dồi dào, đầy nhựa sống như mỗi mùa xuân sẽ đem đến cho bạn vật hơi xuân ấm áp, nguồn sinh lực mới !

Mùa xuân bất diệt sẽ mãi mãi ở trong lòng người thể-thao.

VĂN HÒA

Đối với con nhà thể-thao, mỗi năm đem lại cho họ một ý-niệm mới về thể-thao.

Nhìn vào năm cũ để kiểm điểm những việc xảy ra trong 12 tháng và để cùng nhau, tìm một kết luận, một hy vọng. Sang năm, kiện nhì lực-sĩ lại trở lại thao trường đầy kinh nghiệm, với sức lực dồi dào, tấm nhuan dưới hương xuân ấm-áp, dưới những nụ cười đầu năm, hay khói hương trên bàn thờ gia-đình.

Con nhà thể-thao đã làm gì và anh sẽ đi đến đâu?

Bóng bàn Việt-Nam chế ngự Á-châu

Việt-Nam đoạt chức vô địch Á-châu đánh đơn và đánh đôi. Thành tích này giúp Việt-Nam lãnh đạo môn bóng bàn Á-châu. Vô địch Mai văn Hòa, được coi như là một thiên tài và anh đang mặt chiếm giải khôi nguyên nhờ thể-thủ được coi là bậc nhất.

Sau những kỳ so vợt với Leach, Bergmann và hầu hết các tay vô địch Thế-giới, Mai văn Hòa đã học hỏi được nhiều cái hay cũng như anh đã thay đổi lối chơi để phù hạp với cách đánh vũ bão của các cây vợt nguyên-tử mới.

Nhưng nếu những vị xừ giả của ta đã làm vẻ vang cho nước nhà ở hải-ngoại, những hoạt động về bóng bàn trong nước không được tích cực khuyến khích và suốt trong một năm, ít thấy có những cuộc so vợt giữa các bạn khách lạ với những các tay vợt cao xu Việt. Thiết tưởng, các nhà hữu trách nhất định năm nay phải làm thế nào để có một chương trình làm việc nhằm mục đích đào tạo nhân tài và khuyến khích những cây vợt tương-lai.

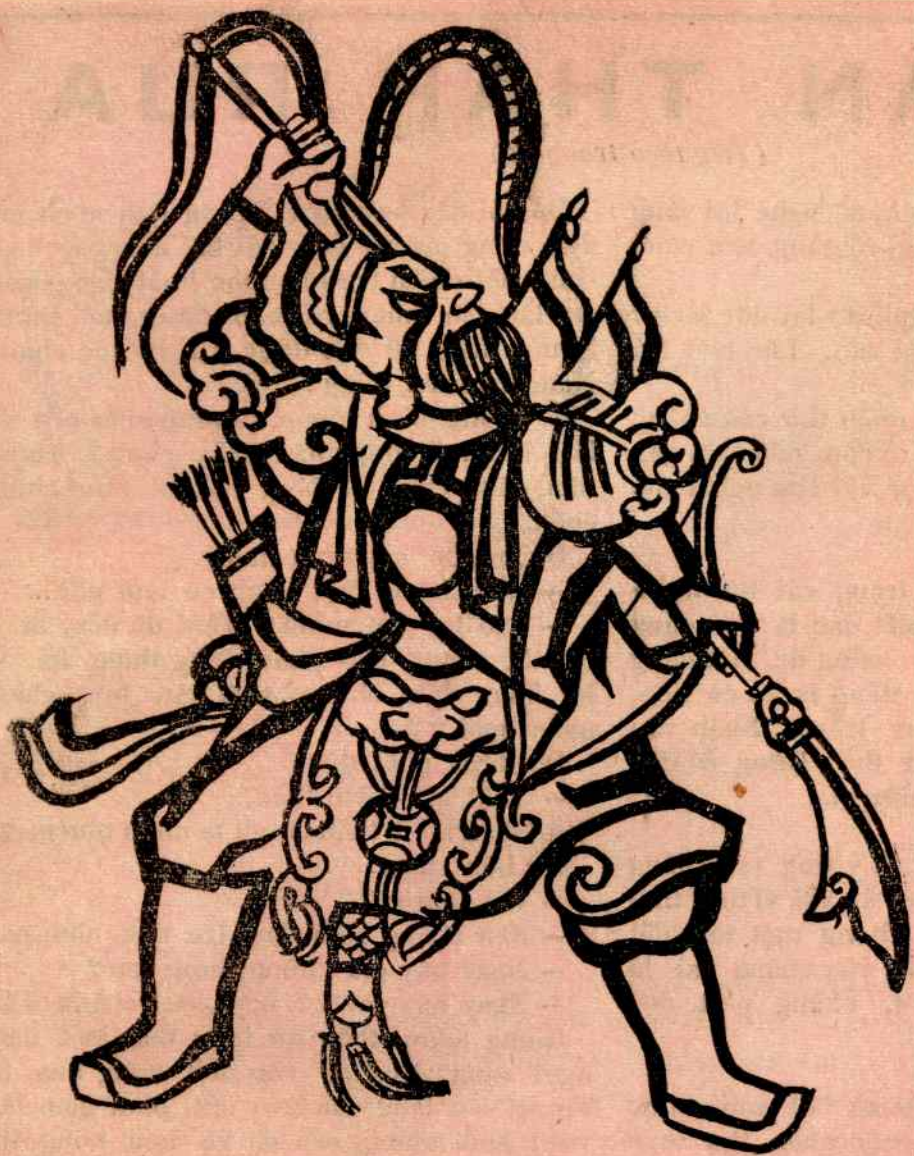
Luật đào thải không chừa một ai nhất là trong giới thể-thao. Vậy một Mai văn Hòa chẳng thể mỗi năm xách vợt đi di lượm chức vô địch Á-châu như bỏ đồ vào túi nhất là nhà vô địch bảy giờ nặng gánh gia-đình và đời sống của anh đem so với những nhà vô địch Âu-châu, chao ôi là một sự mỉa mai.

Ở đây hãy ghi cho ba nhà vô địch Hòa, Đức, Hằng, một điểm son và chúng ta còn chờ đợi ở họ những chiến công oanh liệt gấp bội.

Việt-Nam phó hội Ma-Ní chỉ là một tượng trưng, một cử chỉ thể-thao trên sân cỏ Rizal Memorial

Sau khi dự hội Thể-Vận Helsinki, năm nay Việt-Nam lại dự hội Á-Vận tại Mani.

Vì sau mấy năm chiến tranh, chưa có một công cuộc đào tạo về bề sâu những lực-sĩ, chúng ta phó hội Mani gần như với tư-cách một quan sát viên. Thực là mỉa mai nếu nhìn vào đoàn lực sĩ Nhựt, Phi hoặc Ấn-Độ.



TÌNH HÌNH

SÂN KHẤU CẢI LƯƠNG

BẮC VIỆT TRONG NĂM QUA CÓ GÌ LẠ ?

một lễ riêng khá đau lòng... Sỹ Tiến rời đoàn Bạch Tường về đầu quân cho đoàn Kim Chung và thêm ảnh hưởng của cuộc phân chia ranh giới Việt, Phan Ninh ở lại Hà Nội, đoàn Bạch Tường đang sống những ngày khủng hoảng nhất ở Hải Phòng và chờ ngày tan rã.

Ngoài hai gánh hát Thọ với sự hoạt động không lâu bền vì thiếu ý thức lãnh đạo, còn có những đoàn lớn do các ông bầu chủ trương: Kim Chung Thủ Đô, Kim Chung Hải Cảng, Kim Phụng, đã hoạt động liên tiếp từ đầu năm với số khán

những màn hồi tả thay đổi phòng cảnh chớp nhoáng, những bài trí phòng cảnh lộng lẫy, những y phục cắt lối mới lạ mắt màu sắc lòe loẹt, thêm những màn ca cải cách, ngâm thơ mới. Nhưng nó là nghệ thuật « tả pí lù » xáo trộn lung tung, hào nháng vui tai là mất phù hợp với ý muốn của khán giả trốn cảnh sống căng thẳng hãi hùng của thời cuộc, ham mê hưởng lạc để bù lại những ngày sống thiếu thốn trong lúc tàn cư.....

Các gánh hát biên thủy với một mớ quần áo cũ rích phải nhin đi lược lại tuồng Tàu, tuồng La-Mã, cốt làm sao có những màn « Riêu », những màn nhảy múa đề trưng đào, những màn đấu kiếm, đấu giao gươm, biểu diễn Judo v.v... Có thể nói họ bị quá lo lắng về cơm áo, nên phần xây dựng Nghệ thuật hầu như không có gì.

Riêng về Nghệ-Thuật Tuồng, Chèo Cỗ, đoàn Lạc-Việt và Hội đã cố gắng chấn hưng tinh hoa Sân khấu Dân Tộc, những vở Chèo đặc sắc có ý nghĩa lành mạnh như « Giữ thành, thành mất, chết theo thành », Đám Ngộ Chìm Châu, ông Đồ Nhị-Khê của Tam-Lang và « Thi Nhân với Ca Nữ », của Nguyễn-Bằng đã được diễn đi diễn lại nhiều lần, cũng không cứu vãn nổi tình thế thu ít chi nhiều của đoàn Lạc-Việt. Số khán giả Chèo ít quá so với Cải Lương, mặc dầu có cả một Hội Chấn hưng Ca Vũ nhạc kịch cổ điển nuôi nấng, một số Văn Nghệ sĩ ủng hộ tinh thần, những nghệ sĩ Chèo Cỗ chính tông phụng sự mà Đoàn Lạc-Việt vẫn cứ chết như thường.

Điêm qua sự hoạt động của các gánh hát Bắc-Hà, ta thấy rõ chỉ có 2 Đoàn Ca Kịch Kim-Chung, Đoàn Kim-Phụng và Đoàn Chèo Cỗ Lạc-Việt là có những vở mới do điều kiện cạnh tranh thúc dục sáng tác mà thôi.

Qua những sáng tác ca kịch đêm được trên đầu ngón tay như Giữ thành, thành mất, chết theo thành, và Thi Nhân với Ca Nữ của Đoàn Chèo Cỗ Lạc-Việt, Tinh Vương Ý Nhạc và Tinh Bền Quán Vãng của Đoàn Kim-Chung Thủ Đô, Đồi thiết hải xanh và Giai nhân với Ác Quỷ của Đoàn Kim-Phụng, thì Sân khấu Chèo Cỗ cổ công xây dựng nhất. Lồng vào câu chuyện lịch sử để nói lên lòng yêu nước nồng nàn của dân Việt một lòng kiên quyết giữ thành cùng sống chết với vị tướng lĩnh Hoàng-Diệu trước thế mạnh như chẻ tre của giặc xâm lăng, soạn giả Tam-Lang đã lưu lại một tác phẩm sân khấu bất hủ xây dựng tinh thần quật cường của nòi giống Hồng-Lạc ; nhưng rất tiếc hình thức ông Tam-Lang dùng để biểu hiện nội dung đẹp, lại là Chèo Cỗ một nghệ thuật phản ánh dân tộc tinh cổ hữu Việt-Nam nhưng đã lỗi thời chỉ còn thích hợp với tư tưởng bảo thủ tôn cổ trong thiếu số khán giả. Cho nên tác phẩm tuyệt tác đó không được phổ biến trong nhân dân.

Sáng tác của Cải Lương thiên hẳn về loại Ca Vũ nhạc kịch diêm huyền. Đáng kể nhất là vở Tinh Vương Ý Nhạc của nhà văn Hoàng-Lan do Duy-Diêm — Tuấn-Sửu biên soạn thành vở Ca Kịch. Vở hát này do đoàn Kim-Chung Thủ-Đô trình diễn liên tiếp 34 buổi tại rạp Văn-Lang Hà-nội. Đặc biệt Đoàn Kim-Chung áp dụng phương pháp cải cách sân khấu bằng ánh sáng quang tuyến, những

NĂM 1954 Sân khấu Cải-Lương Bắc-Việt đã khai sinh ra 2 Đoàn hát thọ : Đoàn Bích Hợp — Huỳnh Thái và Đoàn Bạch Tường.

Bích Hợp, Huỳnh Thái, Bạch Tường là những đào kép hát làm công cho chủ từ ngày theo nghề Tờ, nhờ tài ca mùi cũng như diễn xuất đặc biệt, họ được lĩnh lương cao, và tên tuổi được lưu luyến trong lòng khách mộ điệu.

Ôm ấp từ lâu mộng được trông nom riêng gánh hát để thực hiện một Sân khấu tự do hơn, hy vọng giải thoát tâm hồn trong những vở hát nghệ thuật đặc sắc, muốn thoát ly cuộc sống làm công chịu sự chỉ huy về nghệ thuật của các ông bầu, nhờ cơ hội may mắn có người giúp vốn, họ mạnh bạo đứng ra lập gánh hát Thọ, mong đem lại một cuộc sống dễ thở chung cho anh chị em nghệ sĩ công nhân.

Qua bao nhiêu khó khăn nội bộ và những chương ngại giăng mắc bởi thiếu số bầu gánh, nhờ sự đoàn kết nhất trí, hai gánh Hát thọ ra đời được sự ủng hộ sốt sắng của bà con hâm mộ Cải Lương.

Nhưng rất tiếc gánh hát Bích Hợp — Huỳnh Thái đương có tin nhiệm với khán giả thì than ôi ! trước ngày hiệp định Giơ-Neo ký, Đoàn B.H. — H.T. vì mâu thuẫn quyền lợi câu sắc giữa thân nhân Bích Hợp cũng như Huỳnh Thái đã rẽ gánh, sẽ đồ đạc làm đôi. Huỳnh Thái đi gánh hát biên thủy lang thang sắc tỉnh lẻ, Bích Hợp về Hải Phòng dựng lên đoàn Bích Hợp kiếm ăn lần hồi, còn các đào kép Thọ nạn nhân của vụ trâu bò húc nhau phải tản mạn tìm việc làm ở các gánh khác.

Đoàn Ca kịch Bạch Tường phần chấn bao nhiêu lúc khai trương với sự diu dắt của Sỹ Tiến — Phan Ninh và sự cộng tác của nghệ sĩ Ca kịch miền Nam : Lê Thành Các đem theo đèn chiếu ánh sáng quang tuyến, cùng một loạt tuồng mới như « Khi người diên biết yêu — Hiệp sĩ Xi-Ra-Nô », đã reo vào lòng khách mộ điệu một niềm tin tưởng. Nhưng mới qua được vài tháng hoạt động, vì

giả kỷ lục, nhưng mới đây cũng bị ảnh hưởng mạnh mẽ của thời cuộc, Đoàn Kim Phụng ở lại Hà Nội, hai đoàn Kim Chung hợp nhất lại xuống hát ở Hải Phòng và hiện nay đang hát ở Nam.

Đặc biệt trong làng Sân khấu Bắc-Việt còn có những gánh nhỏ gồm những đào kép nhà nghề nhưng tài năng non kém đi kiếm ăn ở các tỉnh lẻ. Đó là những gánh hát « Biên Thủy ». Những gánh này hiện nay tan rã, các đào kép thì có người ở lại Hà Nội làm cho các gánh mới tổ chức lại do những đào kép « bên kia » về phụ trách, còn một số lớn thì xuống Hải Phòng đầu quân cho Đoàn Bích Hợp, Bạch Tường, hay Kim Chung đóng vai phụ sống cho qua ngày.

Bên Sân khấu Cải Lương, còn có Đoàn Lạc Việt diễn Chèo và Tuồng Cỗ do Hội Chấn Hưng Ca Vũ Nhạc Kịch cổ điển chủ trương. Đoàn Lạc Việt hiện nay tan rã theo cuộc đổi chủ Hà Nội, có kẻ ở lại và có người ra đi...

Nhìn vào lực lượng nghệ sĩ Ca Kịch hiện nay có thể nói chỉ một đoàn Kim Chung còn đủ sức vào Nam, những đoàn khác thiếu hẳn điều kiện tài chính và chuyên môn nên khó lòng thực hiện nổi việc di cư cả đoàn vào hạ chẳng chỉ có một vài cá nhân như Bích Hợp, Bạch Tường lên đường vì không muốn sống dưới chế độ Cộng Sản.

Cũng trong năm 1954, các vở hát mới được tung ra rất nhiều để chiều theo thị hiếu của một số lớn khán giả muốn giải trí ban đêm chỉ vụ lấy điều vui tai là mắt, tránh phải suy nghĩ mệt nhọc. Năm trúng yếu diêm đó, các ông bầu gánh liền tung tiền ra quảng cáo rầm rộ cho vở mới loại diêm huyền ca vũ nhạc kịch bằng văn chương « lộng ngôn » lời kéo được gần hết khán giả nội ngoại thành. Kết quả có những vở hát diêm thông luôn 34 buổi liền : vở « Tinh Vương Ý Nhạc » Đoàn Kim Chung Tiếng Chuông Vàng Thủ Đô trình diễn và 32 đêm liền vở « Giai nhân với Ác Quỷ » của Đoàn Kim Phụng. Đặc diêm của hai vở hát này là những màn Vũ Khúc kín hở dưới ánh đèn sơn quang tuyến,

màn hồi tả và cách thay đổi phong cảnh chớp nhoáng. Phương pháp cải cách này cũng được đem dùng trong vở Tình Bền Quán Vắng bi hùng ca đã sử của Ngọc Văn và đã kéo dài được hơn hai mươi buổi.

Đoàn Kim Phụng trước nan khan tuồng liền tung ra vở Đồi Thiết Hải Xanh ca vũ nhạc kịch diễm huyền phỏng theo chuyện phim « Les Chaussons Rouges » đã chiếu trên màn bạc Hà-Thành.

Đoàn Kim Phụng áp dụng ngay ánh sáng quang tuyến vào những màn Vũ Khúc và đặc biệt chiếu một đoạn phim đen và cảm giới thiêu trước các tài tử trong vở Đồi Thiết Hải Xanh. Tiếp sau đó, đến vở Giai Nhân với Ác Quỷ, lần này ánh sáng quang tuyến, những đoạn phim được tận dụng triệt để. Kết quả vở này cũng diễn được 32 buổi liền sau vở Tình Vương Ý Nhạc.

Sân khấu Cải Lương Bắc-Việt hồi này loạn lên vì vở mới diễn kéo dài, các điệu nhảy múa, ánh sáng ngũ sắc, quần áo cắt lỗ lằng lằng sắc lòe loẹt, chói tai nhức mắt vì những lời quảng cáo phong thần. Khán giả chỉ còn bàn đến hình thức này đẹp hơn, là hơn hình thức nọ, mà không còn ai nghĩ đến nội dung vở hát ra làm sao? Có bổ ích gì cho mình không?

Xấp hạng thì tuồng ca vũ nhạc kịch diễm huyền ăn khách nhất, thứ đến tuồng Phò tuồng Tàu rồi mới đến các loại Trình Thám, Xã hội, Dã Sử.

Bởi vậy năm 1954 ngoài vở Giũ thành, thành mất, chết theo Thành của Tam Lang lành mạnh nhất, chỉ còn kể đến vở Tình Vương Ý Nhạc một cải cách lớn của Cải Lương loại diễm huyền có một nội dung đề cao tinh thần giác ngộ của con người làm lỗi. Sân khấu Cải Lương Bắc-Việt hầu như đang đi vào con đường bế tắc, bị lái theo thị hiếu tầm thường của một số khán giả, Cải Lương đang cải đổi bừa bãi hình thức đề kiểm tiền.

Kip đến ngày lịch sử đau thương của dân tộc, giang sơn gấm vóc bị cắt đôi, Sân Khấu Cải Lương Bắc-Việt cũng đổ bể, nghệ sĩ ca kịch cũng như đồng bào có kẻ ở lại có người ra đi. Sân khấu Cải Lương Bắc thu hẹp sự hoạt động vùn vùn chỉ còn một gánh lớn (Kim Chung) và hai gánh nhỏ (Bích Hợp, Bạch Tường) sống lênh lênh ở khu 300 ngày.

Rồi đây Hải-Phong, cứ-diễm cuối cùng của khu Quốc Gia, sẽ rút hết, các nghệ sĩ ca kịch Bắc di cư sẽ xây dựng nghề Tô chung với làng « hia mao » miền Nam. Ngoài Bắc-Việt sẽ vẫn còn Cải Lương nhưng phải uốn nắn lại theo ý muốn của các Chính trị viên, của Đảng; các loại tuồng La Mã, diễm huyền không còn đất tung hoành, nghệ thuật Cải Lương chỉ còn sống tạm bợ trong kế hoạch liên minh và sẽ bị lần lần tiêu diệt.

Nam-Việt nơi khai sinh ra nghệ thuật Cải Lương, nơi sản xuất ra bản ca Vọng Cổ sẽ trau dồi bi quyết Ca cho các bạn nghệ sĩ di cư, nhưng tìm được một đường lối trình bày nghệ thuật riêng biệt để cải tiến nghề Tô và được lòng mến của khách mộ điệu, là do chính bản thân các bạn cố gắng.

Một cơ hội rất tốt để thống nhất ngành Cải Lương Nam-Bắc đã có, chúng ta hân hoan đón lấy để cho ngày về thấy lại quê hương, nghệ sĩ ca kịch di cư có món quà sân khấu đặc biệt: Nghệ sĩ Bắc ca Nam trúng tiếng và chắc nhịp, với những vở mới sáng tác đặc sắc, cho khỏi hổ danh « tay gậy yếu mãi lần theo đường Sự Nghiệp » gần trọn đời theo nghề Tô mà không vun trồng nổi một cây hoa hương thơm ngào ngạt tô diễm cho Vườn cảnh Cải Lương.

LÊ VĂN

THẦN THÁP RỪA

(Tiếp theo trang 33)

— Giờ đây xin ngồi yên để nghe lời vàng ngọc. Nàng hãy giảng giải rõ ràng. Sau cùng sẽ xin quyết định.

— Xin hỏi lại chàng, tại sao lại đốt sách?

— Cũng không hiểu tại sao. Lúc biết thì lửa đã bén vào sách.

— Thật ra thì cái việc phần thư của chàng âm-ý đã từ lâu. Từ lâu, từ đêm đầu tiên gặp gỡ, chàng đã thấy bức rộc với chữ nghĩa của người xưa...

— Xin nghe...

— Chàng khổ tâm vì trong cái thế tranh hùng Hán Sở, không biết đâu là nơi dung võ. Một đảng là búa đập xuống đe, một đảng là mặt đe nẩy lửa. Một đảng là kẻ có tiền, một đảng hoàn toàn tay trắng. Nhấp vào đâu cũng chỉ là kẻ nhất thời. Đứng ở đâu cũng là mượn tạm đất đứng...

— Vậy đốt sách...

— Lặng yên, em nói... Lý ung ra, chàng phải nhập vào bọn người áo vải vì thật tình sản nghiệp của chàng không một tấc đất cắm dùi. Nhưng cái khổ của chàng lại là những uẩn khúc tâm tư, nhằng nhịt, dọc ngang như thế bàn cờ...

— Vậy đốt sách đi...

— Đốt được nhà... nhưng đốt sao được sách? Chàng còn nhớ cuộc phần thư thừa bắt đầu xây dựng Trường Thành? Càng đốt sách, nghĩa của chữ lại càng trong trẻo, dễ vút lên cao, dễ lan ra rộng... Họ Tần đốt sách Khổng Khuru vậy mà cái lý Tam cương của người nước Lỗ đâu có bị hỏa thiêu cùng sách?

— Vậy ra đốt sách...

— Là một chuyện cần. Vì đối với chàng, đó là một hành vi quyết-định. Hành vi đó lại là một lời cầu nguyện động đến Thiên-đinh. Và em đã được phép trở lại với chàng, khi lửa phần-thư bắt đầu dịu ngọn. Chàng muốn thiêu-hủy đến không còn một tấc đất tư duy. Nhưng kết cục, chàng lại thấy em, giữa đồng tro tàn. Em là của chàng. Cũng như đã từ lâu chàng là của riêng em.

— Nói vậy, hóa ra lại thành Vương Khải, Thạch Sùng? Cái lẽ quyết định là ở chỗ đó sao?

— Sao lại mơ hồ đến thế, hờ chàng? Mặt trời sắp mọc và mặt trời đang lặn, ánh sáng tuy bàng bạc như nhau, nhưng sao lại vì cái thế bình minh khởi sắc với ánh tà thoi-thóp của lửa hoàng hôn?

Đồ cúi đầu suy nghĩ. Trong tịch tịch của đêm đông, người con trai bắt đầu giác ngộ. Giữa bãi chiến trường nhọn hoắt dao gươm, Đồ lần lần nhận rõ chỗ đứng của mình. Người thần nữ đọc được ý nghĩ của chàng. Nàng bèn lên tiếng:

— Trong binh pháp, thường nhắc đến thế hổ thỷ. Chàng nhận thấy chưa? Không tiến cũng chết. Mà đứng yên lại càng chóng chết.

Đồ ngược mắt nhìn nàng:

— Không biết một mình có làm nổi...

— Sao lại một mình? Thời đã đến, ắt là cái thế chung cho phần đông thiên hạ. Và lại kiếm thần sẽ giao phó tận tay, chàng ngần ngại ư?

Đồ đứng phắt dậy:

— Thật ư? Kiếm thần...

— Nhận kiếm thần chính là nhận nhiệm-vụ.

Đồ bèn chồm:

— Vậy bao giờ?

— Hẹn chàng giữa đêm trừ tịch, năm nay.

— Ngay bây giờ không được sao?

— Ngay bây giờ ư? Bây giờ... chàng ơi!...

Giọng người thần nữ thiết tha. Mắt nàng ngời sáng. Đồ lạc vào một rừng hoa lạ. Trong yên lặng của trời đất, phút giao hoà vượt khỏi nhưng của da và hoa hồng tìm thăm của môi, chơi vơi tới mãi những thượng tầng khinh thanh cao vút.

Gà gáy sáng tự bao giờ.

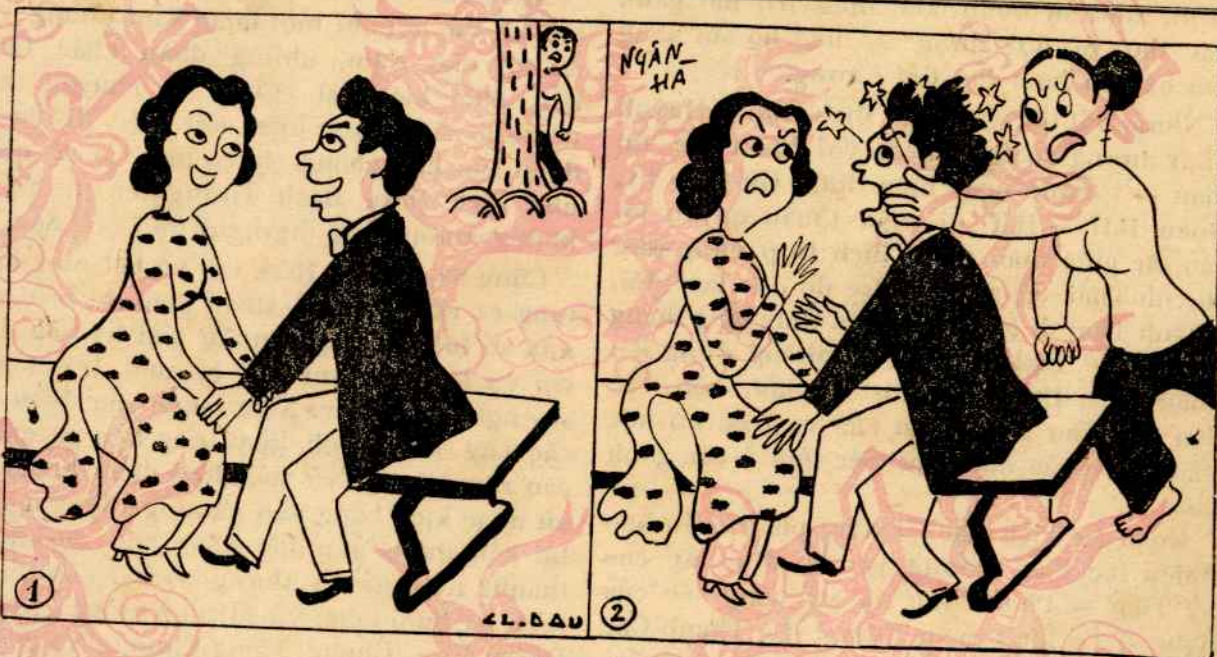
NĂM Thìn, giữa đêm trừ tịch, cầu Thê Húc tự nhiên sụp đổ. Người Kể Chợt đi xin lộc đèn Ngọc Sơn ngã xuống hồ không biết bao nhiêu mà kể. Thiên hạ xôn xao. Có người cho là Thần Rùa báo oán việc xưa. Có kẻ nghĩ là điềm gở, tính việc bần nhà mà bỏ vào Nam.

Lúc sửa lại cầu, viên đốc công thấy chân cầu tuy gãy mà gỗ vẫn tốt nguyên. Duy chỗ gãy như có vật sắc phạt ngang, ngày đêm rỉ nhựa đỏ lôm như máu. Nói lại, ai cũng cho là lạ. Kể bàn, người tán, không biết ra sao.

Có người biết Đồ, tìm đến tận nơi định hỏi. Nhưng cũng giữa đêm trừ tịch, Đồ đã bỏ kinh thành, biệt vô âm tín.

Câu chuyện rồi cũng tàn dần.

Hanoi-Saigon 1954
V. K. K.



NANG. — (nùng nũ) Trông cái mặt đáng ghét chưa, năm mới để người ta chờ mãi, em lại mừng tuổi cho mấy cái tát bây giờ...

CHANG. — Đấy mà đây có giỏi cứ...

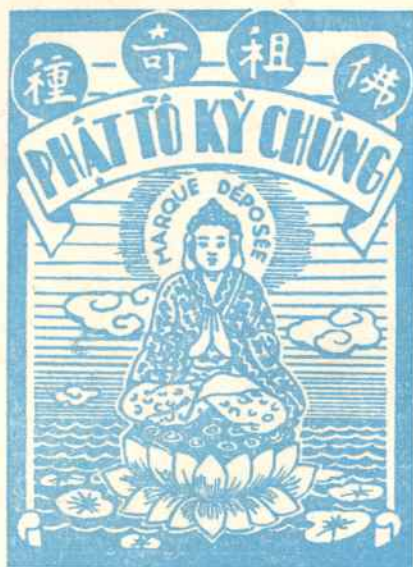
MUỐN THÌ ĐƯỢC

.... tát đi....

NANG. — !!!!!

PHẬT TỔ DANH TRÀ

CÓ BA
ĐẶC ĐIỂM :



1. — Nước
xanh

2. — Cành nhỏ

3. — Hương thơm

Người Việt-Nam chỉ nên dùng trà
PHẬT TỔ do người Việt-Nam
chế tạo.

Nhà chế-tạo và phát-hành :
446, đường Trưng-Nữ-Vương
TÂN-ĐÌNH — SAIGON

GIẶT QUẦN ÁO THEO PHƯƠNG
PHÁP MỚI.

GIẶT QUẦN ÁO THEO PHƯƠNG
PHÁP NÀO CHO CÓ LỢI.

LỢI THÌ GIỜ ! LỢI TIỀN BẠC !

Quý Bà Quý Cô hãy dùng thử một
hộp thuốc giặt khoa-học hiệu
« BLANC ». Quý Ngài sẽ vừa lòng
vì thấy bộ quần áo trắng trẻo
như mới.

Bán sỉ :

PHƯỚC-HẢI

160 Bd Gallieni Saigon

THUẬN-HƯNG

33 đường Piquet Cholon mới.

Hãng PHƯỚC-HẢI chế-tạo Hóa-Học phẩm thông-dụng

CUNG

CHÚC

T Â N

XUÂN

Thuốc Thơm
ÁCH CHUÔNG ĐỎ
Giá trị cao



GIÁ BÁN
8\$

Đề bắt đầu một kỷ-nguyên sáng-tác mới với đặc-tính :

- Đả phá mọi hình-thức văn-ngệ chỉ-huy
- Phát-huy nhân-tính của con người toàn-diện hướng theo bước tiến của xã-hội.

Nhóm Tự Do

sẽ lần lượt xuất-bản trong năm 1955

Đêm trừ-tịch (tiểu thuyết)	của Mặc-Thu
Thành-Cát Tư-Hãn (kịch)	của Vũ-Khắc-Khoan
Ngày mai tươi sáng (tiểu thuyết)	của Như-Phong
Tiếng ca bộ-lạc (thơ)	của Đinh-Hùng
Tị-Bái (tiểu thuyết)	của Nguyễn-Hoạt
Bát com, bát máu (tiểu thuyết)	của Mặc-Thu
Mơ Hương-Cảng (tùy bút)	của Vũ-Khắc-Khoan
Quán Cháo lú (kịch)	của Vũ-Khắc-Khoan
Muốn hiểu nghệ-thuật hội-họa (khảo-cứu)	của Phạm-Tăng
Thăng-cảnh Việt-Nam qua Thi-Ca (sưu-tầm và khảo-cứu)	của Phan-Phong-Linh
Một vợ, năm con (tiểu thuyết)	của Mặc-Đỗ

Bắt đầu ngày 12-1-1955 đã phát hành :

ĐÊM TRỪ TỊCH

Nhà Xuất-Bản NGƯỜI-BỐN-PHƯƠNG :

- Sẽ ra mắt các độc giả với những cuốn sách có giá trị, đủ loại, ra đều.
- Nơi gặp gỡ của tất cả các bạn văn nghệ-sĩ tài ba với những tác phẩm chọn lọc.

LOẠI TIỂU THUYẾT. — Sẽ phát hành trong mùa xuân 1955.

— **BIÊN THỦY MỘT CÔI** lịch sử tiểu thuyết của NGUYỄN-QUỲNH. Tiểu thuyết đầy hào hứng và hấp dẫn nêu cao chí khí quật cường của dân tộc.

— **QUÊ NGƯỜI** (tái bản) tiểu thuyết của TÔ-HOÀI. Tiểu thuyết xã hội tả chân thương tâm nhưng không kém phần thơ mộng đã được nhiệt liệt hoan nghênh trong mọi gia-đình.

— **THƯƠNG EM...** LẠC HƯƠNG ĐỜI tiểu thuyết của HUY-SƠN. Sáng tác mới mẻ, sức động, say-sưa và quyến rũ với những nhân vật siêu phàm.

— **ĐỢI MỘT MÙA HOA** tiểu thuyết của HUY-SƠN. Tiểu thuyết tình cảm, đẹp và buồn.

— **DÂN VI QUÝ** xã hội tiểu thuyết của VIỆT-XUÂN. Những tâm hồn cách mạng và phần cách mạng vật lộn dưới hình thức các nhân vật của thời đại : quân-dân-chính. Những « tài liệu sống » nỏ tả đời sống bấp bênh và cùng cực của người dân Bắc-Việt trong thời tạo loạn.

— **NHỮNG CHUYỆN TÌNH VIỆT-BẮC** tiểu thuyết tranh đấu của THẾ-PHONG.

Những mối tình thanh cao, đầy thơ mộng qua các miền dân tộc thiểu số Việt-Bắc trong cuộc tranh đấu vì chính nghĩa Quốc-Gia.

Đang soạn :

LOẠI BIÊN KHẢO — Với những cuốn sách biên khảo công phu về lịch trình tiến hóa của các nước dân chủ trên thế giới...

LOẠI TÌM HIỂU — Với những cuốn sách phổ thông chính trị của những chiến-sĩ cách mạng Quốc-gia đã từng tranh đấu, hiện đang tranh đấu và sẽ còn tranh đấu...

LOẠI BỐN-PHƯƠNG — Với những cuốn sách dịch rất công phu các tinh hoa văn nghệ các nước bạn...

LOẠI THANH NIÊN — Với những cuốn sách vui, đẹp, bổ-ích và lành mạnh nêu cao gương sáng, củng cố tinh thần tranh đấu bất diệt của thế-hệ thanh-niên hiện tại...

Nhà Xuất-Bản NGƯỜI-BỐN-PHƯƠNG :

— Rất hoan nghênh sự cộng tác của các bạn văn-ngệ xa gần, và xin thăm cảm ý-kiến của các bạn bốn-phương.

— Cần liên lạc với các đại-lý và hiệu sách trong nước và ngoại quốc. Xin cho biết địa chỉ để giao-dịch.

— Nhiều điều kiện dễ dàng dành cho đại lý bán sách rong và ở thôn quê.

Nhà Xuất-Bản NGƯỜI-BỐN-PHƯƠNG

Giám-Đốc : ĐỖ-XUÂN-GIỪNG

Trụ-sở : 71-15A Đường Audouit Saigon — Hộp-thơ số : 668 Saigon

HÒA-XA VIỆT-NAM

Nha giám đốc : số 2 Công-trường Cuniac — Saigon

Giấy nói số : 20.105 — 23.356 — 23.840



Những đường xe lửa đang Khai thác :

SAIGON — NINH HOA :	465 Cây số
TOURCHAM — DALAT :	84 —
SAIGON — LOC NINH :	141 —
SAIGON — MYTHO :	70 —
TOURANE — DONGHA :	171 —



Giá vé xe lửa trên những quãng đường chính.

Quãng đường	Hành-Khách đi một lượt			Hành-Khách đi Khứ hồi		
	Hạng Nhất	Hạng Nhì	Hạng Ba	Hạng Nhất	Hạng Nhì	Hạng Ba
SAIGON-LOCNINH	118 \$	73 \$	47 \$	200 \$	125 \$	80 \$
SAIGON-DALAT	434	209	167	738	355	284
DALAT-SAIGON	438	211	169	745	358	287
SAIGON-NHATRANG	345	259	194	586	440	330
TOURANE-HUE	107	83	59	181	141	101



Đường hàng hải :

HAIPHONG - TOURANE - NHATRANG
BANGOI - SAIGON

Có nhận chở hàng hóa tới nhà băng xe hơi ở
SAIGON — NHATRANG — TOURCHAM — DALAT

TRONG LÚC NHÀN DU, XIN MỜI QUÝ NGÀI ĐẾN
PHÒNG GIẢI KHÁT :

PAM PAM... Đại lộ Bonard

NƠI ĐÂY QUÝ NGÀI SẼ ĐƯỢC HƯỞNG :

- Những thú giải khát thanh khiết
- Khung cảnh mát mẻ và lịch sự
- Những bản nhạc êm-dềm đầy thi vị

Cung Chúc Tân Xuân

Kính chúc quý bạn hàng được may mắn
trong năm Ất-Mùi

M/s KHANH HOA — S/s HƯƠNG KHÁNH

Le Comité d'Exploitation :

HẰNG TÀU VIỆT TÀI — C^{ie} TRUNG HAI
25-27, Rue Lefebvre - SAIGON — Téléphone : 23.175

Cung Chúc Tân Xuân

MINH-KHAI

BÁN BUÔN VÀ BÁN LẺ CÁC ĐỒ
MỸ NGHỆ VIỆT-NAM

150, đường Catinat

SAIGON

Cung Chúc Tân Xuân

TRƯƠNG QUỐC OAI

20, đường Nguyễn Công Trứ — CHOLON

CẤT NHÀ CỬA

NHẬT BÁO TỰ-DO

Nhóm chủ trương :

Tam Lang, Mặc Đỗ, Đinh Hùng,
Như Phong, Mặc Thu

XUÂN TỰ-DO

NAM-VIỆT : 25 \$
Ngoài NAM-VIỆT : 30 \$

Ủy-viên trị-sự kiêm quản-lý :

LƯU-ĐỨC-SINH